

Số 237

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Kính Mừng
ngày Nhà giáo
20/11



TÀI TRỢ CHÍNH



ĐÓN XEM CHƯƠNG TRÌNH “ON GIỜ! CẬU ĐÂY RỒI!”

Trên kênh **VTV3** lúc 21g15 thứ bảy hàng tuần, phát sóng từ ngày 31/10/2015

• www.hoasengroup.vn • www.facebook.com/hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiaovnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Chân dung kỳ vọng về đội ngũ lãnh đạo (Nguyễn Cần)	4
Thời gian trên phiến nở - tàn (Lê Vũ Trường Giang)	8
Chuyển mê khai ngộ (Việt Anh)	12
Sống trong pháp giới Hoa Nghiêm (Nguyễn Thế Đăng)	16
Suy nghĩ về Mười Hai Nhân Duyên (Trần Tuấn Mẫn)	20
Bồ-tát hành (Đỗ Hồng Ngọc)	22
Tu tập thế nào: Có ba cách tu tập (Đức Đạt-lai Lạt-ma, Hoàng Phong dịch)	26
Ẩn dụ về giới hạnh trong phẩm Hoa của kinh Pháp Cú (Hoa Duyên)	28
Tản mạn về sự buông bỏ (Nguyễn Hữu Đức)	30
Điệp khúc nâng cao (Lê Hải Đăng)	32
Đức Phật Thích-ca Người Thầy vĩ đại (Phạm Chánh Cần)	34
Từ nhiều âm tiết - nên thận trọng (Hồ Anh Thái)	37
Nỗi bất an (Hoàng Tá Thích)	38
Chuyện bác Fabrice ở Paris (Nguyễn Mạnh Hùng)	41
"Hoang động thiên đường" (Nhụy Nguyên)	44
Chào ngày mới... (Mang Viên Long)	48
Đồng dao và trò chơi trẻ em xưa (Tôn Thất Thọ)	50
Thơ (Tịnh Bình, Lê Hứa Huyền Trân, Phan Thành Minh, Nguyễn Từ, Đặng Hoàng Thám, Lý Thị Minh Châu)	52
Chiếc máy sao chụp (Pravin Yeyaraj, Khánh Uyên dịch)	54
Thiên liên được gọi tiếng "Thầy" (Hoàng Công Danh)	57

Bìa 1: Thưa Cô... Ảnh: Trần Thế Phong

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Ngày 20 tháng 11 lại đến. Chúng ta lại có dịp thể hiện sự tôn vinh người dạy học. Mặc dù ý nghĩa quốc tế ban đầu của ngày này - được ghi nhận trong nghị quyết của Liên hiệp Quốc tế các Công đoàn Giáo dục họp tại Vác-sa-va vào năm 1957 - không trở thành hiện thực vì chỉ có Việt Nam thi hành, nhưng kể từ năm 1958 trên miền Bắc và từ năm 1975 trên cả nước, ngày 20-11 đã dần trở thành một ngày thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc. Vì vậy, theo Điều 76, mục I Chương IV của Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14-6-2005, ngày này đã được luật hóa, nêu rõ, "Ngày 20 tháng 11 hàng năm là Ngày Nhà giáo Việt Nam".

Trong ý nghĩa thiêng liêng của việc tôn vinh người dạy học, nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin chúc mừng và tỏ lòng biết ơn đến tất cả các thầy cô giáo, những người đã và đang làm nhiệm vụ trao truyền kiến thức, đào tạo những giá trị văn hóa mang tính dân tộc, nhân bản và khai phóng cho các thế hệ đi sau; qua đó, chúng tôi thể hiện niềm tin vào tiền đồ của ngành giáo dục Việt Nam, tiếp tục có những thành tựu xứng đáng với lòng hiếu học của con dân đất Việt.

Trong những ngày này, chúng tôi đang gấp rút hoàn tất việc in lịch tặng; chậm nhất là thượng tuần tháng 12-2015, chúng tôi sẽ gửi lịch đến quý vị độc giả dài hạn, các đại lý và điểm phát hành, các vị cộng tác viên thường xuyên cũng như quý ân nhân và thân hữu của tạp chí. Mong rằng quý vị sẽ hài lòng với tặng phẩm khiêm tốn của chúng tôi.

Xin kính chúc quý vị luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Không nên nhìn lỗi người,
Có làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình,
Có làm hay không làm.
(kinh Pháp cú)

Chân dung kỳ vọng về đội ngũ lãnh đạo

NGUYỄN CẦN

Con người:

Nguyên nhân của thành công và thất bại

Hàng ngày, qua báo chí và các phương tiện thông tin khác, chúng ta được đọc và nghe rất nhiều tin tức về các vụ án liên quan đến tham nhũng, đến cố ý làm trái, gây hậu quả hết sức nghiêm trọng. Những vụ việc xảy ra gần đây ở các ngân hàng, đặc biệt là những ngân hàng có vốn Nhà nước như Ngân hàng Nông nghiệp từ quận đến tỉnh, liên tục làm thất thoát hàng nghìn tỷ đồng. Chuyện chỉ một ông trưởng phòng một công ty thuộc Vinashin đã ôm được 19 triệu USD mua mấy chục biệt thự rồi lánh thân sang Singapore... Chúng ta tự hỏi luật pháp, nguyên tắc quản lý, hệ thống kiểm tra... ở đâu? Phải chăng những người có chức có quyền, khi muốn, có thể thao túng bất kỳ cơ chế quản lý nào?

Góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan cho rằng cần đánh giá “đậm hơn”, “viết kỹ hơn” về yếu tố con người trong quản lý. Bà đặt câu hỏi: “Tại sao có tình trạng trên nói dưới không nghe, nói một đằng, làm một nẻo; đảng viên, cán bộ không thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc thực hiện với tính chất rất hình thức, sử dụng không hết giờ

làm việc, công suất làm việc, cống hiến hết sức hạn chế? Tại sao có chuyện cứ làm sai? Chủ trương đường lối, chính sách đúng nhưng tại sao xuống đến dưới thì nhiều nơi cứ làm sai, cố tình làm sai như thế? Tình trạng chi trả sai, hồ sơ giả, rất nhiều vấn đề có xu hướng tăng lên là do đâu?... Tất cả tình trạng chúng ta nêu lên về kinh tế, chính trị, xã hội thì nguyên nhân tập trung nhất vẫn là con người, từ lãnh đạo đến đảng viên thường. Chúng ta phải tập trung vào nguyên nhân này” (theo VOV.VN).

Thế đấy, đường lối chủ trương dù hay đến đâu, dù trên nguyên tắc “vì dân, do dân” thế nào đi nữa, nếu người thực thi sai, dù vô tình hay cố ý, cũng không đem lại hiệu quả. Chúng ta ai chẳng từng đi qua những con đường vừa làm xong đã hỏng, chứng kiến bao nhiêu công trình nghiệm thu tháng trước tháng sau phải sửa chữa lại. Một ví dụ gần đây như chủ trương “Nông thôn mới” rất thuyết phục và hấp dẫn, mất bao nhiêu thời gian chuẩn bị, tính toán... nhưng chỉ đem lại sự chán nản trong dân chúng khi “một bộ phận không nhỏ” các quan chức địa phương vung tay quá trán, sử dụng công quỹ bừa bãi cho những mục đích riêng, trong khi người dân không hưởng được bao nhiêu. Phó Giáo sư Tiến sĩ Trịnh Thị Kim Ngọc, nguyên

Trường phòng Nghiên cứu Con người và Văn hóa thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, cho rằng trong quá trình đổi mới, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt sự thay đổi về vật chất; nhưng vấn đề đạo đức con người lại suy giảm. Trong đội ngũ cán bộ, từ chỗ một bộ phận suy thoái đến một bộ phận không nhỏ cán bộ có chức, có quyền suy thoái. Nếu để một bộ phận này cứ mãi phát triển thì đất nước làm sao mà phát triển được. Mọi người đều nhìn nhận rằng chúng ta cần đầu tư để phát triển con người, phát triển văn hóa vì đó là sự tồn vong của đất nước. Trước đây chúng ta được giảng giải rằng muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có những con người xã hội chủ nghĩa, nhưng tìm con người XHCN bây giờ chẳng khác nào tìm “lá điều bông”(!). Bà Phạm Thị Tố, Phó Chủ tịch Hội An toàn thực phẩm Việt Nam, lại nêu, “Tôi nghĩ vấn đề ở đây là Đảng phải làm sao lấy lại được lòng tin của dân. Ngày xưa mọi người đi chiến trường với lòng nhiệt huyết không bao giờ nghĩ đến điều gì, vì có lòng tin tuyệt đối với Đảng. Dân nhìn Đảng qua những người đảng viên, nếu có nhiều đảng viên tham nhũng thì làm sao có được lòng tin với dân”.

Trẻ hóa đội ngũ cán bộ:

Xu thế mới và những băn khoăn

Trong tình hình đó, hiện tượng trẻ hóa cán bộ được xem như một xu thế cần thiết để “thay máu” đội ngũ công chức đang trì trệ, thiếu sáng kiến, chậm chạp trong tư duy cũng như hành động. Thế nhưng, trước hiện tượng một vài giám đốc sở, tỉnh ủy viên, hay bí thư thành phố trên dưới 30 vừa được bổ nhiệm, lại có những ý kiến rất khác nhau đã được nêu ra. Có người băn khoăn vì những cán bộ lãnh đạo trẻ ấy đều xuất thân từ gia đình những quan chức lãnh đạo trung ương hoặc địa phương. Bà Nguyễn Thị Quyết Tâm, Phó Bí thư Thành ủy TP.HCM lại cho rằng: “Con em cán bộ cũng là một thành phần, quan trọng là trân trọng những người có đức có tài... Đối với con em những người cán bộ lãnh đạo đương chức hay là đã nghỉ hưu, các em ý thức được trách nhiệm của mình đối với đất nước, đối với dân tộc, có sự phấn đấu tốt, học tập tốt, được tín nhiệm một cách dân chủ thì điều đó là tốt chứ sao?”. Theo bà, đó là sự nối tiếp truyền thống bình thường. Còn dư luận thì có thể có nhiều chiều. Bà nói: “Các phóng viên khi phỏng vấn đã đặt ra cho tôi một câu hỏi là ‘Việc con lãnh đạo lại đi làm lãnh đạo thì có nghi ngại gì không?’. Tôi nghĩ là chuyện đó không có gì phải nghi ngại, chỉ nghi ngại là chuyện đó có công bằng hay không, thực tài hay không, đảm bảo tiêu chuẩn đạo đức hay không, có được xã hội chấp nhận hay không? Đó là điều đáng quan tâm trong công tác cán bộ”.

Nhưng đúng như bà nói, dư luận nghi ngại vì “tính công bằng, vì thực tài, vì tiêu chuẩn đạo đức...” khi bản thân những quan chức trẻ ấy chưa đủ thời gian chứng minh trước công chúng. Ở những nước tiên tiến trên thế giới, chúng ta thấy có những gia đình lãnh đạo

đất nước như ở Mỹ có gia đình Kennedy, Clinton hay Bush... mà cha con, anh em, vợ chồng đều lần lượt giữ nhiều chức vụ quan trọng đối với đất nước; hoặc như tổng thống Hàn quốc đương nhiệm hay thủ tướng Ấn Độ trước đây đều xuất thân từ những gia đình nổi tiếng trên chính trường. Nhưng vấn đề là cơ chế tuyển chọn; trong các trường hợp vừa nêu, cách thức đề cử - hay đúng hơn, quy chế bầu cử - và việc sự chọn lựa đã được trao cho các cử tri chứ không phải do một ủy ban nào chỉ định, đã khiến sự xuất hiện của những nhân vật ấy trở thành điều bình thường. Và người ta sẽ không còn nghi ngại khi chính mình cũng tham gia quá trình đó. Tuy nhiên tùy vào thể chế từng nước, chúng ta tạm không tranh luận hay đòi hỏi mọi quốc gia đều phải giống nhau. Nhưng làm thế nào để có một cơ chế bảo đảm tính công bằng là điều phải suy nghĩ.

Về vấn đề này, ông Lê Minh Thông, Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, cho rằng, “... trẻ hóa cán bộ lãnh đạo các cấp là một luồng gió mới và là làn sóng rất tốt...”, nhưng ông nhận định, nếu “... xã hội vẫn băn khoăn xôn xao thì cần nhìn nhận sự lựa chọn đã ‘tâm phục khẩu phục’ chưa... chứ không phải phản đối cán bộ trẻ làm lãnh đạo”. Ông cho rằng “... lãnh đạo càng trẻ càng tốt...” vì “... tuổi trẻ tài cao”. Nhưng ông vẫn nhấn mạnh rằng, “... trong công tác xây dựng Đảng thì cán bộ vẫn là khâu then chốt, quyết định. Đúng quy trình mà xã hội vẫn băn khoăn thì mắc ở chỗ nào, trong Đảng chúng ta phải nghiêm túc chuyện đó”.

Quan tâm đến vấn đề quy trình, ông Bùi Sỹ Lợi, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, nêu nhận định và đặt câu hỏi, “Một là chúng ta chấp nhận theo con đường lựa chọn của xã hội, cứ người nào có tài thì được trọng dụng. Hai là phải làm bài bản, tức là phải ngồi vị trí đó tối thiểu năm năm, phải là chuyên viên chính, phải cao cấp lý luận chính trị... Tất cả các tiêu chí chúng ta đã đặt ra trong quy định. Đây anh chưa đến một năm thì có thể ngồi vị trí đó không?”. Ông cũng nêu quan điểm: “Chúng ta phải rõ ràng; hoặc là sửa quy trình, cứ người mà dân đồng tình, Đảng lựa chọn thì ta bổ nhiệm; hoặc là tuân thủ đúng quy trình”.

Tóm lại, vấn đề là chúng ta chưa thống nhất hay chưa có một quy trình để tuyển dụng, chọn lựa để công bố cho mọi người hiểu và có ý kiến. Đồng thời phải xây dựng quy chế phát huy dân chủ, làm thế nào ai nấy đều “tâm phục khẩu phục” thì chắc không còn những băn khoăn tuổi tác hay thành tích.

Khắc họa chân dung đội ngũ công bộc theo kỳ vọng của dân: Phẩm chất nào cho đội ngũ cán bộ hay công bộc tương lai?

a. Vì lợi ích chung, phát huy dân chủ, đồng cảm với nhân dân

Không cứ là Đại biểu QH mà toàn thể cử tri hay nhân dân đều yêu cầu rằng cán bộ nói phải đi đôi với làm,

không tham vọng hay say sưa quyền lực, trong thực hiện không được đặt lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm lên trên, mà phải đặt chúng trong lợi ích chung của đất nước. Họ dẫn chứng, vừa qua dư luận phản ánh về những quyết định mà các cấp lãnh đạo duyệt đường như chỉ để giải quyết lợi ích riêng cho ngành mình phụ trách, lĩnh vực mình tham dự mà không nghĩ cho cả đất nước, thậm chí có những quyết định còn phá vỡ những hệ thống liên quan khác. Cụ thể như ông Phạm Huy Hùng, đoàn Hà Nội, nhận xét: “Có bộ, ngành còn qua báo chí để đánh bóng, che đậy hay tuyên truyền một phía theo hướng có lợi cho mình. Cá nhân người lãnh đạo này mà vào hàng ngũ cán bộ chủ chốt thì nguy hiểm lắm, sẽ làm các đánh giá trở nên không thực chất, kéo dài yếu kém, khiếm khuyết”.

Nhiều người lo ngại về tình trạng quan chức vô cảm trước hoàn cảnh của dân. Tình trạng này chỉ nằm ở một bộ phận nhưng bắt đầu lan ra, đặc biệt là ở cán bộ cơ sở; đó cũng là nguyên nhân làm suy yếu cả hệ thống chính trị. Một nhân sĩ nguyên là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Trung ương, ông Lù Văn Que, đưa ý kiến, “Quan tâm đến dân vận là tất nhiên, nhưng trong bối cảnh hiện nay thì phải quan tâm đến cả ‘quan vận’. Chính phải vận động các ‘quan’, những người này mà tốt thì mọi việc mới tốt đẹp được”. Ông nhận định: “Tôi theo dõi thấy chúng ta chưa để dân bàn trực tiếp nhiều. Trình độ dân trí của chúng ta bây giờ ngoài vùng dân tộc thiểu số còn thấp, chứ trình độ dân trí chung không khác trình độ quan trị”.

Mọi người đều mong muốn phải mở rộng hơn nữa dân chủ trực tiếp và cần phải chống cả dân chủ hình thức lẫn dân chủ cực đoan. Vấn đề tồn tại lớn nhất hiện nay của chúng ta là bệnh hình thức. Trong một bài viết trước đây, khi viết về những cử tri trí tuệ, chúng tôi có đề cập đến luận thuyết của Plato trong Republic rằng “Con người thế nào, quốc gia thế ấy”, hay nói cách khác “Quốc gia được cấu tạo bởi bản tính của những người đang ở trong nó”. Trong một bài viết khác “Đi tìm người lãnh đạo”, chúng tôi có nhắc lại lịch sử rằng chúng ta thấy trong những thời đại huy hoàng đều có những minh quân lãnh đạo. Trong hai thời Lý - Trần, chúng ta đã có những vị vua anh hùng và đức độ lãnh đạo làm gương cho hàng ngũ quan lại hướng dẫn muôn dân vượt qua bao khó khăn, chiến thắng ngoại xâm. Những vị vua sống mực thước, nhân hậu làm gương cho bá tánh.

Hãy nghe lại di chúc của vua Lý Nhân Tông (1072-1127): “Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên vui, đến khi chết lại khiến cho mọi người mặc áo sô gai, sớm tối khóc than, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, làm cho lỗi ta thêm nặng, như vậy thiên hạ sẽ nghĩ ta là người thế nào?... Thế nên, việc tang chế chỉ ba ngày là bỏ áo trở, dứt khóc than, chôn cất cốt phải kiệm ước, không nên xây lăng mộ mà chỉ để ta hầu bên cạnh Tiên đế là được”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb KHXH 1983, tr.312)

Theo *Pháp lệnh thứ I* tại Kalinga, vua Asoka khuyên rằng: “Hãy thu phục cảm tình quần chúng. Mọi người đều là con của ta, ta muốn cho chúng hết thấy quyền lợi và hạnh phúc trong thế giới này cũng như trong kiếp sau ...”.

Đó cũng là tinh thần của Phật đạo:

*Sau kéo vào Phật trí.
Hoặc làm người quốc trưởng
Hoặc làm chủ thương thuyền
Quốc sư, Đại thần tốt
Để giúp ích chúng sanh.
Với những người nghèo khó
Hiện làm kho vô tận
Nhơn đó khuyến hóa người
Phát khởi Bồ-đề tâm.*

(Kinh Duy-ma-cật sở thuyết, chương 8)

b. Sống giản dị, tận tụy trong công việc

Như đoạn kinh trên, Phật giáo chủ trương triết lý “lãnh đạo là đầy tớ phục vụ” đã từ bao thế kỷ, trước cả những học thuyết lãnh đạo xưa nay. Triết lý ấy (servant leadership) cũng không phải những khái niệm mới vì ngay khi thành lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định “Cán bộ là đầy tớ của nhân dân”. Nói như Tiến sĩ Franz Metcalf và nhà xã hội học B.J. Gallagher trong tác phẩm “*Being Buddha at Work*” thì “Những người lãnh đạo vì người khác là những người lãnh đạo thực sự, bởi sự lãnh đạo vượt ra ngoài tổ chức của họ và khiến nó khác biệt trên toàn thế giới”. Chúng ta thấy những tấm gương như Mahatma Gandhi, Đức Đạt-lai Lạt-ma... những người hầu như đã bỏ được cái tôi và “lẽ thói” lãnh đạo, lựa chọn một con đường giản dị và phục vụ. Đến đây, chúng ta không khỏi băn khoăn trước bao nhiêu lễ hội, bao nhiêu cuộc vui, bao nhiêu xe công và giờ công đã được sử dụng cho những việc vô bổ, như Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan từng chê trách việc nhiều cán bộ lấy giờ làm việc để “chơi bởi hoang phí”.

Trở lại vấn đề người lãnh đạo phải là trẻ hay già, chúng ta có thể dẫn lời kinh *Pháp cú*:

*Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu.
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: “Lão ngu” (Câu 260).
Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bạc trí không cấu uế,
Mới xứng danh Trưởng lão (câu 261).*

Khả năng lãnh đạo không được thể hiện ở tuổi tác, mà là ở năng lực điều hành công việc, ở đạo đức bản thân... Một người phải kinh qua kỷ luật, tự giới hạn tham vọng cá nhân của mình, trung thực và biết tự kiểm điểm mới xứng danh trưởng lão... Tương tự, cán bộ trẻ nếu đủ phẩm chất và năng lực, lại thêm sức trẻ thì càng đáng ủng hộ.



c. Biết lắng nghe phản biện và công luận

Ngoài ra phải cảnh giác bọn nịnh thần hay gian thần. Khi phân tích về trách nhiệm người đứng đầu trong phòng chống tội phạm, tham nhũng, Đại biểu Trương Trọng Nghĩa thuộc đoàn ĐBQH TP.HCM nhận định rằng trên thực tế thì vẫn có hiện tượng “xa lánh trung thần, trọng dụng nịnh thần, gần gũi gian thần”.

Người xưa kêu gọi chúng ta “Hãy thân bậc thượng nhân. Người lãnh đạo phải trọng dụng, gần gũi, lắng nghe trung thần; xa lánh cảnh giác trước nịnh thần; nghiêm trị gian thần”.

Trong kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* thuộc tuyển tập *Trường Bộ*, Phật dạy: “*Này Gia chủ tử, có bốn hạng người phải xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn. Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người khéo nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn; người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn*”.

Những kẻ xu nịnh loại này thời nào và ở đâu cũng có. Hãy cưỡng lại những lời xu nịnh và đừng tự biến mình thành kẻ xu nịnh vì mọi thái độ xu nịnh đều làm chúng ta mất đi sự tự trọng và sau nữa là sự tôn trọng của người khác. Không thể hy sinh tính chính trực hay tinh thần chí công vô tư vì những quyền lợi vật chất nhất thời. “*Khi bạn ràng buộc bản thân vào một vị sếp thích xu nịnh thì bạn đã buộc mình vào một con tàu chìm. Bạn có thể đổ lỗi cho ông ta về những thất bại; nhưng bạn vẫn ở đó chìm cùng ông ta. Hơn nữa bạn đánh chìm cả tổ chức của mình, cùng với tất cả những điều tốt đẹp có thể được làm vì tất cả chúng sinh*” (*Being Buddha at Work*).

Nếu chúng ta làm việc với một ông sếp nghiêm khắc như cầu thủ làm việc với một huấn luyện viên yêu

cầu cao, chúng ta sẽ mau tiến bộ hơn là tự dễ dãi với những kẻ ba phải... Ken Blanchard trong “*One Minute Manager*” nói rằng “*Phản hồi là chất xúc tác cho thành công*”. Vì thế, hãy tập lắng nghe những lời phản biện dù có khó nghe hay gây tự ái lúc ban đầu. Ở đây, chúng ta cũng nên dẫn thêm những lời từ kinh *Pháp cú*:

*Nếu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng,
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu (Câu 76).
Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác
Được người hiền kính yêu
Bị người ác không thích (Câu 77).*

Ý dân chính là thước đo phản ánh sự thành công hay thất bại của một chính sách. Nếu chúng ta không nghe lời phản biện của những trí thức, những học giả, những nhà chuyên môn và sau đó là ý kiến công chúng, chúng ta sẽ chỉ làm chính sách “trên trời” và là nhà lãnh đạo trong mơ... ngủ! Chúng ta biết rằng ngày xưa trong triều đình luôn có chức quan gián nghị chuyên làm việc can gián vua trước khi quyết định điều gì. Chúng ta mong những nhà lãnh đạo tương lai cũng sẽ luôn biết lắng nghe.

Như vậy khuôn mặt của tầng lớp công bộc tương lai đã dần hiện ra với những tính cách và phẩm chất miêu tả trên. Mong sao đó sẽ là những con người biết sống vì mọi người, thiếu dục tri túc, giới hạn lòng tham bản thân và phấn đấu thậm chí chiến đấu vì phúc lợi cộng đồng hay xã hội. Đó là ước mơ toàn dân và đang mong trở thành hiện thực! ■



Thời gian

trên phiên nữ - tàn

LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

Khi chúng ta đương còn gắn với sinh mệnh, sở hữu một cuộc sống, sở hữu một lý trí ắt hẳn không khó để nhận thức được rằng “thời gian thì vô hạn nhưng sự sống thì hữu hạn”. Thời gian biến chuyển không ngừng, được mặc định trôi chảy âm thầm và khiến vạn vật thịnh suy, biến hóa trong dòng vô thường. Vũ trụ này, sự sống này, nhân thể này, văn minh này... chẳng có gì được sinh ra mà không bị suy vong. Có thịnh tất có suy, sinh-trụ-dị-diệt là chân lý bất biến. Thời gian như dòng nước, cứ mãi miết chảy trôi, đời người chẳng mấy chốc mà già nua rồi chết, chẳng để lại dấu vết gì, chỉ còn lại một đồng nghiệp khôn lường. Lớn hơn nữa là

bao nền văn minh loài người lặn ngụp trong thời gian rồi khuất lấp như thứ mật ngòn buồn. Thời gian có đủ quyền năng để tạo nên tất cả và làm biến mất tất cả. Hiểu như thế mới biết chúng ta - con người - chẳng là gì cả trong dòng chảy vô tận của thời gian.

Con người đã rất khôn ngoan để tạo nên những chuẩn mực là thước đo thời gian (giây, phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm, thập kỷ, thế kỷ, thiên niên kỷ...) và lấy mặt trời, mặt trăng làm y cứ để tạo nên các loại đồng hồ (cát, dây, điện tử...), thậm chí đo được cả thời gian của vũ trụ ngoài trái đất; nhưng tất cả cũng chỉ là thước đo tương đối, luôn luôn biến đổi, luôn luôn bất hợp lý. Thời gian thống lĩnh toàn vũ trụ. Trái đất có thời



gian của Trái đất, sao Hỏa có thời gian của sao Hỏa... Và đó đều là thời gian. Không gì đo được thời gian, nhưng thời gian đo được cuộc sống đang hiện hữu.

Đại văn hào William Faulkner trong cuốn tiểu thuyết bất hủ *Âm thanh và cuồng nộ* đã nói lên hết tất cả những gì con người không thể tri nhận được về thời gian qua một đoạn văn ngắn: *"Này Quentin ạ, cha cho con đồng hồ này, cha cho con nắm mồ chôn hết tất cả hy vọng và tất cả ham muốn... con sẽ dùng đồng hồ này để qui hết tất cả kinh nghiệm loài người vào chỗ phi lý... tất cả nhu cầu của đời con sẽ không bao giờ được thỏa mãn, cũng như tất cả nhu cầu của những người chung quanh con, của cha con cũng thế. Cha cho con cái đồng hồ này không phải để con nhớ đến thời giờ, mà để con có thể quên nó trong một khoảnh khắc để con đừng hi vọng một nhọc cố gắng chinh phục nó"*.

Rõ ràng con người bất lực trước thời gian và cố chạy đua với thời gian bằng ý chí của tuyệt vọng. Chẳng ai chinh phục được thời gian, chẳng ai làm chủ được thời gian; ngược lại, chỉ là những kẻ tôi đòi của thời gian (ở đây là thời gian toàn thể của sinh mệnh). Thời gian

có thể giúp con người hoàn thành được những hoài bão và chôn vùi hoài bão. Vì thế, thời gian là người bạn đồng hành và cũng là kẻ thù của con người. Người ta mong muốn vượt qua nó, cố quên nó trong khi chính nó đang mỗi ngày gặm nhấm sự tươi trẻ và minh mẫn của thân xác và trí tuệ. Ngay cả trong sự điên đảo của mình, triết gia Nietzsche cũng phải than van: *"Thời gian là sự lướt qua, như thế là sự đi ngược chiều lại ý muốn, ý chí; do đó, ý chí, ý muốn phải đau đớn, đau đớn về sự lướt qua và muốn mình lướt qua mình"*. Con người bị động trước thời gian, không thể tự chủ để cưỡng đoạt những gì thời gian lấy đi.

Các triết gia, nhà văn đều tự nhận không thể vượt qua được bức tường bí ẩn của thời gian. Ngay cả nhà vũ trụ học đương đại Stephen Hawking cũng đã tự vấn trong cuốn *Lược sử thời gian*: *"Bản chất thời gian là gì? Nó có điểm tận cùng không? Một ngày nào đó, rất có thể những câu trả lời này sẽ hiển nhiên đối với chúng ta như chuyện trái đất quay xung quanh mặt trời hoặc cũng có thể nực cười như chuyện thắp những con rùa..."*. Chính nhà khoa học lừng danh này lại thắc thỏm kết luận: *"Chỉ có thời gian (dù cho có thể nào đi nữa) mới có thể phán quyết"* (Theo Stephen Hawking, *Lược sử thời gian*, bản dịch Cao Chi và Phạm Văn Thiều (2000), Nxb VHTT, Hà Nội, t.7).

Thời gian sống hữu hạn của chúng ta chỉ là việc chứng kiến một khoảnh khắc rất nhỏ của thời gian. Chẳng một ai có thể biết được gì về tương lai thời gian. Bởi khi đặt câu hỏi ấy, thì những con người như chúng ta theo tương lai sẽ còn lại cát bụi mà thôi. Chỉ một điều rõ ràng nhất là chúng ta tính được cái thời gian hiện tại, lúc chúng ta có mặt trên quả địa cầu này. Cả Aristotle và Newton đều tin tưởng vào thời gian tuyệt đối tức khoảng thời gian diễn ra giữa hai sự kiện, miễn là có một đồng hồ tốt. Tuổi thọ của chúng ta có thể được tính như thế. Nhưng tuổi thọ dài được bao lâu?

Trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương* có một câu chuyện như sau: *"Đức Phật hỏi một Sa-môn: 'Tuổi thọ của con người dài trong bao lâu?'. Một vị Sa-môn trả lời: 'Một vài ngày'. Đức Phật bảo: 'Ông chưa hiểu Đạo'. Phật lại hỏi một Sa-môn khác: 'Tuổi thọ của con người dài trong bao lâu?'. Câu trả lời là: 'Bằng thời gian của một bữa ăn'. Phật bảo: 'Ông chưa hiểu Đạo'. Đức Phật lại hỏi một Sa-môn khác nữa: 'Tuổi thọ của con người là bao lâu?'. Vị Sa-môn trả lời: 'Chỉ dài bằng một hơi thở'. Đức Phật nói: 'Đúng vậy! Ông là người hiểu Đạo'". Cuộc sống chỉ dài lâu như mỗi hơi thở, hơi thở tiếp theo có thể không đến sau khi hơi thở này kết thúc. Khi ấy con người đã đi vào cõi chết, một sự thật phải thừa nhận. Đây là chân lý đã được trưng dẫn, bởi vì cuộc sống thực sự là không chắc chắn trong từng khoảnh khắc.*

Thời gian lại quy định chuẩn mực của sinh thể (theo tính toán khoa học): tuổi thọ con người, tuổi thọ động vật, cây cối... Quy định cả những thực thể to lớn như

mặt trời (có tuổi thọ 9 tỷ năm và đã đi được nửa chặng đường), Trái đất (4,5 tỷ năm tuổi và sự kết thúc phụ thuộc vào sự cố trong thời gian tương lai), ... và đến cả sự khôn cùng của vũ trụ (theo tính toán chủ quan của con người). Nhưng đó chỉ là tính toán, mọi thứ đều không chắc chắn, không thể lường trước được. Có ai biết được chúng ta chết khi nào, có thể chỉ là sau hơi thở này (như Phật nói) hưởng chỉ là những sự vật, thực thể khổng lồ như thế. Mọi vật đều không có sự chắc chắn tuyệt đối, tất cả đều phải đối mặt với khoảnh khắc lụi tàn vô định. Ai làm nên điều này? Ai tạo ra thời gian? Liệu rằng chúng ta có chinh phục được thời gian?

Khi đặt câu hỏi bản thể luận của triết học: *"Vật chất và ý thức, cái nào có trước, cái nào có sau?"*, các triết gia vô hình trung đã đặt thời gian làm trung tâm của bản thể, ngoài sự khống chế của lý trí. Nếu không lấy thời gian làm thước đo, làm thế nào để xác định trước và sau. Trong sự diễn giải này, chúng tôi mạn phép đặt thêm vấn đề (theo nhận thức riêng), rằng nếu không có ý thức, làm thế nào để biết thời gian, làm thế nào để kiểm chứng cái sự trước-sau rồi rầm ấy. Trong vũ trụ có cả dạng thức không đi cùng vật chất nhưng lại hiểu dạng ý thức có lớp vỏ vật chất hơn hẳn chính nó. Đó là siêu ý thức, siêu ý niệm (Phật giáo gọi là tâm), một phạm trù nằm ngoài thời gian.

Heraclite đưa ra nhận định: *"Không ai tắm hai lần trên một dòng sông"*, hẳn nhiên là đúng. Trong danh ngôn này, thời gian lại một lần nữa thống trị phạm trù đó. Sự biến đổi về chất có được chính là có sự biến đổi về thời gian. Con người trong thời gian này là A, thời gian khác là B và dòng sông cũng chẳng còn là chính nó.

Nhưng thời gian lại là phạm trù tương đối, không bao giờ duy nhất đúng với mỗi bản thể. Thời gian của vũ trụ khác thời gian của Trái đất, thời gian Trái đất khác thời gian con người, thời gian con người lại khác thời gian loài vật... Ngay chính trong một con người, nếu vớt đi các khái niệm và phương tiện đo đếm thời gian, thời gian mang bản chất tương đối. Lấy ví dụ, một người bị nhốt dưới lòng đất, chỉ toàn thấy bóng tối, cách xa so với thời gian được ấn định bằng mặt trời ở trên kia. Con người này sẽ lấy gì để tính thời gian khi ở một mình và nếu tính được thì rất khác cái thời gian ở trên mặt đất. Nếu bạn hỏi: *"Bao lâu rồi mới gặp lại anh?"*. Đó là một câu hỏi khó với người bị cách biệt như thế. Khoa học đã chứng minh sự tồn tại của lỗ đen, nơi thời gian trở thành con số không nếu như vật chất không thoát ra khỏi đó. Giả như thoát ra khỏi đó thì trở về là một khoảng cách so với thời gian Trái đất.

Chuyện Từ Thức gặp tiên xưa là một ví dụ về cảnh thức của thời gian. Khi Từ Thức lên tiên rồi trở về thì tất cả đều đã hoàn toàn đổi thay. Nhà cửa, người làng không còn là những người quen cũ nữa. Hỏi đến những người già cả trong làng xem có biết người tên Từ Thức không, mọi người đều nói: *"Hồi chúng tôi còn*

bé, có nghe nói là ông cố ba đời chúng tôi mang tên đó. Ông ấy đi lạc vào núi đã tám chục năm nay. Từ đó đến nay chúng tôi đã trải qua ba đời vua".

Lạm bàn tới phạm vi thời gian trong các không gian khác nhau (cao hơn nữa là cảnh giới), thời gian ấy sẽ tương đối với sự nhận thức của chúng ta.

Vậy con người có thái độ gì với thời gian? Tư tưởng hành xử mặc kệ, không quan tâm, cứ để nó biến chuyển và mẫn nguyện đón nhận cái chết. Thái độ sống vội, vội vàng kiếm tiền, vội vàng hưởng thụ, bất chấp mọi quy luật, mọi chân lý, để rồi bị thời gian đẩy về cái chết. Nuối tiếc và cả nỗi lo sợ thời gian, sợ rồi sẽ lớn, sẽ già và sẽ chết, sẽ đánh mất tất cả. Thời gian là bí mật lớn và cái chết là một bí mật của thời gian mà tất yếu con người phải trải qua. Nhưng mấy người trong chúng ta nghĩ đến điều này, cái hữu hạn của sự sống, chắc không nhiều. Người ta có thể tính từng ngày qua, tháng tới mà quên tính tới cái khoảng cách thời gian diu đến năm mốt. Vậy làm người để làm gì? Sống để làm gì? Sống như thế nào? Chúng ta hiện hữu trên cõi đời này chỉ để chứng kiến mọi sự, được ăn ngon mặc đẹp, đi học, lập gia đình, có một sự nghiệp hoặc ngược lại chẳng là gì ngoài tài sản duy nhất là cuộc đời lao khổ và chờ... CHẾT.

Là người, hẳn chúng ta ai rồi cũng có sự nuối tiếc bất lực như thế này: *"Có ai trong chúng ta không muốn giữ lại thời gian và những kỷ niệm đẹp nhất trong đời? Có ai trong chúng ta không muốn ghi lại những khoảnh khắc xúc động và hạnh phúc nhất? Ngày cưới, ngày em bé được sinh ra, ngày sinh nhật, ngày lễ kỷ niệm, ngày chúng ta nhận được nọ hôn đầu... Ai trong mỗi chúng ta cũng đều muốn giữ lại những khoảnh khắc ấy, nhưng thời gian cứ mãi trôi đi..."*. Nghĩa là con người đều cầu tiếc cái vinh quang, cái hạnh phúc tha thiết ấy và ngỡ như đó là tất thảy mọi điều của cuộc sống này. Quy về sự hưởng thụ rất đỗi tầm thường, là hết một đời người, chỉ chừng đó, không hơn. Nhưng giá như thử lắng tai nghe một lời Phật dạy: *"Hết sát-na này đến sát-na khác, người trí lo gạt trừ dần những cấu uế nơi mình, như người thợ vàng cần mẫn gạt trừ cặn bã khỏi chất vàng ròng"* (Pháp Cú, 239).

Chúng ta chỉ nghĩ đến hưởng thụ lợi lộc, vật phẩm cõi người với lòng tham muốn, si mê, cố chấp mà quên đi việc rèn giữa cái Tâm - lương tri trong sáng bị ngủ quên dưới đáy bị vỏ của phù hoa mà không biết rằng đó là cái quý giá nhất cần gìn giữ, trau mài của con người. Mỗi hành động trái với đạo thường, Tâm đều nhắc nhở, còn chúng ta cứ muốn vượt qua sự nhắc nhở ấy bằng sự mặc kệ và diêm nhiên. Chối bỏ đức tin đồng nghĩa với chối bỏ tâm linh, thế giới huyền nhiệm mà nhân giới con người khó có thể nắm bắt, thành ra bất tin. Giả như có người tin thì cho là mê tín (trong khi chưa hiểu từ mê tín ra làm sao, lại còn gán thêm cái mác dị đoan nữa). Đức tin định hình tư tưởng, lối sống,



là mảnh đất dung dưỡng lương tri. Một loạt trạng thái vắng đức tin dẫn đến vô tình sai lạc của con người vốn chỉ thấy mình, thỏa mãn thực tại trống rỗng tình người để rồi ngày mai đón chờ một ‘bình minh đen’ khó tránh. Đó hẳn là dự ngôn tối cổ bị phủ lấp bởi lớp vỏ vật chất phù hoa làm con người quên đi bốn phận nhân bản linh diệu của chính mình.

Vậy đâu là phương cách tối thượng để con người chung sống với thời gian, thậm chí chinh phục cả thời gian. Có muôn vạn cách và muôn triệu tiền nhân đã đi qua được. Trong sự mãn nhận của mình, chúng tôi chỉ đưa ra một dẫn dụ. Thiển sư Hàn Quốc nổi tiếng, Seung Sahn (1927-2004) chỉ ra cách hòa đồng với thời gian trong sự an lạc của mình như sau:

*Hoa mùa xuân
Gió mát mùa hè
Lá vàng mùa thu
Tuyết trắng mùa đông
Phải chăng thế giới đang vút bỏ ta
Hay ta đang vút bỏ thế giới
Ta đang nằm trong Phật pháp
Ta chẳng lo lắng gì
Những đám mây trắng bồng bồng trên trời
Gió thổi qua ngôi chùa
Ta trao toàn bộ cuộc đời cho chúng.*

Nhẹ nhàng và thanh thoát, không vướng bận, không cố chấp, không với tất cả... Phật pháp là phương tiện dẫn dắt con người đi ra khỏi nỗi khắc khoải bởi thời gian. Suy cho cùng, khi còn người đạt tới cảnh giới Không, ấy là sự an lạc Niết-bàn vi diệu nhất.

Khi những dòng chữ này được hình thành trên trang giấy, cũng như khi các bạn cầm nó lên để đọc, thời gian vẫn vô tình mãi miết chảy trôi bên cạnh chúng ta. Hãy bình tâm lắng nghe tiếng nói vọng tưởng văng vẳng từ thẳm sâu tiềm thức đương cần giải mã những bí ẩn của chính con người – một tiểu vũ trụ. Trong thế giới hiện tồn vừa rối ren, cùng quẩn lại vừa huyền hoặc, si mê lạ thường, mọi vĩa táng được nhận thức có khi đang suy tàn, tăm tối nhưng lại luôn nung nấu một sức sống mãnh liệt sẵn sàng chà đạp thứ bóng tối vô minh đáng nguyên rủa. Thời gian sẽ diu chúng ta đi, mặt trời sẽ nở hoa soi rọi chân lý và hoa sẽ luôn tỏa ánh hương diệu vợi thanh tẩy mọi hoen ỉ của thế giới người tạm bợ. Nhưng điều quan trọng nhất, chúng ta phải xác định một con đường chân lý rõ ràng để bước đi trong khoảng thời gian hữu hạn tồn tại của chúng ta. Hãy nên là ngay bây giờ, sau nhịp thở này, nếu không thời gian sẽ lấy đi mất.

Chúng tôi xin gửi lại lời pháp nhũ của Phật: “*Phi chân tưởng chân thật, Chân thật thấy phi chân. Ai ôm ấp tà vọng. Không bao giờ đạt chân*”. (Pháp Cú, 11).

Đó là sự tự giải thoát cao cả nhất. ■



Chuyển mê khai ngộ

VIỆT ANH

Đạo Phật được mệnh danh là đạo diệt khổ hay con đường ra khỏi khổ đau dành cho người hiểu biết, vì Đức Phật không dạy gì khác ngoài sự khổ và sự diệt khổ¹. Không có các tín điều, không có những hứa hẹn cho những tâm hồn ngây thơ ở trong những lời dạy của đấng Giác ngộ. Chỉ có những gợi ý thẳng thắn về thực tại khổ đau đi kèm với những lời khuyên sáng suốt làm thế nào để thoát ly khổ đau. Đức Phật xuất hiện ở thế gian chỉ làm công việc chuyển mê khai ngộ cho nhân thế. Mọi tiềm năng đều có sẵn trong mỗi chúng sinh. Mê thì sầu đeo bám, ngộ thì dứt khổ đau. Chính vì thế mà những ai bắt đầu nhận ra sự thật khổ đau nhân sinh và mong muốn tìm thấy con đường đi ra khỏi khổ đau thì học hỏi được nhiều ở đạo Phật.

Ngày xưa, có người mẹ rơi vào khổ não vì mất con,

tìm đến Đức Phật cầu xin Ngài cứu sống cho đứa con thân yêu của mình. Được bậc Giác ngộ hứa cứu chữa theo cách của Ngài, bà vội vã đi hết nhà này đến nhà khác với hy vọng tìm xin cho được nắm mè của gia đình nào không có người qua đời. Mè thì nhà nào cũng sẵn sàng cho nhưng hỏi ra thì không một gia đình nào mà không có người quá vãng: không con cháu thì anh chị chết, không anh chị thì cha mẹ chết, không cha mẹ thì ông bà chết... Cuối cùng thì bà tỉnh ra cơn mê sâu muợn, vì chẳng có ai tránh khỏi sự chết, tiến hành lễ hỏa thiêu đứa con qua đời và tri ân Đức Phật đã cứu mình thoát khỏi mũi tên độc si mê.

Phật ngộ đạo, tu đạo và chứng đạo từ sự kiện già, bệnh, chết muôn thuở của nhân sinh. Vì thế Phật lấy chuyện muôn thuở của con người để thức tỉnh nhân tâm. Phật không cứu cho ai thoát khỏi quy luật già,

bệnh, chết. Phật chỉ giúp cho mọi người biết cách thoát khỏi sầu khổ nhờ ngộ ra sự thật già, bệnh, chết. Cũng là chuyện già, bệnh, chết diễn ra hàng ngày giữa cuộc đời nhưng người mê muội thì sầu đeo bám, còn kẻ tỉnh ra thì khổ rơi rụng². Vì thế mà Phật làm công việc thức tỉnh cho chúng sinh, khuyến nhắc mọi phải thường xuyên chiêm nghiệm năm sự kiện gắn liền với sự sống của chính mình để thiết lập nếp sống chân chánh, an lạc, rời xa lối sống mê đắm, khổ đau. Ngài khai thị như vậy:

“Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Thế nào là năm?”

1. *‘Ta phải bị già, không thoát khỏi già’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

2. *‘Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

3. *‘Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

4. *‘Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt’, là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

5. *‘Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia*³.

Bậc Giác ngộ giải thích vì sao Ngài khuyến mọi người cần phải thường xuyên quán sát năm sự kiện trên:

“Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, ‘Ta phải bị già, không thoát khỏi già’, là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?”

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, đang còn trẻ, kiêu mạn trong tuổi trẻ, say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn tuổi trẻ trong tuổi trẻ được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, *‘Ta phải bị già, không thoát khỏi già’, cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, ‘Ta phải bị bệnh, ta không thoát khỏi bệnh’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?”

Có những loài hữu tình khỏe mạnh, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong khỏe mạnh. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn khỏe mạnh trong khỏe mạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo,

‘Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh’ cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, ‘Ta phải bị chết, ta không thoát khỏi chết’, là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?”

Có những loài hữu tình đang sống, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong sự sống. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn sự sống trong sự sống được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, *‘Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết’, cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, ‘Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?”

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, có lòng tham dục đối với các vật khả ái. Do say đắm với lòng tham dục ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên tham dục đối với các vật khả ái được đoạn tận hoàn toàn hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, *‘Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

Và do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, *‘Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?”*

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát như vậy, ác hạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, *‘Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy’ là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.*

Nếu vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, suy tư như sau: *‘Không phải chỉ một mình ta bị già, không thoát khỏi già, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị già, không thoát khỏi già’. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt. ‘Không phải chỉ một mình ta bị bệnh... Không phải chỉ một mình ta bị chết... Không phải chỉ có các pháp khả ái, khả ý của riêng một*

mình ta sẽ phải đối khác, sẽ phải biến diệt... Không phải chỉ có một mình ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào họ sẽ làm, thiện hay ác, họ sẽ thừa tự nghiệp ấy. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt⁴.

Như vậy ý nghĩa chuyển mê khai ngộ của Phật là hết sức thiết thực và rõ ràng. Phật thấy rõ chân lý hiện diện trong cuộc đời, khuyên nhắc mọi người nhìn vào chính mình, tập trung nhận rõ về chính mình để nỗ lực tu tập, chuyển hóa bản thân, để ngộ đạo, tu đạo và chứng đạo. Đạo không ở đâu xa. Đạo nằm trong mỗi người. Đó là sự thật khổ đau, già, bệnh, chết vốn có sẵn và đang diễn ra trong mỗi người cần phải tập trung xem xét. Đó là việc nhận ra sự thật khổ đau không thể tránh của sự kiện có sanh tức có già, bệnh, chết để sống thanh thản, không sầu muộn⁵, để rời xa các tâm lý tiêu cực (kiêu mạn, tham ái, phóng dật), phát huy các tâm lý tích cực (không kiêu mạn, không tham ái, không phóng dật), để từ bỏ thân làm ác (sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục), miệng nói ác (nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm), ý nghĩ ác (tham dục, sân hận, tà kiến), thực hành thân làm thiện (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục), miệng nói thiện (không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm), ý nghĩ thiện (không tham dục, không sân hận, không tà kiến). Đó là sự thể hiện thái độ hiểu biết và trách nhiệm đối với các hành vi (nghiệp) và hệ quả các hành vi (nghiệp quả) của chính mình. Như vậy gọi là ngộ đạo, tu đạo và chứng đạo, là lối đi của hiểu biết sáng suốt đưa đến hạnh phúc an lạc, rời xa phiền não khổ đau, là thông điệp chuyển mê khai ngộ của Phật.

Một bận, bậc Giác ngộ trực tiếp khai thị cho quốc vương Pasenadi nước Kosala:

- Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?

- Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn

cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với tượng binh không đem lại một hướng đi (gati), một điểm tựa cho các vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả một vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với mã binh... với xa binh... với bộ binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với bộ binh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương quốc này có những Đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tấn công. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến chú thuật không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều sổ vàng được chứa cất trong những nhà hầm hay những lầu thượng, và với sổ vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chánh. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến tài chánh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Và bạch Thế Tôn, khi con bị già chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

- Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!⁶.

Rõ ràng, con người sẽ trở nên chín chắn hơn, sáng suốt hơn, tỉnh táo hơn, hiền thiện hơn, thanh thoát hơn rất nhiều, một khi nghĩ về mình và về cuộc đời đúng như bản chất của chúng, không cố gắng tô hồng hay bóp méo chúng vì lý do này hay lý do khác: "Thế giới là vô thường, đi đến hủy diệt. Thế giới là vô hộ, vô chủ. Thế giới là vô sở hữu, ra đi cần phải từ bỏ tất cả. Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham ái"⁷. Một vị vua đầy uy quyền như Pasenadi mà xem mọi thứ (tài chánh, kinh tế, chính trị, quân sự) là trống không, rỗng không, không có mục đích, không thể nương tựa, chỉ có nếp sống chơn chánh, đúng pháp, nỗ lực làm các hạnh lành, làm các công đức mới là chỗ nương tựa của chính mình thì hẳn là cái thấy của bậc hiền minh Thánh đệ tử. Không gì khác chính cái thấy ấy (đạo Phật gọi là Chánh kiến) mở đường cho nếp sống chơn chánh, an lạc (Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) của con người, khiến cho con người rời xa lối sống mê đắm, khổ đau (tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định). Chính cái thấy ấy khiến cho thế giới nhân loại đi đến hiểu biết, cảm thông và hòa bình. Đây hẳn là kết quả lợi lạc mà Đức Phật đã mang đến cho loài người trong

vai trò bậc Đạo sư chuyển mê khai ngộ cho thế gian, tức một người có lòng thương tưởng chúng sinh, đã đóng lại con đường nguy hiểm (bát tà đạo), mở ra con đường an toàn (Bát Thánh đạo), khiến cho loài hữu tình thoát khỏi ách nạn, được hạnh phúc an lạc lâu dài⁸.

Bản kinh *Thiên sứ* lưu ở tuyển tập *Trung Bộ* kể câu chuyện một người làm ác sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Trước khi chịu các cực hình thống khổ khốc liệt ở trong các địa ngục, người ấy bị Diêm Vương (Yama) khiển trách về lỗi sống si mê ác hạnh qua hình thức chất vấn về năm hạng Thiên sứ (chỉ cho năm sự kiện: sanh, già, bệnh, hình phạt phạm pháp, chết hiện hữu ở đời như là những bài học thức tỉnh lợi ích cho con người về phương diện hướng thiện). Chúng ta dẫn ở đây cuộc chất vấn về Thiên sứ thứ hai, thứ ba và thứ năm:

- *Này người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ hai hiện ra không?*

- *Thưa Ngài, không thấy.*

- *Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, chống gậy, vừa đi vừa run, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã qua mất, răng rụng, tóc sỏ, da nhăn, run rẩy, với tay chân bạc màu?*

- *Thưa Ngài, có thấy.*

- *Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: “Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý”.*

- *Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài.*

- *Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo sự lam ấy.*

- *Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ ba hiện ra không?*

- *Thưa Ngài không thấy.*

- *Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông bị bệnh hoạn, khổ não, bị bệnh trầm trọng rơi nằm vào trong nước tiểu và phân của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?*

- *Thưa Ngài, có thấy.*

- *Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: “Ta bị bệnh chi phối, ta không thoát khỏi bệnh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý”.*

- *Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài.*

- *Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện, về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy.*

- *Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người Thiên sứ thứ năm hiện ra không?*

- *Thưa Ngài, không thấy.*

- *Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người, người đàn bà hay người đàn ông chết đã được một ngày, hai ngày hay ba ngày, sưng phồng lên, xanh xám lại, rửa nát ra?*

- *Thưa Ngài, có thấy.*

- *Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: “Ta bị chết chi phối, ta không thoát khỏi chết; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý”.*

- *Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài.*

- *Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện, về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính là Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy.⁹*

Thông tin cuối bài kinh cho biết, do phải thường xuyên chứng kiến các cực hình thống khổ khốc liệt ở trong các loại địa ngục, vua Yama thống lãnh cõi u đồ khởi lên mong ước được sinh làm người, được gặp Phật và được Phật khai ngộ:

“Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và ta có thể hầu hạ Thế Tôn, và Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng”¹⁰. ■

Chú thích:

1. Kinh Ví dụ con rắn, *Trung Bộ*.
2. Kinh Sự kiện không thể có được, *Tăng Chi Bộ*.
3. Kinh Sự kiện cần phải quán sát, *Tăng Chi Bộ*.
4. Kinh Sự kiện cần phải quán sát, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Sự kiện không thể có được, *Tăng Chi Bộ*.
6. Kinh Ví dụ hòn núi, *Tương Ưng Bộ*.
7. Kinh Ratthapàla, *Trung Bộ*.
8. Kinh Song tâm, *Trung Bộ*.
9. Kinh Thiên sứ, *Trung Bộ*.
10. Kinh Thiên sứ, *Trung Bộ*.



NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Sống trong pháp giới *Hoa Nghiêm* là sống trong “tánh khởi” hay trong Nhất Tâm của tất cả chúng sanh và thế giới.

Tâm bất tịnh thì biến pháp giới trở thành thế giới bất tịnh, do đó sống trong chia cắt, chướng ngại, xung đột, khổ đau. Tâm thanh tịnh thì thấy và sống trong pháp giới thanh tịnh của Phật. Tâm Phật thì tạo ra cảnh giới Phật. Tùy mức độ thanh tịnh của tâm đến đâu thì chứng nghiệm được sự thanh tịnh của pháp giới đến đó.

*Tâm như nhà họa sĩ
Hay vẽ những thế giới
Năm uẩn từ tâm sanh
Không pháp gì chẳng tạo.
Như tâm, Phật cũng vậy*

*Như Phật, chúng sanh đồng
Tâm, Phật và chúng sanh
Cả ba không sai khác.
Nếu người biết tâm hành
Tạo khắp các thế giới
Người này bèn thấy Phật
Rõ Phật chân thật tánh.*

(Phẩm *Dạ-ma cung kệ tán*, thứ 20)

Tâm và giác ngộ đồng: “*Biết tâm và Bồ-đề đồng, biết Bồ-đề cùng tâm đồng. Tâm và Bồ-đề cùng chúng sanh đồng*” (Phẩm *Ly thế gian*, thứ 38).

Tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh là con đường Bồ-tát. Đó là con đường của Trí huệ (tịnh Phật quốc độ) và Công đức (thành tựu chúng sanh). Cả hai

đồng bộ với nhau làm cho sự chứng ngộ Nhất Tâm hay pháp giới thanh tịnh thêm rộng thêm sâu.

Hạnh Bồ-tát được tóm tắt trong một đoạn của phẩm *Thập định*, thứ 27:

“Chư Phật tử! Những gì gọi là Phật tử bốn phương? Đó là: thấy tất cả Phật mà được khai ngộ, nghe tất cả Pháp thọ trì chẳng quên, làm tròn tất cả hạnh ba-la-mật, đại bi thuyết pháp làm mãn nguyện cho chúng sanh”.

Hai điều đầu chú trọng về tự giác. Hai điều sau chú trọng về giác tha. Làm tròn tất cả hạnh ba-la-mật và đại bi thuyết pháp là làm cho người khác. Tự giác và giác tha là mở rộng tâm mình, mở rộng Bồ-đề tâm của mình, mở rộng pháp giới tâm của mình, cho đến khi thể giới chúng sanh đều là tâm của mình. Đi trên con đường Bồ-tát là đi vào pháp giới *Hoa Nghiêm*, “Tâm, Phật, và chúng sanh, cả ba không sai khác”. Đây là pháp giới một vị, một vị giác ngộ.

Thực sự bước vào pháp giới *Hoa Nghiêm* là khi chúng ta “thấy Phật, được khai ngộ”. Đây là thấy thực tại, ở Kiến đạo vị hay còn gọi là Thông đạt vị, hay thấy tánh như Thiền tông nói. Thấy đây là thấy cái Nền tảng chung “tâm, Phật, và chúng sanh, cả ba không sai khác”. Sau đó là thiền định, nghĩa là “thọ trì chẳng quên”. Tiếp theo là “làm tròn tất cả hạnh ba-la-mật”, hạnh ấy gắn liền với trí huệ và đại bi, “do đại bi mà thuyết pháp”. Qua quá trình tu tập vị này, chúng ta gom thể giới, chúng sanh, tâm thức vào một Tâm Phật.

Hạnh Bồ-tát là đi vào pháp giới hay tâm Phật, tức là đi vào tánh Không, quang minh và như huyễn:

“Chẳng bỏ các hạnh, lìa những phân biệt. Nơi tất cả pháp tâm không động niệm. Chẳng hoại các cõi mà sanh trong đó, rõ biết tất cả cảnh giới các cõi, từ thuở nào đến giờ không có động tác, ba nghiệp thân ngữ ý thấy đều vô biên. Thâm nhập biển Phật, biết tất cả pháp chỉ có giả danh, nơi các cảnh giới không vương buộc, không nhiễm dính. Rõ tất cả pháp trống rỗng, không chỗ có. Những hạnh đã tu từ pháp giới sanh, giống như hư không chẳng tướng chẳng hình. Thâm nhập pháp giới tùy thuận diễn thuyết...” (Phẩm *Thập định*, thứ 27).

Đại Bồ-tát dùng đây để khai thị tánh vô sai biệt của tất cả Như Lai. Đây có thể trụ nơi vô chúng sanh tế. Đây có thể khai thị tất cả Phật pháp. Đây các cảnh giới đều vô sở đắc. Dầu biết các pháp đều vô tác mà có thể thị hiện tất cả tác nghiệp. Dầu biết chư Phật không có hai tướng mà có thể hiển thị chư Phật. Dầu biết không có sắc mà diễn thuyết các sắc. Dầu biết không có thọ tướng hành thức mà diễn thuyết các thọ tướng hành thức. Dầu biết pháp vô sanh mà thường chuyển pháp luân. Dầu biết các pháp không có sanh diệt mà thuyết tất cả tướng sanh diệt...” (Phẩm *Thập định*, thứ 27).

An trụ trong tánh Không, quang minh, như huyễn nên các hạnh của Bồ-tát là sự thị hiện. Với hạnh thị hiện ấy, Bồ-tát thấy pháp giới bằng con mắt khắp cả (phổ nhãn) và sống trong pháp giới trong từng niệm niệm:

“Biết tất cả pháp không có hai tướng thì gọi là ngộ tất cả pháp. Nơi sự sai biệt hai và chẳng hai của tất cả pháp,

thiện xảo quán sát, lần lượt tăng tiến không có thôi nghỉ thì gọi là Bồ-tát. Đã hay thấy cảnh giới Phổ Nhân thì gọi là Phổ Nhân. Dầu hay chứng được cảnh giới Phổ Nhân mà niệm niệm chưa từng thôi nghỉ thì gọi là Bồ-tát. Nơi các pháp đều hay soi sáng lìa chướng ngại thì gọi là vô ngại kiến. Thường siêng ghi nhớ vô ngại kiến thì gọi là Bồ-tát. Đã được mắt trí huệ của chư Phật thì gọi là giác ngộ tất cả pháp. Quán mắt trí chánh giác của Như Lai mà chẳng buông lìa thì gọi là Bồ-tát. Trụ chỗ của Phật trụ cùng Phật không hai thì gọi là cùng Phật không trụ hai chỗ. Thường quán thật tế của tất cả thế gian thì gọi là bậc trụ thật tế. Dầu thường quán sát thật tế của tất cả các pháp mà chẳng chứng nhập cũng chẳng bỏ rời thì gọi là Bồ-tát. Chẳng đến chẳng đi, không đồng không khác, những phân biệt này thấy đều dứt hẳn thì gọi là bậc nguyện dừng dứt. Tu tập rộng lớn viên mãn không thối chuyển thì gọi là bậc chưa dừng dứt Phổ Hiền nguyện. Biết rõ pháp giới không có biên tế, tất cả các pháp một tướng vô tướng thì gọi là bậc rốt ráo pháp giới rời bỏ đạo Bồ-tát. Dầu biết pháp giới không có biên tế mà biết các tướng khác nhau, khởi tâm đại bi độ các chúng sanh tội lỗi thuở vị lai không chán mỏi thì gọi là Phổ Hiền Bồ-tát” (Phẩm *Thập định*, thứ 27).

Sống trong pháp giới là sống cái không hai, cái một, cái nhất như của sanh tử và Niết-bàn:

“Biết tất cả pháp vô tướng là tướng, tướng là vô tướng, vô phân biệt là phân biệt, phân biệt là vô phân biệt, phi hữu là hữu, hữu là phi hữu, vô tác là tác, tác là vô tác, phi thuyết là thuyết, thuyết là phi thuyết, không thể nghĩ bàn” (Phẩm *Ly thế gian*, thứ 38).

Sống trong pháp giới là sống trong tự do bao la của tánh Không và trong sự nghiêm tịnh của mọi sự, mọi cõi. Tóm tắt là sống trong Chân Không Diệu Hữu.

“Bồ-tát dùng phương tiện như hư không rõ thấu tất cả pháp đều không chỗ có. Bồ-tát dùng nhãn trí như hư không, khi thấu rõ tất cả pháp thì được thân và thân nghiệp như hư không, được ngữ và ngữ nghiệp như hư không, được ý và ý nghiệp như hư không. Ví như hư không là nơi tất cả pháp y tựa, chẳng sanh chẳng diệt; cũng vậy, tất cả pháp thân của Bồ-tát chẳng sanh chẳng diệt. Ví như hư không là chỗ y chỉ của tất cả thế gian mà hư không không có chỗ y; cũng vậy, Bồ-tát là chỗ y của tất cả pháp mà không có chỗ y...”

Ví như hư không vào tất cả mà không biên tế; cũng vậy, Bồ-tát vào khắp tất cả pháp mà tâm Bồ-tát không có biên tế. Vì sao thế? Vì chỗ làm của Bồ-tát như hư không. Nghĩa là việc tu tập, việc nghiêm tịnh, việc thành tựu thấy đều bình đẳng, một thể, một vị, một lượng, như hư không thanh tịnh khắp tất cả chỗ.

Bồ-tát như vậy chứng biết tất cả pháp, với tất cả pháp không có phân biệt. Nghiêm tịnh tất cả cõi Phật. Viên mãn tất cả, thân không chỗ y. Đầy đủ tất cả vô biên công đức. Ngồi khắp tất cả tòa kim cương. Phát khắp tất cả tiếng tùy loài, vì tất cả thế gian chuyển pháp luân mà chưa từng lỗi thời” (Phẩm *Thập nhẫn*, thứ 29).

Tâm là quang minh, nên sống trong pháp giới Hoa Nghiêm là sống trong quang minh. Tâm càng thanh tịnh thì càng quang minh, quang minh ấy với tánh Không, pháp giới, tâm Phật là một.

“Chư Phật tử! Đại Bồ-tát trụ tam-muội này được mười thứ quang minh chói sáng. Đó là, được quang minh của tất cả Phật, vì cùng Phật bình đẳng. Được quang minh của tất cả thế giới, vì có thể nghiêm tịnh khắp. Được quang minh của tất cả chúng sanh vì đều đến điều phục. Được quang minh vô lượng tinh thông vì pháp giới làm trường thuyết pháp. Được quang minh vô sai biệt vì biết các pháp không các thứ tánh. Được quang minh phương tiện vì chúng nhập tánh lia dục của các pháp. Được quang minh chân thật, vì tâm bình đẳng nơi tánh lia dục của các pháp. Được quang minh thần biến khắp tất cả thế gian, vì được Phật gia hộ chẳng dứt. Được quang minh thiền định thiền quán vì đến bờ tự tại của tất cả Phật. Được quang minh Chân Như của tất cả pháp vì nơi trong một lỗ lông khéo nói tất cả” (Phẩm Thập định, thứ 27).

Tất cả các pháp là biểu lộ của quang minh. Tất cả các pháp là quang minh, bởi thế, tất cả pháp đều là Phật pháp: *“Nơi tất cả pháp tướng là Phật pháp”* (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

Thế nên cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai:

“Đại Bồ-tát dùng trí huệ vô ngại biết tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai. Biết tất cả cảnh giới ba đời, tất cả cảnh giới cõi, tất cả cảnh giới pháp, tất cả cảnh giới chúng sanh, cảnh giới Chân Như vô sai biệt, cảnh giới pháp giới vô chướng ngại, cảnh giới thật tế vô biên tế, cảnh giới hư không vô phần lượng, cảnh giới không cảnh giới, đều là cảnh giới Như Lai” (Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37).

Như trong mặt gương sáng, các hình bóng trong gương đều là gương sáng. Sống được tấm gương tâm quang minh này là sống trong cảnh giới Phật, cảnh giới Hoa Nghiêm.

Tâm cũng là như huyễn, nên sống trong pháp giới Hoa Nghiêm cũng là sống trong như huyễn:

“Đại Bồ-tát đã hiểu sâu tâm pháp như huyễn, thế gian đều như mộng, chư Phật xuất thế đều như bóng hình, tất cả thế giới đều như biển hóa, ngôn ngữ âm thanh đều như vang, đã thấy pháp chân thật, dùng pháp như thật làm thân mình, biết tất cả pháp bản tánh thanh tịnh, rõ biết thân tâm không có thật thể, thân mình ở vô lượng cảnh giới, dùng Phật trí quang minh rộng lớn để tịnh tu tất cả hạnh Bồ-đề” (Phẩm Thập định, thứ 27).

Thấy như huyễn là thật thấy tánh bình đẳng bất động, tự do không còn lệ thuộc vào thời gian, không gian:

“Lúc Đại Bồ-tát quán tất cả thế gian như huyễn, chẳng thấy chúng sanh sanh, chẳng thấy chúng sanh diệt, chẳng thấy cõi nước sanh diệt, chẳng thấy các pháp sanh diệt, chẳng thấy quá khứ có thể phân biệt được, chẳng thấy vị lai có khởi tác, chẳng thấy hiện tại có một niệm trụ, chẳng quán sát Bồ-đề, chẳng phân biệt Bồ-đề, chẳng thấy Phật xuất hiện, chẳng thấy Phật niết-bàn, chẳng thấy trụ đại nguyện, chẳng thấy nhập chánh vị, chẳng ngoài tánh bình đẳng.

Đại Bồ-tát này dầu thành tựu cõi Phật mà biết cõi nước vô sai biệt. Dầu thành tựu chúng sanh mà biết chúng sanh vô sai biệt. Dầu khắp quán pháp giới mà an trụ pháp tánh vắng lặng chẳng động. Dầu thấu rõ ba đời bình đẳng mà chẳng trái với sự phân biệt pháp ba đời. Dầu thành tựu uẩn xứ mà dứt hẳn chỗ nương y. Dầu độ thoát chúng sanh mà rõ biết pháp giới bình đẳng không các thứ sai khác. Dầu chẳng dính mắc việc giáo hóa chúng sanh mà chẳng bỏ đại bi, chuyển pháp luân để độ tất cả. Dầu khai thị cho chúng sanh nhân duyên quá khứ mà biết tánh nhân duyên vốn không có động chuyển” (Phẩm Thập nhẫn, thứ 29).

Chúng ngộ được tánh của các pháp là tánh Không, quang minh và như huyễn là đang sống trong pháp giới Hoa Nghiêm, giải thoát, tự do, giác ngộ.

Tướng và tướng khởi lên, đó là tánh Không, không động không chuyển, không sanh không diệt. Tướng và tướng như vậy chính là giải thoát, giác ngộ.

Tướng và tướng khởi lên là từ quang minh, hiện hữu trong quang minh và tan trở lại vào quang minh. Tướng và tướng chính là quang minh. Ngay khi tướng và tướng ấy đang hiện hữu, nó vẫn không phải là tướng và tướng, không phải là sắc thọ tưởng hành thức, mà là quang minh. Đó là thân Phật.

Tướng và tướng là như huyễn, là sự phô diễn của Pháp thân tánh Không, do đó nó trang nghiêm cho Pháp thân vô tướng.

Chính vì chúng là tánh Không, quang minh và như huyễn nên tất cả pháp đồng thời, đồng hiện và sẵn đủ, tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp vô ngại với nhau. Đây là pháp giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm.

Sống trong pháp giới Hoa Nghiêm tức là thấy *“tất cả pháp giới là tướng niết-bàn”* (phẩm Thập địa, thứ 26); thấy *“nghĩa pháp giới vì tất cả pháp đồng một vị”* (phẩm Ly thế gian, thứ 38). Đó là sống trong Tịnh độ của Phật:



“Thấy tất cả Phật độ thanh tịnh không có các ác đạo. Thấy tất cả Phật độ thanh tịnh, tất cả chúng sanh thân tâm thanh tịnh” (Phẩm Nhập pháp giới, thứ 39).

Sống trong pháp giới Hoa Nghiêm là sống trong Nhất Tâm thanh tịnh:

“Đại Bồ-tát thấy pháp duyên khởi nên thấy pháp thanh tịnh. Vì thấy pháp thanh tịnh nên thấy cõi nước thanh tịnh. Vì thấy cõi nước thanh tịnh nên thấy hư không thanh tịnh. Vì thấy hư không thanh tịnh nên thấy trí huệ thanh tịnh. Đây là công cụ trợ đạo trí huệ thứ mười của Bồ-tát, vì tu hành tích tập Nhất thiết trí” (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

“Đại Bồ-tát biết tự thân và tha thân tất cả đều là cảnh giới của trí, chẳng cho là hai, tự tha riêng khác. Dầu vậy nhưng ở nơi cõi nước mình, cõi nước khác đều sai khác mà đồng thời hiện khắp” (Phẩm Thập nhãn, thứ 29).

Khi đã ở trong pháp giới tánh, thì *“mỗi niệm đều đầy đủ sáu ba-la-mật và tất cả ba mươi bảy phẩm trợ đạo” (Phẩm Thập địa, thứ 26), và “nơi mỗi niệm đầy đủ tất cả công đức Bồ-tát” (Phẩm Thập định, thứ 27).*

Sống trong pháp giới hay tâm Phật là như có được viên ngọc như ý, hiện tất cả màu mà thật ra ngọc không có màu nào cả:

*Ví như châu như ý
Hay hiện tất cả màu
Không màu mà hiện màu
Chư Phật cũng như vậy.
Lại như hư không sạch
Phi sắc, chẳng thấy được
Dầu hiện tất cả sắc
Không ai thấy hư không.
Chư Phật cũng như vậy
Hiện khắp vô lượng sắc
Chẳng phải cảnh của tâm
Tất cả chẳng thấy được.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Tâm như gương sáng hiện tất cả các bóng với đủ màu sắc:

“Ví như cung của Đại Phạm thiên vương Diệu quang có tên là Nhất thiết thế gian tối thắng thanh tịnh tạng. Trong cung lớn này thấy khắp đại thiên thế giới, nhà cửa, xóm làng, sông núi, thiên long bát bộ... từ hạt bụi cho đến thiên hà, tất cả đều hiển hiện trong đó, như thấy khuôn mặt mình hiện trong tấm gương sáng” (Phẩm Thập định, thứ 27).

Pháp giới Hoa Nghiêm là sự phô diễn của quang minh “chiếu hiện lẫn nhau”:

“Nơi dòng nước của bốn sông chảy quanh hồ A-nậu-đạt với đủ thứ trang nghiêm, có thiên bảo hợp thành bốn thứ hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hương thơm ngào ngạt, diệu sắc thanh tịnh. Những cánh hoa, đài nhụy đều là các thứ báu tự nhiên chiếu sáng và phản ánh lẫn nhau...”

Lúc mặt trời mọc thấy đều chiếu sáng. Hồ và sông cùng tất cả vật chiếu sáng lẫn nhau thành lưới quang minh.

Các vật này, hoặc xa hoặc gần, hoặc cao hoặc thấp, hoặc rộng hoặc hẹp, cho đến nhỏ nhất như một hạt cát một hạt bụi đều là ngọc báu quang minh chói sáng. Tất cả vật đều có hiện bóng mặt trời, và cùng hiện bóng lẫn nhau. Các bóng phản chiếu ấy không thêm không bớt, chẳng phải hợp chẳng phải tan, đều được thấy rõ ràng mà không mất tướng riêng của chúng” (Phẩm Thập định, thứ 27).

Nơi pháp giới ấy, vị Bồ-tát sống và thể nghiệm pháp giới sự sự vô ngại mà không biến đổi, làm hư hoại thế giới:

“Ví như mặt trời mọc lên chiếu núi Tu-di, chiếu sáng những núi làm bằng bảy báu. Trên các núi bảy báu và khoảng giữa chúng đều có quang ảnh hiển hiện rõ ràng. Bóng mặt trời trên các núi bảy báu đều hiển hiện trong khoảng giữa các núi. Bóng mặt trời giữa khoảng các núi bảy báu cũng đều hiển hiện trong các bóng mặt trời trên các núi báu. Tất cả hiện bóng lẫn nhau như vậy...”

Cũng vậy, Đại Bồ-tát trụ nơi diệu quang minh tam-muội, chẳng hư hoại tướng thế gian, chẳng diệt mất bản chất các pháp thế gian, chẳng trụ trong thế giới, chẳng trụ ngoài thế giới. Đối với thế giới không chỗ phân biệt, cũng chẳng hư hoại tướng thế giới. Thấy tất cả pháp Một tướng Vô tướng, cũng chẳng hư hoại tướng các pháp, luôn luôn trụ trong tánh Chân Như, chẳng hề lìa bỏ” (Phẩm Thập định, thứ 27).

Chữ kim cương được nói đến nhiều lần trong kinh. Thân Phật là kim cương, pháp giới là kim cương. Vị Bồ-tát giảng nói về Mười địa là Kim Cương Tạng. Sống trong pháp giới là sống trong Kim Cương Tạng.

Tất cả các pháp không sanh không diệt, không đến không đi, không một không nhiều, đó là kim cương tạng như là tánh Không. Tất cả pháp đều là quang minh, đó là kim cương tạng như là quang minh. Tất cả các pháp đều là ảnh hiện, không có tự tánh, đó là kim cương tạng như là như huyền.

Trong pháp giới kim cương tạng này, một tức tất cả, tất cả tức một, tất cả đều vô ngại, tự do từ bản chất. Sống trong pháp giới ấy là sống trong tự do và an lạc không ngăn ngại, không bờ bến. *“Ba nghiệp thân khẩu ý trở thành vô biên” (phẩm Thập định, thứ 27); “một hành động là tất cả hành động” (phẩm Phật bất tư nghi pháp, thứ 23); “có thể dùng một cái hoa để trang nghiêm tất cả thế giới mười phương” (phẩm Thập hồi hướng, thứ 25). Bởi vì “cất chân hạ chân đều ở trong tam-muội, niệm niệm thành Phật không có gián cách” (phẩm Ly thế gian, thứ 38); “tâm vô phân biệt biết khắp các pháp, một thân ngồi yên mà đầy khắp cả pháp giới. Trong một niệm cùng tất cả chúng sanh đồng ở” (Phẩm Nhập pháp giới thứ 39).*

Pháp giới Một là Tất cả, Tất cả là Một này được thể hiện trong câu nói của Hòa thượng Thiền sư Thích Tịnh Chiếu, chùa Tây Tạng, Bình Dương:

“Tất cả là ta, ta là Tất cả. Ngoài ta không có ai, ngoài ai không có ta”. ■

Suy nghĩ về mười hai nhân duyên

TRẦN TUẤN MÃN

LTS: Nhân có độc giả Tâm Định ở đường Lê Quang Định, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh hỏi về mười hai nhân duyên, phần Đáp cần phải hơi dài cho tạm đủ ý. Chúng tôi xin đăng bài viết dưới đây thay cho trang Hỏi Đáp thường xuyên.

Nguyên văn đoạn kinh trong phẩm Phật-đà, Tương Ưng Bộ, như sau: “*Này các Tỳ-kheo, thế nào là lý duyên khởi? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*”

Đoạn kinh trên giảng về lý duyên khởi, áp dụng trong việc nêu lên nguyên nhân, trạng thái và sự vận hành nội tại của khổ. Truyền thuyết kể, Thái tử Tất-đạt-đa cùng đoàn tùy tùng qua bốn cổng thành. Tại hai cổng cuối, Ngài trông thấy một xác chết, rồi một vị Sa-môn; từ đó Ngài suy nghĩ và quyết tâm xuất gia để sau cùng thành Phật, bậc Giải thoát. Vận động cơ trước nhất khiến Ngài xuất gia là để giải quyết cái chết. Sau khi nói lên truyền thống chúng ngộ của sáu vị Cổ Phật, đến phần Đức Phật Thích-ca, Ngài dạy, “*Thế giới này... không biết sự xuất ly già chết, thoát khỏi già chết.*” Và Ngài dạy tiếp, “*Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: ‘Cái gì có mặt thì già chết có mặt?... Do sanh có mặt nên già chết có mặt, do duyên sanh nên già chết sanh khởi.’*” Và Ngài tiếp tục quán sát cho đến “*do duyên vô minh có mặt nên hành có mặt.*” Có lẽ để dễ hiểu hơn, ta hãy xét sự quán sát này, tức từ *già chết* mà đi ngược lên.

Tại sao *già chết* có mặt? Hiển nhiên là do sự *sanh ra*; nếu ta không sanh ra thì ta không già chết. Tại sao có sự *sanh*? Vì có một cảnh giới, một môi trường có sự sống (*hữu*, tam giới) thì mới có sự *sanh*. Tại sao có thế giới, có các cảnh giới (*hữu*)? Do vì ta chấp thủ, ta nắm giữ (*thủ*), cho là hay, là thật dù thế giới này là ảo, là không thật. Tại sao có sự *chấp thủ*? Do vì ta ưa thích, ham muốn (*ái*) nên mới giữ gìn, chấp nắm thứ ta ưa thích; ngay cả sự ghét bỏ cũng là thể hiện sự ưa thích của ta đối với đối tượng trái ngược. Do đâu có *ái*? Do vì ta thọ nhận, cảm nhận (*thọ*) những thứ ta cho là đáng yêu (và quên, bỏ qua những gì ta không ưa thích). Tại sao có sự cảm nhận, *thọ nhận*? Do vì ta tiếp xúc (*xúc*) với ngoại cảnh. Tại sao có sự *tiếp*

xúc? Vì ta có các quan năng tiếp xúc với ngoại cảnh là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý (*lục nhập, sáu xứ*) tiếp xúc với các môi trường (*xứ*) liên hệ với sáu quan năng ấy. Tại sao có *sáu xứ*? Là do thành phần của toàn bộ con người của ta đang sống (vật chất và tâm lý - *danh sắc*). Tại sao có các thành phần tâm lý, vật lý (*danh sắc*) gồm trong con người? Đó là do cái biết (*thức*). Cái biết, hay thức, ở đây là vọng thức, là đương thể, nó tạo ra đối tượng để làm nội dung cho chính nó. Nói như vậy thì cũng chính *danh sắc* tạo nên *thức*. *Danh sắc* và *thức* là một (xem phần sau). Do đâu mà có *thức*? Đây là do sự vận hành, hành động của thân, khẩu, ý, của ngũ uẩn tạo nên nghiệp (*hành*). Do đâu mà có *hành*? Đây là do vô minh, u tối, mê muội từ vô thủy, như một sức mạnh tạo ra sự vận động, hành động, hành. Từ đó, mười hai nhân duyên được sắp xếp theo thứ tự “*Vô minh duyên hành, hành duyên thức, ... sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.*” Ta cũng dễ dàng theo dõi lời dạy tiếp theo của Đức Phật: “*Do vô minh diệt, hành diệt; do hành diệt, thức diệt; ... do sanh diệt, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt,*” hay “*Do sanh diệt, già chết diệt; do hữu diệt, sanh diệt; ...; do vô minh diệt, hành diệt.*”

Thực ra, cả 12 nhân duyên đều gồm một khối, khối khổ; là con người đang khổ, đang sống trong vòng luân hồi. 12 nhân duyên không rời nhau, hiện hữu, vận hành cùng lúc. Một chi phần xuất hiện thì 11 chi phần kia đồng thời xuất hiện; một chi phần tiêu diệt thì 11 chi phần kia đồng thời tiêu diệt. 12 nhân duyên là khổ, tức 12 nhân duyên cũng là Tập đế của Tứ đế, tức là *Ái*. *Ái* lại là chi phần thứ 8 của mười hai nhân duyên. Để dứt khổ, người ta khó tu tập để đoạn diệt vô minh, hành, thức... vì đây là trạng thái đã rồi, đang vận hành trong mỗi con người (khó diệt vô minh vì đang vô minh; khó diệt già chết vì đã sanh ra). *Ái* cũng vậy, nhưng người ta có thể giảm trừ *ái* dần dần cho đến khi diệt hẳn *ái*.

Cũng trong phẩm Phật-đà của Tương Ưng Bộ, Đức Phật dạy: “*Do ly tham mà đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt; ...; do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt.*” Vậy, *ái* cũng là nguyên nhân của *vô minh* nên *ly tham* (*ái* diệt)



thì vô minh diệt. Vô minh diệt thì hành diệt, v.v... Và 12 chi phần thực ra cũng chỉ là một như đã nói.

Ta cũng biết rằng mọi sự vật, sự kiện, hiện tượng là do nhiều, do vô số nguyên nhân (gọi là nhân, duyên, nhân duyên; và nhân cũng chính là duyên, hay ngược lại, duyên là nhân, tùy quan điểm của chủ thể nhận định). Do đó, con số 12 chi phần trên cũng không nhất thiết là 12; và việc phân chia số lượng, thứ tự... còn mang tính cách của biện pháp, hay phương pháp sư phạm, dù đây là biện pháp, phương pháp siêu việt của bậc Toàn Trí.

Thật vậy, không phải lúc nào Đức Phật cũng nêu đúng 12 chi phần trên; có khi ít hơn, có khi nhiều hơn; và thứ tự các chi phần cũng có thay đổi. Trong *Tương ưng bộ*, *Đại phẩm thứ bảy*, Đức Phật dạy, “Do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi”, và “Do danh sắc không có mặt, thức không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt”. Trong kinh *Đại duyên* của *Trường Bộ*, Đức Phật dạy, “Này A-nan, nếu có ai hỏi thức do duyên gì thì hãy đáp thức do duyên danh sắc”. Vậy thức và danh sắc có thể hoán đổi vị trí. Đức Phật còn dạy “*Sanh y (sanh) lấy ái làm nhân, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm hiện hữu*”. Tức là ái là nguyên nhân của *sanh* chứ không phải chỉ có *hữu* mới là nguyên nhân của *sanh*. Ngài dạy tiếp, “...; do duyên *sanh, lão tử, sanh; do duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh*”. Ở đây, *sầu, bi, khổ, ưu, não* vốn cùng với *lão tử* là một chi phần thì nay lại trở thành hai chi phần riêng. Trong kinh *Đại duyên*, Ngài còn dạy, “*Này A-nan, do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, cầu tìm sanh; do duyên cầu tìm, lợi sanh; do duyên lợi, quyết định sanh; do duyên quyết định, tham dục sanh; v.v.*”, và “*Do duyên ý và các pháp, thức khởi lên; do ba cái tụ hội nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ; do duyên thọ*

nên có ái. Này các Tỳ-kheo, đây là khổ tập khởi”. Lại nữa, “*Vô minh duyên hành; ...; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; ...*”; trong đoạn này, chi phần *lão tử* được thay bằng chi phần mới là *khổ*.

Tiếc rằng kinh không ghi lời Phật dạy tại sao *vô minh sinh hành*, tại sao *hành sinh thức*, v.v. Ta chỉ hiểu tại sao *sanh sinh lão tử*; vì có *sanh* ắt có *chết*! Ta cũng có thể giải thích tại sao như đã nói trên; và cũng có thể hiểu rằng chi phần đứng trước là thể, là tính, là năng lực tạo ra chi phần kế tiếp như là tướng, là dụng, là kết quả của chi phần đứng trước.

Đức Phật không hề chia 12 chi phần ra từng nhóm thuộc hiện tại, quá khứ, vị lai. Thế mà về sau, các luận gia lại chia ra như thế để giải thích về nghiệp, nhân quả, luân hồi (Ví dụ, quan điểm *Tam thế lưỡng trùng nhân quả* của *Nhất thiết hữu bộ*). Rõ ràng, theo văn mạch của kinh, với lý duyên khởi, Đức Phật chỉ giải thích nguyên nhân và sự vận hành nội tại của khổ, của sinh tử ở con người đang sống, ngay đây và bây giờ. Có nhiều người còn lập luận rằng đến chi phần *lão tử* thì chuỗi nhân duyên lại nối tiếp để trở về chi phần đầu tiên là *vô minh* theo kiểu lập luận vòng tròn (mà do cảm tính nên bảo rằng đây là cách giải thích về luân hồi). Như vậy là đi xa văn mạch của kinh.

Đức Phật đã áp dụng nguyên lý căn bản của Duyên khởi do Ngài phát hiện, “*Do cái này có mặt, cái kia có mặt; do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do cái này diệt, cái kia diệt*”. (Kinh *Phật tự thuyết*). Ngài khởi quán từ nguyên nhân của *già chết* (là động cơ khiến Ngài xuất gia), từ đó Ngài quán tiếp, dẫn đến *vô minh*. Theo chiều xuôi, Ngài lại quán từ *vô minh* đến *già chết*. Vậy là xong. Ngài không dạy thêm gì khác trong văn mạch này. ■

Thấp thoáng Lời Kinh

Bồ-tát hành

ĐỖ HỒNG NGỌC

Lúc ấy, Phật đang thuyết pháp trong vườn cây Am-la. Cảnh đất ấy bỗng nhiên trở nên rộng lớn, nghiêm đẹp. Tất cả chúng hội đều ánh lên màu vàng ròng.

A-nan bạch Phật: “Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có điềm lành ứng hiện: Cảnh này bỗng trở nên rộng lớn, nghiêm đẹp. Tất cả chúng hội đều ánh lên màu vàng ròng?” Phật bảo: “Ấy là Duy-ma-cật và Văn-thù với đại chúng muốn đến đây, cho nên ứng hiện ra điềm lành ấy”.

Thì ra, Duy-ma-cật và Văn-thù cùng đại chúng đã thực hiện xong buổi huấn luyện đặc biệt về Bồ-tát đạo tại căn thất trống của Duy-ma-cật sắp trở lại vườn xoài bái kiến Phật để được nghe dạy dỗ, giao nhiệm vụ cụ thể...

Đối tượng đích vẫn là các Bồ-tát tại gia tương lai, gồm Bảo Tích và năm trăm vị vương tôn công tử, thiếu gia, con nhà trưởng giả đã phát tâm Bồ-đề nhưng còn nhiều ưu tư, nên Phật đã giao cho Văn-thù, Xá-lợi-phất cùng Duy-ma-cật mở một lớp huấn luyện đặc biệt với phương pháp giáo dục chủ động cho thấy một mô hình thực tế sống động tại Tỳ-da-ly hôm ấy. Bấy giờ lớp học đã xong phần... lý thuyết, đã trang bị đầy đủ kiến thức và thái độ, nay xin đến bái kiến Phật để được chỉ dạy thêm và được giao nhiệm vụ cụ thể để thực hành con đường Bồ-tát hướng về Phật đạo đầy cam go trước mặt.

Bây giờ thì họ đã nắm vững thế nào là Phật đạo, Bồ-tát đạo, đã được trang bị nào pháp môn giải thoát bất khả tư nghị, sự sợ vô ngại, nào pháp môn bất nhị, bình đẳng không hai, nào từ bi hỷ xả, nào bố thí ái ngữ lợi hành đồng sự... Họ cũng đã rõ biết những thứ bệnh thường gặp của Bồ-tát để tránh là bệnh chấp không, bệnh đại bi ái kiến, biết rõ thế nào là huệ và phương tiện để sử dụng sao cho hiệu quả, đúng Chánh pháp. Đặc biệt, họ đã học được pháp tu rèn giới đức để có được hương thơm lan tỏa từ chút cơm thơm nơi cõi Chúng Hương mang về...

Bấy giờ cái nhìn họ đã khác, cái thấy cái nghe cái nghĩ của họ cũng đã khác. Bấy giờ đất tâm của họ đã rộng lớn bao la, mảnh đất tâm đã được cày xới, bón phân, gieo hạt, chờ đơm hoa kết trái. Họ náo nức muốn được bái kiến Phật để được giao nhiệm vụ phải làm khi vào đời với lời ước nguyện: “chúng sanh vô biên thế nguyện độ - Phật đạo vô thượng thế nguyện thành...”.

Cảnh đất ấy bỗng nhiên trở nên rộng lớn, nghiêm đẹp. Tất cả chúng hội đều ánh lên màu vàng ròng... là vì thế.

Nhớ lại, có lần Xá-lợi-phất từng làm bộ hỏi: “... tôi thấy cõi này toàn là gò nổng, hầm hố, gai góc, sỏi sạn, núi đất, núi đá dầy dẫy mọi nhơ nhớp xấu xa...” thì Phạm vương Loa-kế đã bảo: Ấy vì lòng của nhân giả có cao có thấp, chẳng y theo huệ Phật... Nếu ông giữ lễ Bình đẳng, lòng dạ sâu vững thanh tịnh... ắt thấy cõi này thanh tịnh!

Gò nổng, hầm hố, gai góc, sỏi sạn, núi đá dầy dẫy mọi nhơ nhớp xấu xa mà bỗng trở nên rộng lớn, nghiêm đẹp, ánh lên màu vàng ròng... không có gì lạ! Mọi thứ không phải tự cõi đất mà tự cõi tâm đó vậy!

Duy-ma-cật bảo Văn-thù: “Chúng ta nên cùng đến viếng Phật, cùng với chư Bồ-tát lễ kính và cúng dường Phật”.

“Lành thay! Nên đi lắm, nay đã phải lúc lắm vậy”. Văn-thù đáp.

Duy-ma-cật liền dùng sức thần nâng hết cả đại chúng với tòa sư tử của mỗi vị, đặt lên lòng bàn tay phải của mình, rồi đi đến chỗ Phật ngự...

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ông có thấy Bồ-tát Đại sĩ hiện sức thần tự tại chăng?” “Dạ, con đã thấy. Thật vượt quá sức tưởng tượng, vượt ngoài sự đo lường của con.” Xá-lợi-phất thưa.

“Bồ-tát Đại sĩ” đây là chỉ Duy-ma-cật. Một lời khen dành cho vị Bồ-tát tại gia, cũng nhằm động viên khuyến khích tất cả các vị Bồ-tát tại gia tương lai kia!

Với pháp giải thoát bất khả tư nghị, sự sợ vô ngại thì “nhét núi Tu-di cao lớn vào trong một hột cải; đem hết nước bốn biển mà đổ vào trong một lỗ chân lông...; bứt lấy cõi thế gian Tam thiên đại thiên cũng như người ta bứt cái vòng của thợ lò gốm, đặt cõi ấy trong lòng bàn tay, ném nó ra khỏi các cõi thế giới nhiều như cát sông Hằng...” thì có khó gì!

Với cái thấy biết Vô tướng thực tướng, Không, Duyên sinh... thì núi Tu-di với hạt cải có gì ngăn ngại nhau? Ở một cõi không có thời gian, chẳng có không gian, một là tất cả, tất cả là một, thì còn tính đếm, đo lường nữa mà chi!

Lúc ấy, A-nan bạch Phật: “Thế Tôn! Nay có một hương thơm chưa từng có. Đó là hương thơm gì vậy?” Phật bảo: “Ấy



là hương thơm nơi lỗ chân lông của các vị Bồ-tát kia tỏa ra". Xá-lợi-phất bảo A-nan: "Từ nơi các lỗ chân lông của chúng tôi, giờ cũng phát ra mùi thơm ấy".

Thế mới biết, người ta dễ được "thơm lây" khi gần người đức hạnh! Thế mới biết vì sao nên gần gũi thiện tri thức. Giới đức là căn bản trên đường tu tập. Giới đức mới mang lại hương thơm, một thứ hương thơm bay cao, bay xa, bay ngược chiều gió. Nhưng giới đức không thôi chưa đủ, còn cần phải có định, có huệ. Chỉ hương thơm không thôi dễ tự mất. Cho nên khi các vị Bồ-tát cõi Chúng Hương xin xuống Ta-bà "thực địa"

một phen thì Phật Hương Tích đã phải dặn kỹ: Thu mình nhỏ lại, khiêm tốn, giảm bớt... mùi thơm, nói lời ái ngữ, lợi hành và đồng sự với chúng sanh ở cõi Ta-bà, đừng có khinh dễ, đừng có ngạo mạn!

Chính các vị Bồ-tát từ cõi Chúng Hương sau này đã chấp tay bạch Phật: *"Thế Tôn! Khi mới thấy cõi này, chúng con có ý cho là thấp kém. Bây giờ chúng con tự hối trách, lia bỏ ý nghĩ ấy. Tại sao vậy? Pháp môn phương tiện của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Vì độ chúng sinh, cho nên các ngài tùy theo chỗ thích hợp của họ mà hiện ra các nước Phật khác nhau".*

Phật từng dạy: “Các loài chúng sinh là cội Phật của Bồ-tát. Bồ-tát tùy theo chỗ giáo hóa chúng sinh mà giữ lấy cội Phật. Tùy theo chỗ điều phục chúng sinh mà giữ lấy cội Phật. Tùy các chúng sinh muốn dùng cội nước nào để vào trí huệ Phật mà giữ lấy cội Phật. Tùy các chúng sinh muốn dùng cội nước nào để phát khởi căn Bồ-tát mà giữ lấy cội Phật”.

Khi các vị Bồ-tát phương xa xin “ra tay nghĩa hiệp” nơi cội Ta-bà ngũ trước này thì Phật đã bảo: Thôi đi! Xin cảm ơn! Và ngay đó, vô số Bồ-tát “tùng địa dũng xuất” đã xuất hiện (*Pháp Hoa*). Bồ-tát xuất thân từ cộng đồng thì quen phong tục tập quán, ngôn ngữ địa phương, nhờ vậy mà họ dễ giao tiếp, dễ hướng dẫn, làm gương... Đó chính là *phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng* (Community-based approach) như đã nói mới mang lại hiệu quả bền vững.

Mùi thơm được mang về từ cội Chúng Hương, vốn xin từ một thứ thức ăn, chút cơm dư của Phật Hương Tích, về làm “Phật sự” ở căn thất Duy-ma-cát.

A-nan bạch Phật: “Chưa từng có vậy! Thế Tôn, như thứ cơm ấy mà có thể làm Phật sự chăng?”.

Thực ra A-nan đâu có lạ gì chuyện “Phật sự”! Hỏi chẳng qua là hỏi để các vị Bồ-tát tại gia tương lai kia mở rộng tầm mắt! Họ vốn là các bậc vương tôn công tử, thiếu gia, con nhà trưởng giả thường vẫn nghĩ rằng làm “Phật sự” hẳn phải làm những việc gì to lớn, vĩ đại, như xây chùa thật to, đúc chuông thật lớn, dựng tượng thật uy nghi, sơn son thếp vàng rực rỡ...!

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! A-nan, hoặc có cội Phật dùng ánh sáng quang minh của Phật mà làm Phật sự... Có cội dùng cây Bồ-đề mà làm Phật sự. Có cội dùng y phục, cơm và đồ ăn của Phật mà làm Phật sự. Có cội dùng vườn hoa, rừng cây, đền đài mà làm Phật sự... Có cội dùng hư không mà làm Phật sự, chúng sinh muốn nương theo duyên ấy mà vào luật hạnh. Có cội dùng những ví dụ, như: chiêm bao, ảo hóa, bóng dáng, tiếng dội, hình lộ trong gương, mặt trăng dưới nước, dạn sóng khi trời nắng... mà làm Phật sự. Có cội dùng âm thanh, lời nói, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cội Phật thanh tịnh dùng những việc: tịch tịch, không lời, không thuyết, không chỉ, không ghi, không làm, vô vi mà làm Phật sự. A-nan! Như vậy đó, mọi cách đi đứng, nằm ngồi, tới lui của Phật, thấy thấy hành vi, không chỉ chẳng là Phật sự”.

Thì ra vậy! Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Một cái quơ roi, một tiếng hét, một chiếc lá rụng, một tiếng ngói vỡ, một ánh mắt nhìn hay một sự im lặng... cũng làm Phật sự được quá chớ!

“A-nan! Có bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn thứ phiền não, làm cho chúng sinh phải nhọc nhằn mệt mỏi. Chư Phật liền dùng những pháp ấy mà làm Phật sự. Đó gọi là vào **pháp môn của tất cả chư Phật**.”

Hóa ra ngay các thứ ma, các thứ phiền não... cũng đều có thể làm Phật sự. Những gì người đời sợ hãi, buồn khổ, lo âu... thì với các vị Bồ-tát, đều là cơ hội để

làm Phật sự, thành tựu chúng sanh. Cho nên mới nói Phiền não là Bồ-đề, hoa sen mọc trong biển lửa.

“*Công đức của chư Phật Như Lai vẫn là bình đẳng, nhưng vì giáo hóa chúng sanh nên các ngài hiện ra những cội Phật khác nhau. Các nước Phật, đất đai nhiều thứ khác nhau, nhưng hư không chẳng có nhiều thứ. Cũng như vậy, chư Phật sắc thân nhiều dạng khác nhau, nhưng cái huệ vô ngại của các ngài thì chẳng khác nhau.*”

“... giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đại từ, đại bi, các sở hành oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sinh, làm cho trong sạch cội Phật, đầy đủ các Phật pháp, thời chư Phật đều bình đẳng như nhau. Cho nên gọi các ngài là Tam-miệu Tam-phật-đà, cũng gọi là Đa-đa-a-già-độ, cũng gọi là Phật-đà”.

Tam-miệu Tam-phật-đà là Chánh biến tri; Đa-đa-a-già-độ là Tathagata, Như Lai. Cho nên chư Phật còn được gọi là Như Lai, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiên nhân sư, Điều ngự trượng phu, v.v.

Lúc ấy, các vị Bồ-tát từ thế giới Chúng Hương đồng chấp tay: “Dạ, kính bạch Thế Tôn! Xin Ngài ban cho chút ít Phật pháp. Khi trở về, chúng con sẽ nhớ tưởng Như Lai”.

Phật dạy: “*Có pháp môn giải thoát gọi là Tận Vô Tận, các ông nên tu học. Sao gọi là Tận? Ấy là pháp hữu vi. Sao gọi là Vô Tận? Ấy pháp vô vi. Bồ-tát thì phải “Chẳng dứt hữu vi, chẳng trụ vô vi”* (Bất tận hữu vi, bất trụ vô vi). ”

“Các ông nên tu học” ở đây Phật không chỉ nói đến các vị Bồ-tát đến từ cội Chúng Hương mà cho toàn thể đại chúng, các vị Bồ-tát, các Đại đệ tử, nhất là các Bồ-tát tại gia tương lai, nhằm nhắc nhở nhiệm vụ chủ yếu của Bồ-tát là “Bất tận hữu vi, bất trụ vô vi”.

Khuynh hướng của người tu học khi “chứng ngộ” dễ thấy “phạm hạnh đã tròn đầy”, muốn “đặt gánh nặng xuống”, bước vào cội “vô sanh”, niết-bàn tịch diệt. Phần khác cũng ngại con đường tu học quá khó, quá ngược, không chắc chúng sanh hiểu được, làm được.

Ngay cả Phật khi đắc đạo dưới cội Bồ-đề cũng nghĩ: “Giáo Pháp mà Như Lai đã chứng ngộ quả thật thâm sâu huyền diệu, khó nhận thức, khó lãnh hội, vắng lặng, cao siêu, không nằm trong phạm vi luận lý, tế nhị, chỉ còn bậc thiện trí mới thấu hiểu”.

“Người còn mang nặng tham ái và sân hận không dễ gì thấu triệt. Người tham ái chìm đắm trong đêm tối, không thấy được Giáo Pháp, vì lòng tham ái bao phủ như đám mây mờ đen ngịt, vì Giáo Pháp đi ngược dòng với tham ái. Giáo Pháp sâu kín, thâm diệu, khó nhận thức và rất tế nhị”.

Ba lần Phạm thiên khẩn khoản, Đức Thế Tôn mới dùng thiên nhãn quan sát thế gian, nhận thấy chúng sanh kẻ ít người nhiều đều có bụi trong mắt, người thông minh sáng suốt, kẻ ngu muội tối tăm... như trong đầm sen, sen xanh, đỏ, trắng lẫn lộn, có những cây mọc từ trong nước, trưởng thành trong nước, có cây ló dạng trên mặt nước, có cây vượt lên khỏi mặt nước, không vướng chút bùn nhơ...

Đức Phật bấy giờ tuyên bố: “Cửa Vô Sanh Bất Diệt đã rộng mở cho chúng sanh. Hãy để cho ai có tai muốn nghe đặt trọn niềm tin tưởng...” (Đức Phật và Phật pháp, Narada).

Pháp hữu-vi sao gọi là Tận? Bởi vì pháp hữu-vi là pháp còn tạo tác, còn hành vi tạo nghiệp, còn sanh diệt, tái diễn trong Tam giới. Pháp hữu vi là... vô thường, như mộng, huyễn, bào ảnh... trước sau gì cũng dứt, cũng tận! Pháp hữu vi do duyên mà sanh, hết duyên thì dứt. Nó chỉ là “giả tạm”, vốn hư vọng: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”! Cho nên kinh *Kim Cang* khuyên: “Ung tác như thị quán”! Thấy rõ nó vậy, vô thường, khổ, không, vô ngã thì không nên đeo bám, không nên dính mắc, nên xa lìa, nên nhàm chán thì mới được... giải thoát!

Nhưng đó là dạy cho chúng sanh chớ với Bồ-tát thì khác! Bồ-tát là chúng sanh đã giác ngộ, nguyện cứu độ vô biên chúng sanh khác còn đang ngập lặn trong cõi Ta-bà ô trược nên... Bồ-tát thì không từ bỏ hữu vi, vẫn “đeo bám” hữu vi để giúp đời!

Bồ-tát thì đã “Phát khởi sâu vững tâm Nhất thiết trí, không hề xao lãng đối với chí quyết thành Phật”, “chẳng lìa đức đại từ, chẳng bỏ đức đại bi...”.

Nên Bồ-tát phải có nhiệm vụ “Giáo hóa chúng sanh chẳng hề mệt chán. Thường xét nghĩ việc tùy thuận thì hành bốn pháp thâm nhiếp. Hộ trì Chánh pháp chẳng tiếc thân mạng. Gieo trồng các căn lành chẳng hề mệt chán. Tâm trí thường được an ổn, vững chãi, đem phương tiện hướng về Phật quả. Cầu pháp chẳng biếng nhác. Thuyết pháp chẳng hiểm tiếc. Vào chốn sinh tử nhưng không sợ sệt chi cả. Đối với sự vinh nhục lòng không lo buồn, không mừng vui. Chẳng khinh kẻ chưa tu học...”.

“Tại các cảnh thiền định, tưởng đó như các tầng địa ngục. Đối với cuộc sinh tử luân hồi, tưởng đó như vườn cảnh điện đài”. Không đắm mê thiền duyệt mà quên nhiệm vụ, coi sáu nẻo luân hồi thành thang “một cội đi về”!

Bồ-tát thực hành lục độ ba-la-mật: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ: *Thí xả những vật sở hữu của mình, đủ đầy cái tâm tưởng cầu quả vị của đấng Nhất thiết trí. Thấy kẻ phá hủy giới cấm, khởi lên cái tư tưởng cứu hộ. Đối với các ba-la-mật, tưởng như cha mẹ. Đối với các pháp đạo phẩm, tưởng như quyến thuộc. Nảy nở các căn lành, không hề có giới hạn. Lấy những việc nghiêm sức cõi nước trong sạch để thành tựu cõi Phật của mình. Trừ bỏ mọi việc xấu ác, giữ sạch thân, miệng, ý. Trải vô số lần sinh tử, tâm ý vẫn vững mãi.*

“... Thường cầu đức tánh vô niệm, trí huệ thật tướng. Thi hành lễ biết đủ, ít tham cầu, nhưng chẳng bỏ pháp thế gian. Chẳng chê bỏ oai nghi cốt cách, nhưng có thể tùy tục mà khởi ra huệ thần thông, diu dắt chúng sinh...” “Tu bốn tâm vô lượng (Từ bi hỷ xả), Tâm ý không phóng dật, chẳng bỏ mất các việc lành”.

Tri túc, kham nhẫn, không phóng dật, thấy biết chân không mà diệu hữu, tùy tục mà khởi huệ thần thông, diu dắt chúng sanh... đó là vai trò của Bồ-tát.

“Thi hành những pháp như vậy, gọi là Bồ-tát “bất tận hữu vi”.

Pháp vô vi sao gọi là Vô tận? Bởi pháp vô vi là pháp thanh tịnh, vắng lặng, bất động, niết-bàn, diệt tuyệt nhân quả, dứt hẳn phiền não, thoát ly Tam giới, chấm dứt sanh tử luân hồi.

“Sao gọi là Bồ-tát chẳng trụ vô vi? Đó là, tu học lẽ không, nhưng chẳng lấy lẽ không làm chứng đắc. Vì nếu lấy lẽ không làm chứng đắc thì sẽ mắc thứ bệnh nặng của Bồ-tát: bệnh chấp không!

Tu học vô tướng, vô tác, nhưng chẳng lấy vô tướng, vô tác làm chứng đắc.

Bồ-tát thấy chân không mà diệu hữu. Thực tướng nằm sau giả tướng. Tướng như thị, tánh như thị, thể như thị, lực như thị...!

Quán lẽ vô thường, nhưng chẳng chán cõi lành. Quán những nỗi khổ thế gian, nhưng chẳng ghét việc sinh tử. Quán lẽ vô ngã, nhưng dạy người chẳng chán. Quán lẽ tịch diệt, nhưng chẳng tịch diệt mãi mãi. Quán lẽ xa lìa, nhưng thân tâm tu thiện. Quán lẽ không có chỗ về, nhưng quay về các pháp lành. Quán lẽ không sinh, nhưng đem việc sinh sống mà gánh vác tất cả chúng sinh.

Quán lẽ không có phiền não, nhưng chẳng đoạn tuyệt các phiền não! Nói khác đi, Bồ-tát phải biết sống với phiền não, nhờ đó biết “thấu cảm” với nhân sinh, không dễ thành kẻ vô cảm! Sống với phiền não nhưng không bị dính mắc với phiền não!

“Tu các pháp như vậy, gọi là Bồ-tát “bất trụ vô vi”...

Rồi Phật khẳng định: “Lại nữa, nhờ có đủ phước đức, nên Bồ-tát chẳng trụ vô vi. Nhờ có đủ trí huệ, nên chẳng rời hữu vi. Nhờ đại từ bi, nên chẳng trụ vô vi.

Nhờ tròn bốn nguyện, nên chẳng rời hữu vi. Nhờ tu hội các phương thuốc pháp, nên chẳng trụ vô vi. Nhờ khéo tùy bệnh mà cho thuốc, nên chẳng rời hữu vi.

Nhờ biết bệnh của chúng sinh, nên chẳng trụ vô vi. Nhờ trị dứt bệnh của chúng sinh, nên chẳng rời hữu vi. Các vị Bồ-tát, khi đã tu xong các pháp ấy thì chẳng muốn rời “hữu vi”, chẳng muốn trụ “vô vi”. Đó là pháp môn giải thoát Tận Bất tận. Các ông nên tu học pháp môn ấy”.

Các vị Bồ-tát cõi Chúng Hương nghe Phật thuyết thời pháp ấy rồi, đều rất hoan hỷ, đánh lễ nơi chân Phật, khen là chưa từng có, và nói rằng: “Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã có thể ở cõi này mà thực hành phương tiện một cách khéo léo”.

A-nan khi ngộ được chơn tâm mẫu nhiệm cũng đã phát nguyện:

Đời ác trước tôi thể vào trước

Còn một chúng sanh chưa thành Phật

Thì tôi không nhận hưởng Niết-bàn!

Ai bảo A-nan không là một Đại Bồ-tát? ■

Tu tập thế nào: Có ba cách tu tập

ĐỨC ĐẠT-LAI LẠT-MA
HOANG PHONG dịch



Nền tảng Phật giáo phản ánh sự Giác ngộ của chính Đức Phật

Theo một số các học phái Phật giáo thì Đức Thích-ca Mâu-ni là Vị Phật đầu tiên đạt được Giác ngộ vào thế kỷ thứ VI trước Tây Lịch ở Ấn Độ, nhờ luyện tập theo một Con đường mà chính Ngài đã khám phá ra. Một số học phái khác thì tin rằng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã đạt được Giác ngộ từ trước, và Ngài tái sinh vào thế kỷ thứ VI trước Tây lịch là với mục đích chỉ cho chúng ta thấy Con đường. Quan điểm này cũng là quan điểm của chúng tôi ở Tây Tạng. Các môn đệ của Đức Phật nhìn vào tấm gương của Ngài để tu tập hầu mang lại sự Giác ngộ cho chính mình.

Dù là theo quan điểm nào (*Phật giáo Theravada hay Đại thừa*) thì chúng ta cũng chỉ cần hiểu rằng: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sinh ra ở nước Ấn, trong một gia đình hoàng tộc, hứa hẹn một cuộc sống đầy lạc thú. Thế nhưng lúc hai mươi chín tuổi, sau khi nhận thấy bản chất khổ đau của thế giới, thì Ngài bèn chối bỏ vị thế vương quyền của mình, cắt tóc, rời xa gia đình, chọn lý tưởng đạo đức và cuộc sống của một người tu hành.

Trong sáu năm liền, Ngài say mê luyện tập theo các phép thiền định thật khắc nghiệt của những người tu hành khổ hạnh hầu hy vọng đạt được thể dạng thiền định mang lại một sự tập trung cao độ.

Sự Giác ngộ của Đức Phật

Sau đó dưới một cội Bồ-đề (Bodhi) ở một nơi [nay] gọi là Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhi Gaya), Ngài đã luyện tập theo các phương pháp chuyên biệt giúp mình phát huy trí tuệ và đạt được sự Giác ngộ. Sau đó Ngài đã thuyết giảng trong suốt bốn mươi lăm năm liền, và tịch diệt khi tám mươi mốt tuổi. Chúng ta sẽ thấy rằng cuộc sống của Đức Phật gồm có ba giai đoạn: trước hết là đạo đức, sau đó là thiền định chú tâm, và sau cùng là trí tuệ. Con đường đòi hỏi rất nhiều thời gian.

Sự biến cải tuần tự

Nếu muốn phát huy tâm thức thì phải hội đủ nhiều nguyên nhân và điều kiện nội tâm, tương tự như một trạm không gian đòi hỏi sự hợp tác của nhiều thể hệ bác học nhằm phân tích và thử nghiệm thật tỉ mỉ các thành phần tạo ra trạm không gian ấy. Không thể nào thực hiện một trạm không gian hay tạo ra một tâm thức Giác ngộ trong vòng một ngày được. Cũng vậy, các phẩm tính tinh thần chỉ có thể được phát huy nhờ vào thật nhiều phương tiện khác nhau. Tuy nhiên, khác với một trạm không gian được thiết kế với sức làm việc của cả một đội ngũ, tâm thức của quý vị chỉ có thể được phát huy bởi chính quý vị mà thôi. Không ai có thể làm việc ấy thay quý vị để quý vị chỉ ngồi chờ kết quả. Không thể nào giải đoán được mô hình phát triển tâm linh bên trong tâm thức một người khác rồi sau đó chuyển sang cho mình. Chính mình phải tự tạo ra cho mình sự thực hiện ấy.

Các quá trình tu tập giúp mang lại một cung cách hành xử từ bi và phát huy trí tuệ là các quá trình diễn tiến rất chậm. Trong khi quý vị quen dần với các kỹ thuật phát huy đạo đức, sự tập trung và trí tuệ, thì các thể dạng tâm thần bất trị của quý vị cũng sẽ giảm bớt đi. Nếu quý vị chuyên cần luyện tập các phương pháp tập trung tâm thần và phát huy trí tuệ thì các xung năng hung dữ của quý vị sẽ theo đó mà giảm bớt đi. Quý vị phải luyện tập các phương pháp ấy, ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác. Trong khi biến cải tâm thức mình thì quý vị cũng sẽ biến cải được cả những người khác chung quanh quý vị. Họ sẽ nhận thấy sự lợi ích mang lại từ việc luyện tập của quý vị về lòng bao dung và tình thương yêu, và họ cũng sẽ luyện tập theo hầu biến cải cuộc sống của chính họ.

Ba phép luyện tập

Giáo huấn của Đức Phật được phân chia thành ba thể loại:

- * Kỷ cương đạo đức.
- * Các bài giảng về phép thiền định tập trung.
- * Sự hiểu biết về cách luyện tập mang lại trí tuệ.

Trong mỗi văn bản thiêng liêng (*tức là các bài kinh do Đức Phật thuyết giảng*) đều nêu lên một phép luyện tập chủ yếu phản ánh một sự kết hợp tuyệt vời giữa: 1- sự «tĩnh lặng của tâm thức» (thiền định tập trung), và 2- sự «xuyên thấu chuyên biệt» (trí tuệ). Và nếu muốn thực hiện được sự kết hợp giữa hai thứ ấy thì trước hết phải tạo ra cho mình một nền tảng đạo đức.

Tính cách tuần tự trong việc tu tập

Các giai đoạn chủ yếu trong việc luyện tập là: đạo đức, thiền định tập trung và trí tuệ. Lý do phân chia việc luyện tập thành ba giai đoạn là: Nếu muốn cho trí tuệ của sự quán thấy đặc thù có thể loại bỏ được các thứ chướng ngại hầu mang lại cho mình một sự hiểu

biết đích thật, giúp mình loại bỏ các thể dạng tâm thần sai lầm từ căn bản thì phải cần đến phép thiền định tập trung, có nghĩa là phải phát huy một thể dạng quyết tâm tuyệt đối, loại bỏ được tất cả mọi sự xao lãng trong nội tâm mình. Nếu không thì tâm thức sẽ bị vỡ ra từng mảnh vụn. Nếu không thực hiện được thể dạng thiền định tập trung thật cao độ thì trí tuệ sẽ eo uột. Cũng thế, khả năng soi sáng của một ngọn nến trước một cơn gió sẽ bị kém đi. Vì thế phải thực hiện được thể dạng thiền định tập trung trước khi có thể phát huy trí tuệ. Thể dạng thiền định chú tâm đó sẽ giúp loại bỏ các sự xao lãng tinh tế bên trong nội tâm, và cả các thể dạng tâm thần quá buông thả hay quá căng thẳng.

Nếu muốn thành công trong việc tập trung tâm thần đó thì chúng ta phải loại bỏ những sự xao lãng bên ngoài, bằng cách phát huy thể dạng tỉnh giác của tâm thức (mindfulness / pleine conscience) đối với các sinh hoạt thân xác và ngôn từ. Đây là cách phải thường xuyên ý thức về tất cả các sự sinh hoạt của mình từ thân xác đến từng lời ăn tiếng nói. Nếu không loại trừ được các sự xao lãng ấy thì cũng sẽ khó lòng cho chúng ta vượt lên trên các sự xao lãng tinh tế hơn. Tạo ra một tâm thức tỉnh giác là cách mang lại cho mình sự tĩnh lặng tâm thần. Cần phải phát huy một tâm thức đạo đức trước khi nghĩ đến việc thiền định tập trung.

Theo kinh nghiệm của tôi thì cuộc sống xuất gia nơi chốn chùa chiền sẽ giúp mình tránh bớt được các sự trói buộc và sinh hoạt bên ngoài, điều ấy có nghĩa là tôi có nhiều thì giờ hơn để tập trung vào việc tìm hiểu các vấn đề tâm linh. Lời nguyện quyết tâm giới hạn bớt các sự sinh hoạt vô bổ thuộc thân xác và ngôn từ là cách giúp tôi ý thức được cung cách hành xử của tôi, và thôi thúc tôi phải quán xét những gì xảy ra trong tâm thức tôi. Dù không hề quan tâm đến việc thiền định chú tâm đi nữa thì ít ra tôi cũng phải canh chừng tâm thức tôi, hầu giúp nó không bị rơi vào sự xao lãng. Vì thế trước đây lúc nào tôi cũng chú tâm vào việc luyện tập phép thiền định tập trung tâm thức hướng vào một điểm. Và các lời nguyện giữ gìn đạo đức thì làm căn bản cho cuộc sống của tôi. Nếu phân tích ba phép luyện tập trên đây - đạo đức, thiền định chú tâm và trí tuệ - thì chúng ta sẽ nhận thấy mỗi phép luyện tập đều là một cơ sở tất yếu giúp thực thi phép luyện tập tiếp theo. Sự tuần tự giữa ba phép luyện tập ấy nói lên cuộc sống của chính Đức Phật. Tóm lại, bất cứ một sự thăng tiến tâm linh nào cũng đều phải dựa vào một cơ sở đạo đức chính xác. ■

Nguyên tác: *Comment Pratiquer: Trois manières de pratiquer*, Dalai Lama.

Nguồn: <http://www.buddhaline.net/Comment-Pratiquer-Trois-manieres>.

Ẩn dụ về giới hạnh trong phẩm Hoa kinh *Pháp Cú*

HOA DUYÊN

Kinh *Pháp Cú* (Dhammapada) là một trong 15 quyển kinh thuộc *Tiểu Bộ kinh* (Khuddaka Nikaya) trong Kinh tạng Nikaya (Suttanta Pitaka). Kinh *Pháp Cú* từ xưa nay luôn được giới học giả và giới Phật giáo xem là Thánh điển phổ thông với tính nghệ thuật ngôn ngữ cao nhất; kinh này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Trong kinh *Pháp Cú*, có những bài kệ được kết hợp với những ví dụ cụ thể hết sức sinh động, súc tích, và khơi gợi cảm hứng, nền đạo lý chân thực đến con người đi ra khỏi giấc mộng hư ảo của cuộc đời và đem đến cho con người nguồn an lạc, hạnh phúc của đạo vị.

Phẩm Hoa trong kinh *Pháp Cú* mô tả về người có giới hạnh bằng công cụ ẩn dụ, mang tính khái niệm và biểu cảm cao. Những loại hoa quý, những loại hương của hoa được nâng lên thành tầm nhìn nghệ thuật, đậm nét hài hòa không gian vũ trụ và nhân sinh.

"Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ, tử thần sẽ lôi phăng đi những người sinh tâm ái trước những bông hoa dục lạc mình vừa góp nhặt được" (kệ số 47). Bông hoa dục lạc, chỉ cho những thú vui hưởng thụ của cõi thế gian (ăn ngon, mặc đẹp, tiền tài, danh vọng, địa vị, ngủ nghỉ, thỏa mãn nhu cầu cá nhân). Người với tâm bám víu vào những thú vui trên được xem như giao cho "thần chết" định mệnh. Một khi không còn hưởng thụ được những thú vui, thân thể đến lúc bào mòn thì chắc chắn "thần chết" sẽ dắt đi, như dòng nước lũ ào ào tuôn chảy làm tiêu điều xóm làng vậy, không biết trôi dạt về chân trời nào.

"Hương của các loài hoa chiêm đàn, đa-già-la hay mật ly, đều không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh của người chân chính, tuy ngược gió vẫn bay khắp muôn phương" (kệ số 54). Mùi thơm tỏa ngát khắp mười phương, dụ cho danh đức lan tỏa xa rộng của người trì giới, dẫu thuận hay nghịch gió thổi đều biết, không như mùi thơm của chiêm-đàn, trầm-thủy hay các loại hoa lá khác, thuận gió thì biết, nghịch gió thì chẳng hay.

"Hương chiêm đàn, hương đa-già-la đều là thứ hương vi diệu, nhưng không bằng thứ hương đức hạnh, xông ngát tận chư Thiên" (kệ số 56). Ai chẳng biết hương

chiêm-đàn thơm ngát, tỏa hương thơm từ thân cây của nó, là loại hương thơm tự nhiên nên gỗ chiêm-đàn là loại gỗ quý. Người đức hạnh với tâm hành thanh khiết, là bậc xứng đáng cho người khác tôn kính, tiếng lành đồn xa, mãi mãi lưu danh trên đời nên cũng phải dùng từ "hương quý báu" mới sánh được.

Giới hương thì vô dục, vô sở nhiễm, cùng tốt trí tuệ và giải thoát, lan tỏa khắp nơi nhưng mà chẳng hay biết. Giới hạnh là phương tiện tu hành, tùy thuận bản tính mà thụ trì giới thể: *"Trên đường lớn, sinh ra hoa sen thanh khiết ngọt ngào, làm đẹp ý mọi người; cũng thế, chỉ từ nơi chốn phạm phu ngu muội mới sản sinh những vị đệ tử bậc Chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian"* (kệ số 59).

Thật là sâu sắc khi người đức hạnh được ví như "hoa sen thanh khiết, ngọt ngào, làm đẹp ý mọi người". Hoa sen mọc từ bùn, nhưng khi vượt lên khỏi mặt nước, thân lá hoa chẳng dính bùn, tỏa hương thơm, ong hút mật, bướm đậu hoa nhưng chúng không làm hại đến hoa.

*"Thoát bùn nở đóa sen thanh
Bùn tanh mà vẫn lọc nên hương trời".*

(Ca dao)

Tính thanh cao và tinh khiết của hoa sen được dùng để chỉ người đức hạnh quả là một nghệ thuật ngôn từ. Kinh tạng Nikaya có kể rằng:

Có một tu sĩ Ấn Độ giáo nhìn thấy dấu chân của Phật in dưới cát có những dấu hiệu lạ thường, nên ông đến gần Phật và hỏi rằng:

- *Phải chăng Ngài là vị Thiên? Phải chăng Ngài là Càn-thát-bà? Phải chăng Ngài là quỷ Dạ-xoa? Phải chăng Ngài là người?*

Với những câu hỏi trên, Đức Phật đều trả lời rằng:

- *Không phải.*

Tu sĩ ấy lại hỏi tiếp:

- *Vậy Ngài là ai?*

Đức Phật trả lời:

*Như hoa sen đẹp dễ và dễ thương
Không cấu nhiễm bùn nhơ nước đục
Cũng vậy, ở giữa chốn bụi trần
Ta không vương chút bợn nhơ
Như vậy, ta là Phật.*

Hoa là vật cúng dường quan trọng trong nghi thức của Phật giáo Ấn Độ và trong pháp tu của Mật giáo. Trong các loại hoa cúng dường, quý nhất có 4 loại: Ưu-bát-la-hoa (hoa sen xanh), Bát-đặc-ma-hoa (hoa sen hồng), Câu-vật-đầu-hoa (hoa sen trắng), Phan-đà-lợi-hoa (hoa sen trắng lớn) hoặc 4 loại: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha-mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha-mạn-thù-sa. Bốn loại hoa trước dùng để trang nghiêm cõi Cực lạc, còn 4 loại hoa sau là điểm lành nói trong Kinh Pháp Hoa, là loại hoa từ trên trời rơi xuống (theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*).

Người tri giới thanh tịnh, việc làm chơn chánh, xứng đáng được trời người cúng dường. Khi họ đi đến đâu cũng không để dấu vết ô uế cho đạo pháp: *"Hàng Sa-môn (Mâu-ni) đi vào xóm làng khát thực, ví như con ong đi kiếm hoa, chỉ lấy mật rồi đi chứ không làm tổn thương về hương sắc"* (kệ số 49).

Người đức hạnh giữa lời nói (ngôn thuyết) và hành động (hạnh nguyện) phải đi song song, thiếu một trong hai thì không phải là người có giới hạnh: *"Nhu thứ hoa đẹp chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm, những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành thì chẳng đem lại lợi ích"* (kệ số 51).

Trở thành người đức hạnh đó là kết quả của những việc làm tốt lành, gương mẫu, vị tha và vô ngã. Những việc làm được gọi là thiện nằm trong giáo lý Bát Chánh đạo, Lục Ba-la-mật, Tứ nhiếp pháp: *"Nhu từ đồng hoa có thể làm nên nhiều tràng hoa; như vậy, từ nơi thân người có thể tạo nên nhiều việc thiện"* (kệ số 53).

Giới hạnh là một loại đạo đức thâm thúy của nhà Phật, cũng như bên ngoài xã hội, đạo đức nhân cách và hành vi phải sao cho phù hợp với lẽ phải và lợi ích chung. Muốn được an ổn, hạnh phúc thì hãy làm cho người khác an ổn, hạnh phúc trước đã. Như một nhà hiền triết đã nói: *"Mình đừng làm điều gì cho người khác cái điều mà mình không muốn người khác làm cho mình"*. Trong nhà Phật, người tu hành có giới hạnh sẽ làm cho Phật pháp trường tồn, là ánh sáng soi chiếu thế gian tăm tối: *"Người nào thành tựu các giới hạnh, hằng ngày chẳng buông lung, an trụ trong chánh trí và giải thoát, thì ác ma không thể dòm ngó được"* (kệ số 57). Nếu như ngoài xã hội, người ta thường dùng hai chữ đức hạnh để chỉ người có nhân cách cao thượng, trong sạch thì trong nhà Phật sử dụng hai từ "Giới hạnh". Giới hạnh được bắt nguồn từ giới luật. Giới luật không phải là những điều suông, mà là thực hành trong đời sống hằng ngày. Giới hạnh có mối liên hệ với sự hành đạo giúp đời và truyền bá giáo pháp Như Lai. Tầm quan trọng của giới luật được nâng lên mức cao nhất trong Phật giáo, nhưng không phải là điều khoản ép buộc, gò bó hay dậm chân tại chỗ mà là yếu tố quan trọng của sự trường tồn Phật pháp, là tấm gương cho xã hội và hậu thế soi chung. ■



Tan man về sở buông bỏ

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Có câu chuyện kể về nhà sư Thái Lan Ajahn Chah. Một lần nhà sư đi dạo với các đệ tử, ngài chỉ vào một tảng đá to bên đường và hỏi: *"Theo các thầy, tảng đá có nặng không?"*. Các đệ tử trả lời liền: *"Dạ, nó rất nặng ạ!"*. Nhà sư mỉm cười và nói: *"Nó đâu có nặng nếu ta đừng cố gắng vác nó lên vai"*.

Trong một cuộc hàn huyên giữa hai người bạn, một người bỗng nói: *"Lực sĩ coi vậy mà không vác nổi cái lông chim"*. Người nghe đang ngơ ngác thì người nói nói tiếp: *"Tại lực sĩ không thêm vác đó thôi"*.

Trong lĩnh vực giải trí có một phim hoạt hình của Mỹ sản xuất năm 2009 xem rất thú vị. Tựa phim là *"Up"* tức *"Bay lên"*. Phim kể chuyện một ông già bán bong bóng thực hiện chuyến phiêu lưu lạ lùng đến một thác nước tuyệt đẹp ở Nam Mỹ bằng căn nhà biết bay của ông nhờ cột chặt hàng ngàn quả bóng bay vào nó. Thác nước đó có tên là Thiên Đường mà bà vợ quá cố của ông già lúc còn sống luôn có ước mơ cháy bỏng là một lần đến đó chơi. Nay ông già thực hiện ước mơ đó. Một số biến cố xảy ra làm nhiều quả bóng bay bị nổ, số bóng bay còn lại không đủ sức nâng bổng căn nhà lên để bay đến thác Thiên Đường. Ông già quyết định vất bỏ toàn bộ đồ đạc được xem là kỷ vật yêu quý của hai vợ chồng ra khỏi căn nhà. Căn nhà nhờ trống trơn cứ thế bay lên, bay lên để đến nơi mà ông già muốn đến.

Ba chuyện kể ở trên cách này cách nọ ví von về sự buông bỏ. Buông bỏ gì đây?

Chợt một bài thơ đọc được trên mạng nhớ lại trong đầu:

Mỗi ngày tôi tập chữ "Buông",

Buông thương, buông ghét, buông buồn, buông vui.

Buông cho nó khỏe người ơi,

Buông cho lòng dạ thành thời nhẹ nhàng.

Lại chợt nhớ lời Đức Phật dạy: *"Này các thầy, hãy buông bỏ những gì là bất thiện! Này các thầy, ta có thể buông bỏ những gì là bất thiện, nếu như việc ấy không thể thực hiện được, thì Tôi đã không khuyên bảo các thầy mà làm chi."*

Nếu như buông bỏ những điều bất thiện sẽ mang lại cho ta khổ đau, Tôi đã không khuyên bảo các thầy mà làm gì. Nhưng vì sự buông bỏ ấy mang lại hạnh phúc và nhiều lợi lạc mà Tôi mới nói với các thầy *"hãy buông bỏ những gì là bất thiện"* (Tăng Chi Bộ kinh - Anguttara-Nikaya).

Hãy buông bỏ những gì là bất thiện chính là buông bỏ những gì làm khổ mình, khổ người. Vậy thôi.

Buông bỏ để hiểu biết

Có chuyện kể về nhà hiền triết Hy Lạp Socrates bàn về sự hiểu biết, nghe như sau:

Một người tìm đến Socrates hỏi ông làm thế nào để đạt được sự hiểu biết đủ thứ trên đời như vậy. Là người ít lời, Socrates không nói gì mà chỉ hành động. Ông bảo người kia theo ông lên chiếc thuyền bơi ra giữa dòng sông rộng mênh mông. Ở giữa dòng sông, Socrates nói: *"Muốn có sự hiểu biết, để ợt, ông nhảy xuống sông đi!"*. Sự nổi tiếng về thông thái của Socrates làm người kia không ngần ngại nhảy ùm xuống nước. Lập tức, Socrates dùng cái dầm chèo thuyền ấn mạnh người kia chìm ngập xuống nước, không cho người đó ngóc đầu lên để thở. Người ấy vẫy vùng, và chỉ trước khi tính mạng ông ta bị nước dòng sông lấy đi thì Socrates mới thả ông ta ra. Ông ta trôi đầu lên trên mặt nước, hỗn hển hấp lấy không khí để thở.

Khi leo lên thuyền, người kia giận dữ hét lên, *"Tại sao ông lại cố giết tôi?"*. Nhà thông thái từ tốn đáp lại bằng một câu hỏi: *"Khi ở dưới nước và không biết mình có còn sống để nhìn thấy ngày mai hay không, ông đã muốn gì nhất trong tất cả mọi thứ trong thế giới này?"*. Người kia ngần người ra và rồi khe khẽ trả lời, *"Tôi muốn thở"*. Lúc bấy giờ, nhà thông thái cười thật tươi và nói: *"Khi nào ông thấy cần phải có sự hiểu biết như nhu cầu hít thở thì lúc đó ông sẽ có được nó"*.

Đúng là sự hiểu biết rất cần thiết cho con người. Nếu không có sự hiểu biết, con người không thể nào tồn tại và phát triển như ngày hôm nay và mãi mãi về sau.

Với buông bỏ cũng vậy, người ta chỉ buông bỏ điều gì khi ý thức sự cần thiết phải buông bỏ điều đó. Tức là có sự hiểu biết. Nhưng sự hiểu biết theo nghĩa thông thường có giúp con người buông bỏ được hay không?

Theo nghĩa thông thường, sự hiểu biết là những sự kiện và ý tưởng con người thu hoạch được thông qua sự trải nghiệm, quan sát, khảo sát và nghiên cứu. Nhờ hiểu biết mà con người nhận biết, đánh giá và lựa chọn hành động cho mọi sự vật, hiện tượng xảy ra với mình. Nhưng buồn thay, sự hiểu biết luôn luôn gắn liền với cái "tôi" của người hiểu biết. Mà cái "tôi" luôn khuynh đảo và phóng chiếu đủ mọi loại dục vọng, khát khao quyền thế, đam mê thành tựu, luôn cảm thấy bất an. Con người thường không thấy cái "tôi" méo mó và hư ảo hiện diện thường trực trong sự hiểu biết của mình. Thế là bao hệ lụy đau buồn, bao khổ ải triển miên xảy ra. Vì vậy, hết sức cấp thiết buông bỏ cái "tôi" trong



hiếu biết. Bằng cách nào đây? Hãy tỉnh giác và tịch lặng buông bỏ. Thế thôi.

Buông bỏ để lắng nghe

Mẫu chuyện thiền đọc từ lâu chợt nhớ lại. Một vị giáo sư đại học đến tham vấn một thiền sư về thiền. Thiền sư mời ngồi tại thư phòng và tự tay rót trà mời khách. Nước trà được rót đầy tách của khách nhưng vẫn được tiếp tục rót. Vị khách ngạc nhiên ngồi nhìn hiện tượng khá kỳ quái kia một lúc và không chịu được buộc miệng kêu lên: *"Thưa thầy, nước đã đầy tràn rồi không thể rót thêm nữa!"*. Khi ấy, thiền sư mới ngừng rót trà và nói: *"Cũng giống như tách trà này, tâm ông tràn đầy những tư tưởng định kiến, làm sao tôi có thể nói với ông những lời mới mẻ về thiền nếu chính ông không làm rỗng cái tách của ông đi?"*.

Bồ-tát Quán Thế Âm là vị Bồ-tát được người đời luôn nghĩ tới và niệm danh hiệu của Ngài vì Ngài đã nguyện luôn lắng nghe tiếng kêu thương của cuộc đời. Quán Thế Âm có nghĩa là lắng nghe một cách sâu sắc, trọn vẹn những âm thanh, tiếng nói của cuộc sống, cuộc đời. Không chỉ lắng nghe mà Bồ-tát còn có mặt với từ bi vô bờ và yêu thương hết mực, giúp con người bớt khổ và đạt được sự giải thoát. Rõ ràng là không thể từ bi hỉ xả, yêu thương toàn diện nếu không biết lắng nghe.

Làm sao lắng nghe được cuộc đời một cách tròn đầy nếu tâm thức không rỗng rang vắng lặng? Làm sao lắng nghe tiếng đời một cách trọn vẹn nếu trong lòng không buông bỏ cái gọi là thị phi, nhị nguyên đối đãi. Hãy buông bỏ để lắng nghe và ngược lại, lắng nghe để buông bỏ.

Buông bỏ để thấy

Chợt nhớ lại vở kịch *"Ngộ nhận"* của nhà văn Pháp Albert Camus đọc từ lâu. Nội dung kịch xoay quanh sự ngộ nhận của bà mẹ và đứa em gái không nhận ra anh con trai là người thân của mình và họ rắp tâm giết chết anh ta để cướp lấy tiền bạc. Anh con trai vốn hồi còn rất trẻ phóng đãng bỏ nhà ra đi, sau hơn hai mươi năm lưu lạc trở về cố hương tìm lại gia đình mình. Và giống như bao sự thật trong cuộc sống bị che khuất bởi sự hư ảo làm mờ mắt con người, sự thật về mối liên hệ mật thiết trong gia đình của anh con trai đã không được nhận ra nên tấn thảm kịch đã đến một cách bi đát.

Nội dung kịch khái quát một điều là thế giới này lắm cảnh đảo điên, ngộ nhận như ngộ nhận giết người thân trong kịch. Làm sao để không ngộ nhận trong cái thấy hằng ngày của mình? Chắc chắn một điều là hai mẹ con trong vở kịch không ngộ nhận giết lầm người thân của mình nếu họ buông bỏ cái "tôi" tham sân si luôn rình rập mình.

Chợt nhớ lại cuộc đời của Đức Phật. Trong kinh kể lại, sau khi thành đạo dưới cội bồ-đề, Đức Phật đã do dự rất nhiều trước khi Ngài quyết định nhập thế trở lại với xã hội con người. Vì quả là rất khó khi nói con người có quá nhiều ngộ nhận trong cuộc sống và muốn hết đau khổ phải nhận ra những điều hư ảo. Nhưng Đức Phật đã nhập thế để khai thị cho mọi người, giúp mọi người thấy được con đường đi đến tự do và giải thoát. Thôi, hãy buông bỏ cái "tôi" luôn ngộ nhận để thấy mình tự do, giải thoát. ■



Điệp khúc nâng cao

LÊ HẢI ĐĂNG

Trước vấn đề do thực tiễn đặt ra, nhiều cơ quan quản lý nhà nước tỏ ra lúng túng, không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Tình hình này đã tồn tại dai dẳng nhiều năm qua, thế nhưng, thông điệp phát đi thường bắt đầu bằng cụm từ khá quen thuộc, như “tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo”, “nâng cao năng lực quản lý”... phổ biến trên phương tiện truyền thông.

Có thể thấy, trong nhiều lĩnh vực của đời sống và xã hội, không phải mọi sự phát triển đều tuân theo quy luật “nâng cao”, đặc biệt đối với vai trò lãnh đạo của nhà nước. Nhà triết học Karl Marx từng nói: “*Nhà nước vô sản là nhà nước không nguyên nghĩa*”, hiểu là nhà nước chẳng còn giai cấp thống trị và bị trị. Vậy, sự phát triển của một đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng phải đi theo lộ trình “không nguyên nghĩa” này. Nó không chỉ đúng về mặt lý tưởng, mà còn hợp quy luật phát triển xã hội nói chung. Theo đó, một xã hội tốt đẹp chẳng cần quản mà vẫn được trị, người dân tự khép mình vào khuôn khổ pháp luật.

Trên thực tế, vai trò lãnh đạo của nhà nước ta được đảm bảo duy nhất về mặt quyền lực. Vai trò này chưa từng bị hạ thấp, nên không thể có chuyện nâng cao. Còn năng lực lãnh đạo có cao hay không lại liên quan tới vấn đề tuyển chọn cán bộ vào cương vị lãnh đạo. Thời kỳ phong kiến, quy chế “thi - cử” thống nhất từ trên xuống dưới. Mặc dù quy trình này vẫn thể hiện nhiều bất cập, có những lỗ hổng cho phép “một bộ

phận không nhỏ” chui vào vị trí lãnh đạo nhờ quan hệ vốn là rường cột của xã hội phong kiến. Song, quan chức nói chung đều phải thi rồi mới được cử. Hiện nay, nhiều cơ quan của ta làm ngược lại, cử rồi mới thi. Cách đảo lộn trật tự này gây hiểm họa cho cơ quan nhà nước để xảy ra tình trạng gian lận cả thi lẫn cử. Như vậy, tổ chức vô hình trung đã tạo điều kiện cho phần tử không đạt chuẩn tham gia vào bộ máy quản lý nhà nước.

Còn xét về vai trò, quyền uy của nhà nước không thi hiện bằng cách “biểu diễn quyền lực”, mà thông qua hệ thống pháp luật, xuất hiện đúng lúc, đúng nơi.

Chẳng hạn như tòa nhà Trung tâm Thương mại số 8B Lê Trực, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Hà Nội chẳng hạn. Lẽ ra, cơ quan quản lý nhà nước phải “xuất hiện” khi thấy có dấu hiệu vi phạm, như lúc tòa nhà được bắt đầu xây thêm tầng thứ 6, chứ không thể để xây tới tầng thứ 18 rồi mới nhảy vào thanh tra, kiểm tra. Hay như tình trạng hàng hóa kém chất lượng của Trung Quốc tràn lan trên thị trường Việt Nam, không thể nhờ Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, hô biến một cái mà có thể vượt qua hàng rào thuế quan, kiểm duyệt? Đứng trước tình trạng này, nếu người tiêu dùng tẩy chay thì doanh nghiệp “chết”, còn nhắm mắt sử dụng chẳng khác nào “tự sát”. Tất cả vấn đề nảy sinh chẳng hề phụ thuộc vào vai trò lãnh đạo của cơ quan quản lý nhà nước cao hay thấp mà liên quan trực tiếp tới trách nhiệm. Bởi vậy, nhiều người đã đề xuất nhà nước nên thay đổi chức năng, chứ không phải tiếp tục nâng cao quyền lực.



Xuất phát từ việc củng cố quyền lực cho bộ máy tổ chức, đã dẫn tới tình trạng nhà nước không ngừng tương phình, dẫn tới bội chi ngân sách; chi thường xuyên chủ yếu cho ăn uống, tiền lương; còn đầu tư, phát triển chiếm tỉ trọng khiêm nhường. Đứng trước tình hình này, mệnh lệnh hành chính “nâng cao” không thể giải quyết tận gốc mọi vấn đề. Nó sẽ nhận được sự phản ứng trái chiều của người bị quản lý, kèm theo thói quen ỷ lại, bị quản lý và sự sa sút nghiêm trọng

trong năng lực tự quản, chấp pháp và ý thức công dân. Nhà nước cần tìm thấy quyền uy của mình thông qua hệ thống pháp luật.

Giống như sự linh thiêng của thần linh nằm ở quyền năng hành khiển, ứng nghiệm thông qua hệ thống thiên pháp, từ luật vô thường cho đến luật nhân quả... Những luật này bình đẳng trước mọi người, không phân biệt giàu sang hay cao thấp... như câu chuyện Thạch Sanh - Lý Thông thuở xưa. Mặc dù, nạn nhân Thạch Sanh đã xin nhà vua tha bổng cho tội nhân Lý Thông. Nhưng, Lý Thông cũng chẳng tránh được lưới riu của Thiên Lôi (công chức hành pháp). Kết quả là sau khi rời khỏi làng, Lý Thông đã bị Thiên Lôi trừng trị. Câu chuyện thể hiện sự nghiêm minh của luật nhân quả.

Luật pháp nghiêm minh cũng không nằm ở sự hà khắc mà thể hiện tính chất bình đẳng. Nếu cơ quan quản lý nhà nước tìm thấy điểm tựa vững chắc trong hệ thống pháp luật, người dân thấp cổ bé họng được bảo hộ; còn kẻ ngang ngược, tự đặt mình ngoài vòng pháp luật, phải bị nghiêm trị, thì uy quyền của nhà cầm quyền sẽ được củng cố; từ đó tạo dựng uy tín và sự linh thiêng. Thần linh “nối linh thiêng vào đời” bằng hệ thống thiên pháp, luật trời. Nhà nước nối quyền uy vào xã hội bằng luật pháp. Luật pháp nghiêm minh góp phần bảo đảm sự bình yên cho cuộc sống, xây dựng, củng cố kỷ cương, chấp pháp nghiêm minh và đem lại sự linh thiêng cho cả nhà nước. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiến, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
(namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Đức Phật Thích-ca Người Thầy vĩ đại

PHẠM CHÍNH CẦN

Trong lịch trình tiến hóa lâu dài của nhân loại, chắc chắn đã có vô số những người có tư tưởng, có minh triết, có nhận thức, có kiến thức, có kinh nghiệm; trong số đó, có không ít những vị đã ra sức truyền bá những hiểu biết của mình vượt quá mọi nhu cầu tồn tại cá nhân; và những người như thế đều xứng đáng được kính trọng như những nhà giáo dục. Tiếc rằng chỉ đến khi con người sáng tạo ra chữ viết thì tên tuổi của một số những vị như thế mới được ghi nhận lại; chưa kể do những biến thiên lịch sử, nhiều khi hành trạng của những vị thật sự có công đức đã bị vùi lấp dưới lớp bụi thời gian trong khi những kẻ tiếm xưng lại được vinh danh.

Bằng vào những nghiên cứu mang tính cách khoa học, hậu thế chúng ta cũng chỉ có thể hài lòng với những dữ kiện đã được xác lập trong khoảng vài ngàn năm trở lại đây. Nhưng chỉ trong vài ngàn năm ấy, số lượng

những người thầy được ghi nhận trong lịch sử loài người cũng rất lớn. Xã hội càng tiến hóa, càng có thêm nhiều bậc hiền nhân đóng góp công đức của mình vào việc làm tăng tiến kiến thức, mở rộng tâm hồn của loài người. Các lãnh vực kiến thức của loài người ngày càng nhiều. Vào thời cổ, ở Trung Hoa, các lãnh vực giáo dục chỉ tập trung vào sáu môn học là Lễ Nhạc Xạ Ngự Thư Số; còn ở thế giới phương Tây, việc học tập chia thành hai phần: một phần chú trọng vào Văn phạm, Luận lý học và Tu từ học...; phần kia quan tâm đến Số học, Hình học, Âm nhạc và Thiên văn học...; tất cả những học phần này nhằm chuẩn bị cho người học có điều kiện nghiên cứu về Triết học, Thần học, Khoa học, Văn minh học... Ngày nay, trong danh mục những ngành học được cấp bằng tiến sĩ ở Hoa Kỳ, người ta ghi nhận được gần 4.000 ngành học khác nhau thuộc các lãnh vực Tôn giáo, Triết học, Văn học, Ngôn ngữ, Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa

chất, Xã hội, Chính trị, Quản trị, Kinh doanh, Kinh tế, Giáo dục, Sư phạm, Quân sự, Thiên văn, Y học, Dược học, Kiến trúc, Điêu khắc, Hội họa, Âm nhạc, Khảo cổ, Điện toán... và rất nhiều môn học có sự quan hệ liên ngành. Những người hoạt động trong lĩnh vực giảng dạy những ngành học, môn học như vậy tất nhiên là những người thầy, là những nhà giáo dục chuyên môn. Tuy nhiên, ngay cả những vị được tôn vinh là bậc sáng tổ của một ngành học, như Hippocrates người Hy Lạp là tổ học thuật của ngành Y; hoặc Isaac Newton người Anh mở đầu ngành Vật lý cổ điển, Galileo Galilei người Ý cùng những người nối tiếp như Albert Einstein, Max Plank, Niels Bohr... mở đầu ngành Vật lý hiện đại... thì cũng chỉ cung cấp cho loài người một lãnh vực học thuật, được sử dụng tùy theo tâm thuật của những người làm chủ được ngành học thuật đó; có khi mang lại an lạc cho loài người, nhưng cũng có trường hợp tạo thêm những tai họa cho nhân loại. Chẳng hạn, Y học đem lại việc chữa trị bệnh tật và phục hồi sức khỏe cho con người, nhưng những nghiên cứu y học và sinh học cũng có thể tạo nên chiến tranh vi trùng; vật lý hiện đại đóng góp những phương tiện tân kỳ phục vụ cuộc sống con người ngày càng tiện nghi hơn, nhưng vật lý hiện đại cũng từng chế ra bom nguyên tử và những vũ khí giết người hàng loạt gây nên bao tang thương cho loài người. Ngay cả triết học, tư tưởng và tôn giáo, cũng có những ý thức hệ đóng góp vào việc xây dựng một xã hội an lạc, nhưng cũng có những ý thức hệ giành quyền độc tôn, khuyến khích tiêu diệt những người không cùng quan điểm với mình.

Thật là may mắn cho nhân loại, lịch sử loài người cũng đã được biết đến một vị Thánh mà tư tưởng cùng hành trạng của Ngài không thể bị lợi dụng để kẻ nào đó nhân danh Ngài gây họa cho người khác. Người ấy chính là Đức Phật Thích-ca.

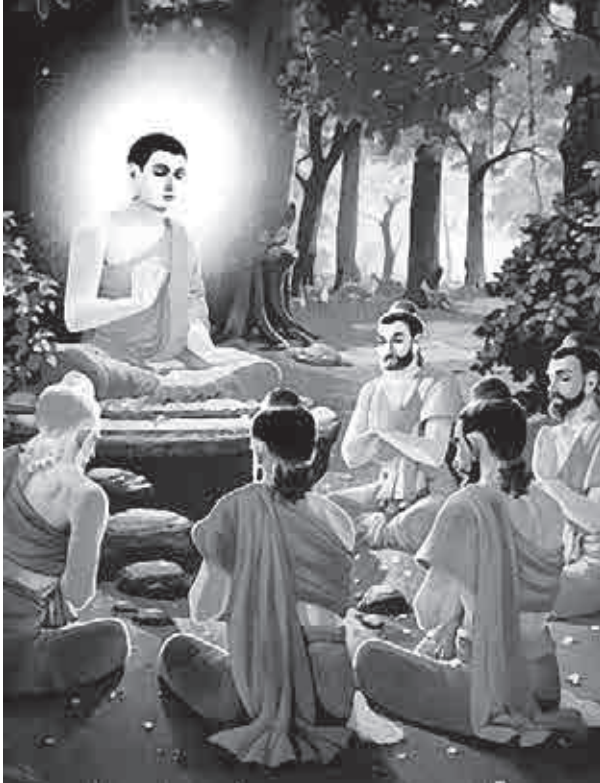
Vì bản thân trước những nỗi đau khổ của đời người mà ngài Siddhartha Gautama đã từ bỏ cuộc sống vương giả của một vị Thái tử để tìm kiếm một con đường giải quyết nỗi khổ do cái chết mang lại. Trải qua sáu năm tu hành khổ hạnh, theo nhiều lý thuyết và phương pháp thịnh hành đương thời, Ngài thấy rằng mọi biện pháp cực đoan đều không mang lại kết quả và những luận thuyết đã có chỉ đưa tới bế tắc; Ngài quyết định tự vạch riêng một lối đi. Cuối cùng, Ngài đã chứng ngộ chân lý duyên khởi, thấy rõ bản chất của cuộc sống, được trình bày trong lý thuyết Tứ diệu đế: bản chất cuộc đời là khổ (Khổ đế), những nguyên nhân dẫn đến nỗi khổ căn bản ấy (Tập đế), có một trạng thái thoát khỏi nỗi khổ ấy (Diệt đế), và có con đường thực hành để thoát khổ (Đạo đế). Con đường thực hành để thoát khổ chính là Bát Thánh đạo.

Ngài cũng nhận thức rằng con đường mà Ngài tìm thấy là khó hiểu, khó nhận biết, và khó thực hành. Nhưng vì lòng đại bi; và nhất là nhờ Ngài có sẵn quan điểm rằng mọi chúng sanh đều bình đẳng, có nghĩa là

nếu Ngài đã tự thân lĩnh hội được chân lý của cuộc đời thì mọi chúng sanh khác cũng có thể nhờ Ngài hướng dẫn mà lĩnh hội được chân lý ấy; Ngài nói, *"Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành"*. Do vậy, Đức Phật đã nỗ lực giảng dạy giáo pháp mà chính Ngài tự chứng đắc cho tất cả những ai muốn thực hành. Trong suốt 45 năm còn tại thế sau khi chứng đạo vô thượng, Đức Phật đã cùng với những vị Thánh đệ tử của Ngài rong ruổi khắp vùng Bắc và Đông bắc xứ Ấn Độ để truyền bá chân lý. Đức Phật đã không từ chối bất kỳ ai muốn tiếp thu giáo lý của Ngài, từ những người hạ tiện, cùng khổ đến cả những bậc trưởng giả, quý tộc, quan chức hay vua chúa.

Để dẫn dắt mọi người đến với giáo lý cao quý mà Ngài đã chứng ngộ, Đức Phật áp dụng mọi phương pháp thiện xảo trong quá trình thuyết giảng. Do là một bậc thầy về tâm lý – đạo Phật chính là một hệ thống nhận thức phân tích hết sức sâu sắc về tâm thức của con người – Đức Phật luôn nắm bắt đúng trạng thái tâm lý của người nghe để hướng dẫn họ bước vào trọng tâm của vấn đề cần hiểu. Khi thì bằng cách đặt câu hỏi, khi thì dùng những ví dụ, lúc đưa ra những ẩn dụ, lúc sử dụng biện pháp so sánh, Đức Phật luôn tùy hoàn cảnh để khuyến khích người nghe tự tìm ra được những kết luận cho chính họ sau khi đã trình bày cho họ những nét chính của lý nhân quả, của thuyết duyên khởi, của tình trạng không có tự tính của vạn sự vạn vật, của tính cách vô thường và vô ngã của mọi hiện tượng... Với những cách nói chuyện linh động, ân cần, đầy từ ái, Đức Phật vạch rõ cho mọi người thấy rằng thân phận con người do chính con người làm chủ; mọi người đều phải chịu trách nhiệm về những hành động của mình và chính những hành động ấy tác động đến vận mệnh của con người, chứ không do bất kỳ một vị thần hay một đấng Thượng đế nào can thiệp vào. Nhờ vào những phương pháp giáo dục hết sức tiến bộ ấy, Đức Phật đã cho thấy con người thực sự có tự do tuyệt đối khi họ làm chủ được mọi hành vi của mình, không bị sai sử bởi tham lam, sân hận và thiếu hiểu biết. Mục tiêu chính của giáo dục Phật giáo là hướng con người đến trí tuệ để đạt được tự do, một sự tự do tuyệt đối, chỉ phụ thuộc vào chính mình chứ không do một quyền lực thế tục hay thần bí nào ban phát.

Một điểm đáng lưu ý là Đức Phật không bao giờ trả lời những câu hỏi siêu hình vốn gây trở ngại cho con đường tiến tới giải thoát. Kinh *Tương Ưng Bộ*, tập V, chương 12, phẩm Rừng Simsapa thuật lại đoạn đối thoại giữa Đức Phật với các Tỷ-kheo như sau: *"Một lần Đức Phật ở lại trong khu rừng Simsapa ở thành Kosambi (gần Allāhabad). Ngài cầm một nắm lá, và hỏi các môn đệ: 'Này các Tỷ-kheo, các thầy nghĩ thế nào? Lá trong tay ta nhiều hơn hay lá trong rừng nhiều hơn?' 'Bạch Thế Tôn, lá trong tay của đấng Giác ngộ rất ít, nhưng lá trong rừng Simsapa đầy quả thật nhiều hơn muôn vàn.' 'Cũng thế, này các Tỷ-kheo, ta chỉ dạy các ông rất ít từ những gì ta đã kiến giải được. Những gì ta không nói với các ông thì thật nhiều*



hơn muôn vàn. Và tại sao Như Lai đã không giảng dạy những điều ấy? Bởi vì nó không ích lợi... không đưa đến Niết-bàn. Chính vì thế mà ta đã không nói những điều ấy”.

Ngài chỉ không nói những điều gì không cần thiết, chứ Ngài không phải là một bậc đạo sư còn giấu giếm điều gì trong lòng bàn tay. Không những thế, trong biện pháp giáo dục của mình, Đức Phật khuyến khích mọi người được phép nêu ra tất cả những điều còn ngờ vực trong lòng. Kinh *Đại Bát Niết-bàn* thuộc tuyển tập *Trường Bộ* có thuật lại việc trước lúc thị tịch, Đức Phật vẫn nhắc nhở các đệ tử phải hỏi kỹ những gì còn chưa hiểu rõ về giáo lý của Ngài.

Đức Phật còn là người tôn trọng tự do tư tưởng. Mặc dù Ngài kịch liệt phê phán những tà kiến trong thời của mình, Ngài vẫn không bao giờ tìm cách lợi dụng hoàn cảnh để ép buộc người khác từ bỏ quan kiến của họ. Kinh *Upali* thuộc tuyển tập *Trung Bộ* thuật lại việc Đức Phật đối xử với một đệ tử ngoại đạo, được ngài Walpola Rahula tóm tắt như sau:

“Một thuở nọ ở Nàlandà, một người giàu có và lỗi lạc tên Ưu-bà-li (Upali), một đồ đệ tại gia hữu danh của phái Ni-kiến-tử (Nigantha - Nàtaputta) thuộc Kỳ-na giáo của Jaina Mahāvira, được chính Mahāvira cử đến gặp Đức Phật để tranh luận và bài bác vài điểm trong thuyết Nghiệp báo, bởi vì quan điểm của Đức Phật về vấn đề này khác với quan điểm của Mahāvira. Trái ngược với mong đợi, sau khi tranh luận, Upali phải chấp nhận rằng những quan điểm của Đức Phật là đúng và quan điểm của thầy mình sai. Bởi thế ông ta cầu xin Đức Phật nhận mình làm một đệ tử tại gia (Upāsaka, Ưu-bà-tắc). Nhưng Đức Phật bảo ông ta hãy suy nghĩ lại, và đừng vội vã, vì ‘sự xét đoán cẩn thận rất tốt cho những người lỗi lạc như ông’. Khi Upali lặp lại những lời cầu xin, Đức Phật khuyên ông hãy tiếp tục kính trọng và ủng hộ những vị thầy cũ của ông ta như trước” (Thích nữ Trí Hải dịch, Đức Phật đã dạy những gì, Nguyên tác, *What the Buddha taught*).

Đức Phật không chỉ quan tâm đến việc giải thích giáo pháp cho hàng tứ chúng (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di) thường xuyên nhận sự giáo huấn trong những buổi họp của Tăng đoàn, mà Ngài còn tự ý hướng dẫn những nguyên tắc đạo đức theo giáo pháp của Ngài cho người thế tục khi tình cờ Ngài gặp. Kinh *Giáo thọ Thi-ca-la-việt* thuộc tuyển tập *Trung Bộ* thể hiện rõ việc này. Về nguyên tắc đạo đức, giáo pháp của Đức Phật khẳng định điều đúng tốt là điều khi thực hành theo thì chỉ mang lại lợi mình lợi người và lợi cả hai; và đây cũng chính là tiêu chuẩn để tìm hiểu xem những luận thuyết nào nên theo, điều này được trình bày rõ trong kinh *Kalama* thuộc *Tăng Chi Bộ*.

Lịch sử ghi nhận, đạo Phật đã được truyền bá trên khắp xứ Ấn Độ dưới thời vua Asoka để mang lại an lạc cho người Ấn thời đó. Đạo Phật cũng đã được truyền bá đến nhiều nơi ở châu Á và những xứ theo Phật giáo đều có một cuộc sống xã hội an lạc. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đều đồng quan điểm rằng dưới hai triều đại Lý-Trần, đất nước Việt Nam được hưng thịnh là nhờ Phật giáo đã được xem như quốc giáo, được phổ biến rộng khắp và được nhân dân thực hành.

Theo một nghiên cứu gần đây về phẩm chất của những nhà giáo ưu tú, tác giả Ken Bain nêu ra một vài đặc điểm của những người thầy xuất sắc; đó là: hiểu rất rõ về lãnh vực giảng dạy của mình; đơn giản hóa và làm rõ những vấn đề phức tạp; đào sâu vào cốt lõi của vấn đề với sự hiểu biết sâu sắc; đối xử với người học bằng sự tôn trọng; không sử dụng việc khen thưởng để khuyến khích người học; tạo ra một môi trường học tập tự nhiên có tính phê phán; tạo ra một môi trường an toàn trong đó người học có thể thử nghiệm, phạm sai lầm, nhận phản hồi và thử lại lần nữa. So sánh với những tiêu chuẩn “hiện đại” mà các nhà giáo dục Hoa Kỳ phải dành cả hàng chục năm trời mới nhận biết, thì Đức Phật đã áp dụng một cách nhuần nhuyễn từ cách đây 26 thế kỷ.

Mọi người đều biết rằng sau khi thành lập Tăng đoàn, Đức Phật không hề chế định giới luật. Chỉ đến khi có một sự sai phạm nào xuất hiện, Ngài mới tập họp đệ tử lại để phân giải và sau đó nêu ra một quy định mới để khắc phục sự tái phạm. Điều này được giải thích rằng không phải Đức Phật không biết tiên liệu, nhưng Ngài tin vào học trò của Ngài và hoàn toàn tin rằng Ngài có đủ thẩm quyền để xác lập kỷ luật của giáo đoàn.

Trải qua 26 thế kỷ tồn tại, giáo pháp mà Đức Phật đã nỗ lực rao giảng đang ngày một phát triển và được vô số bậc thức giả kỳ vọng sẽ là chất xúc tác cho việc giải quyết tất cả những bế tắc của cuộc sống nhân loại trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay. Lịch sử cho thấy, Phật giáo chưa hề bị lợi dụng để gây ra bất kỳ sự đổ vỡ nào trong cuộc sống loài người. Chính vì thế, chúng ta không sợ sai khi nói rằng Đức Phật Thích-ca chính là người thầy vĩ đại. ■

Tổ nhiều âm tiết nen than trong

HỒ ANH THÁI

Nhiều người viết có được giọng văn thú vị nhờ sử dụng từ láy, từ điệp, từ lặp. Một từ có hai âm tiết trở lên. Nhưng loại từ này có khi dùng không đúng chỗ thì lại thành ra vụng:

- Ông ấy làm kinh ngạc vì sự ngu xuẩn lớn lao của mình (tiểu thuyết *Moon Palace*, tr.286).

Trước hết phải thấy rằng câu Tây An Nam này có thể chuyển thành một cấu trúc khác: ông ấy làm kinh ngạc vì quá ngu xuẩn, ông ấy quá ngu xuẩn khiến người ta kinh ngạc, người ta kinh ngạc vì ông ấy quá ngu.

Sau nữa là việc dùng từ láy từ điệp. Lớn lao, xuất phát từ chữ lớn. Ngu xuẩn, xuất phát từ chữ ngu. Lạm dụng loại từ hai âm tiết này rất nhiều khi làm cho việc diễn đạt trở nên trịnh trọng, cứng (nhắc), vụng (vẽ). Nhiều người viết văn nghiện dùng loại từ này. Nhiều người biết cách tránh, ngôn ngữ của họ linh hoạt hơn, uyển chuyển hơn, chính xác và gọn hơn. Cũng gây ấn tượng hơn.

Như chữ lớn lao ở trên. Lớn lao được dùng nhiều cho sắc độ khẳng định, xưng tụng, khen. Nói về sự ngu xuẩn hoặc mưu sâu kế độc mà dùng từ lớn lao, e rằng muốn giấu cợt. Mà câu trên lại trong một văn cảnh không giấu cợt, không hài hước.

- Chốc chốc lại thấy những chiếc xe chở rất nặng nề đi qua, trẻ con tránh rất khéo léo.

Nặng và nặng nề. Khéo và khéo léo. Ở câu trên, không dùng từ hai âm tiết thì hơn. Chiếc xe chở nặng. Trẻ con tránh rất khéo. Chính xác và thông tin truyền đến thật gọn, thật trực tiếp. Chữ nặng nề hoặc khéo léo có thể dùng vào trường hợp khác. Ví dụ: Tâm trạng bà đang rất nặng nề. Cô ấy là người khéo léo.

- Lẽ ra tôi đã bán chiếc đàn rồi nếu như việc xa nó không làm cho tôi buồn bã quá.

- Tôi nghe nói con đường này đầy những bụi gai góc.

Buồn và buồn bã. Gai và gai góc. Hai câu trên nếu không dùng từ hai âm tiết thì vẫn hay hơn, cả về độ chính xác, gọn gàng, cả về âm điệu câu văn. Việc xa nó không làm cho tôi buồn quá. Con đường này đầy những bụi gai.

Từ láy dùng vào hai câu như thế này, hợp hơn: tôi buồn bã nhìn theo chiếc đàn bị đưa đi xa dần. Đây là một vấn đề gai góc.



Còn ở câu sau, những từ kếp và lấy làm cho câu văn trở nên trịnh trọng một cách không cần thiết:

Người phụ nữ ấy đã nhìn thấy khuôn mặt của tôi. Thế là tôi hoàn toàn bị lộ.

Chỉ cần chữ Mặt là đủ, không cần viết Khuôn mặt. Chữ Người phụ nữ ấy cũng quá trịnh trọng trong một văn cảnh như vậy. Không cần từ sở hữu Của. Chữ Hoàn toàn khô cứng có thể thay bằng một chữ ngắn gọn, uyển chuyển hơn:

Bà ấy đã nhìn thấy mặt tôi. Thế là lộ hết.

Cuốn sách nọ có hai bản dịch khác nhau. Cùng một câu, một bạn trẻ dịch:

Ý kiến của tôi đã được cô giáo chấp nhận, thật tuyệt vời.

Một nhà văn rất thạo về ngôn ngữ thì dịch:

Ý tôi đã được cô giáo chấp nhận, sướng quá.

Rõ ràng là câu sau sinh động hơn, đời hơn, văn hơn.

Có khi từ láy, từ điệp, từ lặp có nhiều hơn hai âm tiết:

Thùng gạo trong nhà đã sạch sành sanh.

Đôi khi lại có cách dùng khác, một cách tạo văn: nhà đã sạch sành sanh gạo.

Vở kịch ấy hay ơi là hay.

Cũng có cách tạo văn khác: hay ơi là hay cái vở kịch mới của Nhà hát Tuổi Trẻ.

Nhưng nhìn chung, biết dùng thì đạt hiệu quả, không biết dùng thì nên thận trọng với những từ láy từ điệp nhiều âm tiết.

Xin nhắc lại, khéo dùng thì từ chỉ một âm tiết thôi đã đủ gây ấn tượng. ■



Nơi bất an

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi ở căn nhà này đã hơn mười năm nay. Bạn bè đến nhà chơi ai cũng mừng cho tôi, ở giữa cái thành phố ồn ào này mà lại có được một nơi yên tĩnh như thế, thật may mắn.

Căn nhà của tôi, cùng với chừng năm, bảy căn nhà khác của những người lúc nào cũng “cần sự yên tĩnh”, nằm trong một khu đất riêng biệt khoảng giữa hai con đường lớn song song cách mỗi bên cũng chừng gần cả trăm thước nên không bị khuấy động

bởi xe cộ suốt ngày trên hai con đường đó. Buổi sáng có thể ngồi uống trà dưới mái hiên, nghe lá cây xào xạc và ríu rít chim muông. Giữa con đường phía sau và căn nhà của tôi là một khoảng đất hơn cả hai ngàn mét vuông để trống từ trước khi tôi đến, chỉ còn trơ lại vài nền nhà cũ kỹ giữa cây cối um tùm. Có lẽ vì một lý do đặc biệt nào đó mà nó không rơi vào tay những doanh nhân bất động sản, nên tôi lại càng được yên tĩnh hơn. Con đường phía trước mặt nhà, xưa kia là một

con đường nên thơ cây dài bóng mát, bây giờ tuy hàng quán mọc đầy nhưng cũng vẫn chưa làm phiền đến chỗ tôi ở vì vẫn còn cách một khoảng khá dài bằng một con hẻm riêng dẫn vào khu nhà của chúng tôi.

Chừng hơn nửa năm trước, một hôm bỗng thấy khu đất bỏ hoang đằng sau có một nhóm người mang dụng cụ đến khảo sát đất, chặt bớt cây cối và chở một số vật liệu đến chất đầy trong vườn. Ban đầu tôi nghĩ có lẽ người ta sắp xây cao ốc, vì khu vực tôi ở đã từng được xem là khu đất thuộc hạng có giá nhất thành phố, khó có chuyện bỏ không. Nếu xây cao ốc, thế nào cũng ồn ào và bụi bặm, ít nhất phải cả sáu tháng cho đến một năm sẽ khó chịu với công trình đó. Dù sao cũng chỉ vào ban ngày thôi. Đành phải chịu và hy vọng là sau đó sự yên tĩnh sẽ được trả lại, dù không được hoàn toàn như trước, nhưng ít nhất vẫn còn chút hy vọng không đến nỗi nào. Tuy nhiên, suốt thời gian người ta sửa soạn cho công trình trên, tôi cũng vẫn thấy bất an vì chưa biết chuyện xây cất sẽ diễn ra như thế nào. Nhưng chỉ vài tuần lễ sau, vật liệu lại được chở đi và khu đất lại “được” bỏ hoang như trước. Hôm mở cửa sổ ra, nhìn thấy khu đất lại trống không, sự yên tĩnh trở lại, trong lòng tôi cảm thấy thật thoải mái dễ chịu.

Nhưng chỉ được vài tháng sau, lại có một nhóm người khác xuất hiện. Lần này chẳng thấy ai nghiên cứu đất đai gì cả, mà người ta lại chở ngay vật liệu đến và bắt đầu việc xây dựng một cách thô sơ dã chiến. Chừng hai tuần lễ sau thì đã thấy nhiều gian nhà được cất lên, bàn ghế được chở đến bày khắp nơi thì mới biết đó là một nhà hàng ăn uống. Chuyện mở nhà hàng ăn uống cũng không sao, nên tôi cũng không bận tâm nhiều. Không ngờ hôm đầu tiên khai trương thì nghe tiếng nhạc ầm ĩ. Không phải là nhạc bình thường mà là nhạc karaoke vì đó là một quán nhậu. May là căn phòng karaoke cũng cách xa phòng ngủ của tôi chừng vài chục thước nên nếu đóng kín cửa thì cũng không đến nỗi ồn ào cho lắm. Ngay sát vách phòng ngủ của tôi, có một căn phòng được xây dựng một cách sơ sài, mấy hôm đầu ban đêm chẳng thấy đèn đóm gì, tôi nghĩ đó là phòng ngủ của nhân viên, nhưng một hôm chừng chín giờ tối, lúc về nhà, tôi phải đình tai nhức óc vì tiếng nhạc trong đó dội sang. Tường không được cách ly nên tiếng trống chẳng khác gì búa gõ vào tường ầm ầm không thể nào chịu được. Chịu khó một lúc đến chừng mười giờ đêm không thể nào chịu được nữa, tôi phải mở cửa sổ lớn tiếng yêu cầu tắt nhạc, nhưng vô hiệu. Tôi đành phải lấy đá ném vào cửa sổ, cách cửa sổ nhà tôi chỉ chừng năm ba thước, nhạc mới tắt. Hôm đó, tôi đã phải tức giận. Tức giận vì tiếng nhạc ầm ĩ và cũng chẳng biết tức giận ai. Tuy sự yên tĩnh đã trở lại, nhưng suốt đêm chẳng ngủ được chút nào vì cơn bức mình vẫn còn lảng vảng trong tôi. Tôi biết tức giận là một điều không nên và nhờ tu tập tôi đã giữ được lâu nay sự yên bình trong lòng. Chuyện

giận dữ gần như không bao giờ xảy ra vì chẳng có điều gì làm tôi phải giận dữ trong cuộc sống bình thường hàng ngày. Nhưng hôm đó tôi thật giận. Giận dữ chỉ làm cho mình mệt mỏi rã rời, tôi biết thế, nhưng vẫn không thể kìm giữ được. Tối hôm sau, có lẽ thấy chuyện hát trong căn phòng đó bị phản đối, nên nhà hàng lại dời ra chỗ cũ.

Vài ba ngày sau, chuyện cũ lại tái diễn cho đến lúc một viên sỏi của tôi đã làm vỡ tấm cửa kính của căn phòng đó, nhạc mới chịu tắt. Lại một đêm mất ngủ vì bức mình. Bức mình không chỉ vì chuyện xảy ra mà còn bức mình vì bản thân mình không thể nhẫn nhịn được. Hôm sau yên tĩnh, nhưng trong lòng tôi vẫn bất an. Những đêm tiếp theo, tuy người ta không còn hát trong căn phòng đó nữa, nhưng tôi vẫn cảm thấy bất an vì chẳng biết bao giờ chuyện cũ lại tái diễn. Nỗi bất an làm cho tôi không thể nào yên giấc và nếu tình trạng kéo dài, chưa biết đến một hôm nào đó, có lẽ tôi sẽ phải suy sụp mất.

Một buổi sáng, mở cánh cửa sổ ra nhìn, tôi thấy có chút thay đổi về cách bài trí bàn ghế và đám nhân viên mặc áo khác với nhân viên nhà hàng cũ. Thì ra nhà hàng thay đổi chủ. Nhưng chỉ vài hôm, mọi hoạt động lại bắt đầu, có điều may mắn là tiếng nhạc karaoke phát ra ở căn phòng cách xa phòng ngủ của tôi. Cả tháng sau, gần như yên tĩnh, tôi không bị phiền hà chút nào, nhưng trong lòng vẫn cảm thấy một chút bất an, vì chẳng biết chừng nào thì chuyện cũ có thể trở lại như trước hay không.

Khắp nơi bây giờ người ta sống với sự bất an. Ra đường không cẩn thận thì bị cướp giật hoặc bị tai nạn xe cộ một cách không lường trước được. Xe cộ để hở hông có thể bị mất cắp trong nháy mắt. Trộm cướp khắp nơi. Nhỡ phải đi qua một nơi đang xây dựng trên cao cũng bất an vì vật liệu có thể rơi xuống gây tai nạn dễ dàng. Bất an ngay cả với nhiều loại thức ăn có hoá chất bảo quản. Ở xa thành phố thì bất an với nạn côn đồ ác bá. Nhưng tôi thì đang ở giữa thành phố, trong một khu vực có thể nói là khá sang trọng và không bao giờ tôi nghĩ đến một chút bất an nào trong cuộc sống hàng ngày. Nhà cửa xe cộ có bảo hiểm, tài xế được tuyển chọn kỹ càng. Thỉnh thoảng nhỡ có phải chạy xe gần máy thì chỉ một đoạn đường ngắn với sự thận trọng tối đa. Chung quanh vùng tôi ở không có trộm cắp, không đi điểm ma cô. Thế mà giờ đây tôi lại bị bất an với hàng xóm. Không phải vì vấn đề an ninh mà chỉ vì tiếng nhạc ầm ĩ không ngủ được yên giấc. Đọc báo hàng ngày, thấy đã có nhiều nơi vì không chịu được loại nhạc kinh doanh này mà người ta đã phải bỏ chỗ ở để dọn nhà đi nơi khác, đôi khi còn phải bán nhà để tìm sự yên tĩnh vì chính quyền không can thiệp được. Bất cứ nơi đâu cũng có thể khó tránh được tai họa đó, nhất là càng ngày các quán hàng bán bia, quán nhậu mọc ra như nấm không chừa một nơi nào và tiếng nhạc

âm ĩ được giới trẻ ưa thích là một hình thức câu khách không thể nào không có. Báo chí vẫn thường đăng những tin tức liên quan đến chuyện “làm ồn hàng xóm” và mặc dù đơn khiếu nại rất nhiều, chẳng ai giải quyết cả. Như ở chỗ tôi hiện giờ chẳng hạn sau gần cả mười năm được yên ổn, nay thì bắt đầu có những bất an.

Bây giờ mới nghĩ ra bốn chữ “Thân tâm an lạc” nghe thật đơn giản, nhưng đạt được chẳng phải dễ dàng gì. Tôi có một người bạn ở Mỹ, vô cùng giàu có. Ngoài công việc, anh vui chơi với bạn bè thoải mái và chẳng

bao giờ có điều gì có thể làm cho anh lo lắng phiền muộn. Vì giàu có nên con cái anh cũng hưởng được những điều mà không phải ai cũng có được. Chẳng con trai vừa đủ mười tám, anh cho nó một chiếc xe hơi hàng hiệu đắt tiền và cũng có phần hãnh diện con cái mình chẳng thua ai. Một hôm con trai anh lái xe bị tai nạn. Lúc nhận được tin từ khoa cấp cứu ở bệnh viện, vợ anh kêu lên thẳng thốt: “Oh my God”. Riêng anh thì lịm người đi. May là thằng con trai qua khỏi tai nạn, nhưng chuyện xảy ra đã làm anh lúc nào cũng cảm thấy bất an trong lòng, vì dù sao cũng không thể nào không để cho con lái xe được. Nỗi bất an chẳng khác gì một ám ảnh, vì thế mà mỗi lần nghe ba tiếng “Oh my God”, anh bỗng cảm thấy bủn rủn chân tay và cấm ngặt vợ không bao giờ được thốt ra câu ấy.

Hóa ra người ta có thể bị ám ảnh với nỗi bất an bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào và trong bất cứ hoàn cảnh nào. Bất an có thể vì bất cứ một nguyên nhân nào có thể gây ra sự nguy hiểm, nhưng vẫn có thể tìm cách tránh được. Suốt bao nhiêu năm nay, tôi không hề bị ảnh hưởng bởi những điều bất an đó, không bao giờ nghĩ đến hai chữ bất an vì bất cứ lý do nào cho đến khi tiếng nhạc âm ĩ bên hàng xóm không biết lúc nào sẽ vọng sang. Nghĩ đi nghĩ lại mà thấy buồn cười.

Phật dạy chúng sanh sự hiểu biết về bốn chữ “Sinh Lão Bệnh Tử” để tự giải thoát mình khỏi mọi khổ đau. Sinh đã là khổ, nhưng chuyện ra đời không phải mình có thể tự chủ được nên thực ra chẳng ai thấy khổ vì được sinh ra. Lão và Tử là chuyện tất nhiên phải đến và một khi đã hiểu được những hiện tượng đó là lẽ tất nhiên thì người ta phải chấp nhận mà không còn lo âu sợ hãi. Chỉ có bệnh là điều có thể gây khổ cho con người mà dù có thấu hiểu được nguyên lý, cũng không thể nào không thấy khổ. Bệnh có thể từ lúc mới ra đời cho đến khi chết. Không phải chỉ khổ thân mình mà còn làm cho những người khác khổ theo. Không ai có thể tránh khỏi và ai cũng biết nó có thể đến bất cứ lúc nào trong đời mình nên đó không phải là một nỗi bất an. Người ta có thể phòng bệnh, chữa bệnh và khi không thể thoát được bệnh thì cũng đành phải chấp nhận mà thôi. Nỗi bất an không phải là một sự đau khổ, không có thực như một sự đau khổ. Đau khổ có thể tự giải thoát được. Nỗi bất an thì tuy chưa đến nhưng lại có thể đầy đọa con người hơn cả một nỗi đau khổ đã đến với mình.

Vậy thì bất an chỉ là một điều làm cho mình không an tâm vì một đe dọa nào đó có thể gây nguy hiểm không lường trước như nếu phải đi qua một khu phố thường xảy ra cướp bóc, ăn uống ở một quán nhậu thường xảy ra những ẩu đả xô xát, ở trong một vùng thường bị lũ lụt... nhưng chắc chắn chẳng có ai nghĩ ra sự bất an có thể đến với mình vì... tiếng nhạc cả. Nghe ra thật buồn cười nhưng nghĩ đi nghĩ lại thì thấy... không kém phần cay đắng. ■



Chuyện bác Fabrice ở Paris

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Có một thói quen thú vị của tôi rằng trừ những chuyến đi công tác chính thức và theo yêu cầu của ban tổ chức hoặc hội nghị thì ở khách sạn, còn những chuyến đi tự do tôi thích ở nhà riêng với chủ nhà mà tiếng Anh gọi là *home stay*. Quả thật là luôn thú vị, bởi mỗi gia đình một cách sống, mỗi quốc gia một nền văn hóa, mỗi lần ở là vô vàn bài học hữu ích và thú vị. Trong gần 20 ngày qua, tôi đã đến ba quốc gia là Đức, Ý và Pháp, đã có mặt ở nhiều nơi như Frankfurt, Cologne, Rome, Venice, Milan, Paris,... tôi luôn ở *home stay* và đã có những trải nghiệm khó quên, những bài học quá đặc biệt, thậm chí là bất ngờ. Mà Paris là một ví dụ.

Tôi ở lại Paris hai đêm. Chủ nhà là bác Fabrice. Bác là người Pháp chính gốc và thuộc tầng lớp trí thức, văn hóa cao. Điều này tôi nhận ra ngay khi liên lạc đặt phòng và qua các email đi lại giữa hai bên, trước khi từ Milan bay đến Pháp. Một bài học nhắc tôi thêm một lần nữa, rằng văn hóa thể hiện ngay trên mọi phương diện ứng xử, không chỉ qua ăn, uống, nói chuyện, giao lưu trực tiếp, cách sống và sinh hoạt hàng ngày mà qua cả email, nhắn tin và điện thoại.

Mới đến nhà bác Fabrice, tôi bất ngờ về số sách bác đang có. Sách rất nhiều và có ít nhất ba tủ sách ở phòng khách và hành lang. Căn hộ nhà bác không rộng, chỉ có hai phòng ngủ, mà bác đã dành hết chỉ để cho thuê. Bác Fabrice ngủ ở ngay đi-văng trong phòng khách. Mới đến bác đã nói với tôi rằng, khi nào cửa phòng khách mở tức là chúng tôi có thể ra vào thoải mái: vào chơi, uống trà, đọc sách, nói chuyện nhưng khi cửa đóng tức bác đang nghỉ ngơi.

Tôi may mắn đã đọc các tác phẩm lớn của Pháp như Balzac, Victor Hugo, A. Duma, Voltaire, ... từ ngày xưa bằng tiếng Pháp nên chúng tôi tha hồ bàn luận về các tác phẩm, từng tác giả. Có nhiều cái tôi chưa biết. Có những cái bác không biết. Trao đổi và nói chuyện rất thú vị. Tôi học được rất nhiều. Nhiều lắm. Quý giá hơn nữa rằng vốn tiếng Pháp bị lãng quên của tôi đã dần dần được khôi phục lại. Vui quá chừng!

Bác có rất nhiều sách cổ, thuộc dòng quý hiếm. Tôi cầm trên tay và ngắm, chơi rồi đọc những cuốn sách từ thế kỷ thứ 18, 19 của bác. Sách rất thơm tho. Giấy rất đẹp. Đọc có cảm giác thích hơn nhiều so với sách của thế kỷ 20 và 21, thời của tôi và chúng ta. Tôi thật sự được chơi với sách, thú đam mê của tôi từ mấy chục năm nay.



Bác Fabrice học ngành khí tượng thủy văn nên bác rất giỏi về khoa học. Bác nói nhiều về thời tiết, các hiện tượng thiên nhiên. Bác phân tích về ngày và đêm, về các vùng miền, về các mùa trong năm. Tôi như một cậu sinh viên đang hàng ngày nghe vị giáo sư Fabrice giảng vậy. Và cứ mỗi khi chúng tôi định đi đâu bác lại hướng dẫn đường đi và cách tham quan rất riêng, rất Fabrice chứ không phải như khách du lịch vẫn làm.

Một ví dụ nhỏ, khi chúng tôi chuẩn bị đi đồi Montmartre để tham quan và vào Sacré Cœur trên đỉnh đồi để khám phá và thưởng thức, bác Fabrice khuyên rằng nên leo theo hình dích dắc, đi bộ chậm chứ không nên trèo thẳng một mạch theo đường thẳng lên nhà thờ. Bác kể chuyện về những lần được ngủ qua đêm trên đồi và khuyên tôi nên tìm cơ hội như vậy. Bác cũng giới thiệu về vùng đất ngầm, khu kho báu bí mật ngầm dưới đồi. Nếu không có bác tôi đâu có biết và có thể lại đi thăm quan nơi này kiểu như một khách du lịch thông thường. Bác nói rằng để thăm hết quả đồi Montmartre



này cần ít nhất bốn tiếng, riêng bác đã thường đưa các con đến chơi từ 9h sáng đến 20h tối và tổ chức biết bao trò chơi khám phá quả đồi kỳ diệu này.

Nói rồi bác mang ra rất nhiều kỷ niệm về riêng đồi Montmartre. Các bức vẽ của các con bác. Những tác phẩm mà ba đứa con bác hoàn thành trong một ngày ở đồi. Bài tập cuối cùng bao giờ cũng là: vẽ bản đồ những điểm ở đồi Mông Mác đã đi qua trong 13 tiếng đồng hồ vừa qua. Tôi ngắm nhìn những tác phẩm của các con bác mà mê quá. Lại thêm một bài học để áp dụng cho các cháu nhỏ. Lại thêm một trò chơi để ứng dụng tại Công ty sách Thái Hà và Vườn Yêu Thương của chúng tôi.

Bác Fabrice nói về cách cảm nhận một nơi mới, một thắng cảnh. Rằng nên cảm nhận qua mắt, qua tai, qua mũi, qua tất cả các giác quan. Cảm nhận một cách trọn vẹn, không bỏ sót. Bác khuyên nên có cảm nhận cả ban ngày lẫn ban đêm bởi cùng một nơi nhưng hai cảm giác hoàn toàn khác nhau. Hai cảm giác ở cùng nơi đó của mùa hè với nắng nóng và mùa đông với tuyết băng là hai cảm giác hoàn toàn rất khác biệt và thú vị.

Nhà bác Fabrice rất sạch. Sạch và gọn lăm. Đồ chơi và đồ lưu niệm thì nhiều vô cùng. Bác mua ở đâu mà lăm đồ lưu niệm vậy không biết. Hỏi thì bác bảo không đi quá nhiều nước nhưng nhiều thứ mua ngay tại Pháp. Tôi ngắm nhìn từng món đồ và thấy mình may mắn được sống trong ngôi nhà vừa là một thư viện sách cổ, vừa là một bảo tàng đa dạng và phong phú. Hạnh phúc vô cùng. Chợt nghĩ, bao đồ lưu niệm tôi mua mấy chục năm nay bây giờ không biết phiêu bạt nơi đâu. Có lẽ nên học bác Fabrice để quy tụ sách và các vật phẩm thành một bảo tàng nhỏ của riêng mình. Và mời mọi người đến tham quan, chơi, ngủ lại với sách và bảo tàng tư nhân nhỏ bé riêng tư. Bởi đi mỗi nước tôi đều mua đồ lưu niệm, riêng chuông có lẽ có vài chục cái.

Nhớ lại một chút về buổi sáng hôm trước chúng tôi tặng bác tấm bưu thiếp làm bằng tay có hình cô gái Việt Nam đội nón lá, mặc áo dài, đạp xe đạp có một giỏ hoa phía trước. Bác mở to mắt trầm trồ khen ngợi. Nhìn là tôi hiểu bác rất thích. Bác trân trọng nhận và nói rằng ngôi nhà bác từ nay có thêm một hiện vật nữa đến từ Việt Nam. Chúng tôi vui lắm.

Bác Fabrice không uống sữa. Bác bảo vì tôi chưa nhìn thấy bò bị vắt sữa nên mới uống. Bác kể, "Bây giờ nếu người ta trói mình lại, vắt sữa mình cho người khác uống thì bạn có thấy kinh khủng không". Bác nói nên thương bò. Bò ăn cỏ, ăn lá cây. Bò đâu có ăn thịt như con người. Con bò nó hiền lăm, hiền lành vô cùng. Người ta nuôi động vật bây giờ rất công nghiệp. Bác tuyên bố rằng ở nhà bác, các con bác không bao giờ uống sữa. Không bao giờ. Trời đất ơi, tôi vẫn cứ nghĩ người phương Tây nhất là người Pháp phải uống nhiều sữa chứ, tại sao gia đình bác lại đặc biệt đến vậy!

Bác kể về những gì biết về cách nuôi động vật phục vụ thịt cho con người tiêu thụ mỗi ngày. Bác bảo tôi hãy biết rằng mỗi con động vật chỉ có ba mét vuông; thậm chí bé hơn, bị nhốt lại, không được ra ngoài, không nhìn thấy ánh mặt trời. Đấy, tất cả để nuôi con người. Bác nói và nước mắt rơm rớm. Tôi cũng xúc động.

Bác Fabrice theo Thiên Chúa giáo. Bác biết rất nhiều về nhà thờ, về tôn giáo, về Chúa Jesus. Khi hỏi về vấn đề tôn giáo, bác bảo rằng đây là câu hỏi khó. Cuối cùng bác nói rằng tôn giáo tốt nhất là không chính trị. Một câu trả lời rất ngắn và đầy đủ. Tôi cũng vậy, sợ nhất là các âm mưu chính trị bị lồng vào tôn giáo và khi đó rất nguy hiểm.

Tôi bất ngờ khi biết bố bác Fabrice đã từng sống và làm việc ở Việt Nam hơn sáu năm. Bác bảo rằng bố bác thường xuyên kể cho bác về Việt Nam và những kỷ niệm ở đây, rằng hình như Việt Nam là cái gì đó không

thể thiếu trong đời sống của bố bác. Khi tôi hỏi rằng bác đã đi Việt Nam chưa, bác bảo rằng chưa. Thì ra bố của bác Fabrice đến đất nước của tôi khi bác chưa sinh ra trên đời này. Tôi thành khẩn và tha thiết mời bác đến Việt Nam và tôi cam kết sẽ đón bác thật chu đáo để tỏ lòng biết ơn bác và để những kỷ niệm của bố bác về Việt Nam đã kể cho bác đúng như sự thật ngày nay.

Bác Fabrice nói rằng rất thích đồ ăn Việt Nam. Bác khen ngon. Bác mang ra khoe một con tàu được làm ở Việt Nam. Con tàu này lên dây cót và thả xuống nước là có thể chạy được. Bác bảo rằng bác rất quý con tàu lưu niệm này cũng như là quý chiếc tàu thật của bác. Bác cũng có một chiếc tàu và đã thường xuyên lái đi để khám phá, tham quan. Nhờ những chuyến đi này bác biết thêm nhiều hơn về nơi, về không khí, khí hậu và các vùng miền khác nhau. Bác cho rằng du lịch là rất quan trọng.

Sáng nào bác Fabrice cũng dậy sớm và chuẩn bị đồ ăn sáng cho chúng tôi. Thú vị nhất là khi chúng tôi mua bánh mì về, bác bảo cắt đi. Bánh mì ăn sáng phải là loại khác. Hóa ra bác quy định rất rõ từng loại bánh mì, loại nào ăn sáng, loại nào ăn trưa, loại nào ăn tối. Bánh mì bác trực tiếp nướng cho chúng tôi, chuẩn bị sẵn bơ, mứt, trà. Những bữa ăn sáng thật là mộc mạc và ấm cúng.

Lại nói về trứng. Bác bảo bác không ăn trứng gà. Lý do rằng gà bây giờ được nuôi công nghiệp. Bác Fabrice miêu tả cho chúng tôi quy trình nuôi gà của thế kỷ 21 như sau: người ta nhốt gà lại, và làm ra ngày nhân tạo chỉ có 12 tiếng. Gà không nhìn thấy ánh mặt trời còn con người tăng dần ánh sáng lên rồi giảm dần đi rồi tối hẳn như đêm. Thế là gà đẻ hai trứng trong 24 giờ. Bác nói gà có thói quen đẻ theo ngày, mỗi ngày một quả. Người ta muốn nhiều trứng nên làm nửa ngày đêm thành một ngày đêm và bóc lột thậm tệ con gà. Thế thì làm sao mà ăn trứng được. Mình không thương gà ư. Bóc lột gà quá đáng lắm. Tôi giật mình đánh thót!

Tối qua ngồi chơi bác bảo, mỗi năm bác và tôi (và tất cả chúng ta nữa) uống một lít xăng. Tôi không hiểu. Bác ngồi một lát và vào lấy ra một túi bánh mì. Bánh mì được trong bọc ni-lông. Bác hỏi tôi ni-lông làm bằng gì; có phải từ từ xăng dầu không. Và bác Fabrice bảo rằng thế nào chẳng có một chút chất xăng dầu từ túi ni-lông ngấm vào bánh mì. Rồi khỏi xăng ngoài phố. Rồi mỗi lần đổ xăng vào xe hơi xe máy, xăng cũng vào cơ thể qua mũi. Nói tóm lại từ mọi nguồn khác nhau mỗi năm cơ thể ta nhận một lít xăng dầu. Ôi tôi giật mình, nhưng đó là sự thật.

Tối đầu tiên ngủ ở Paris, trước khi chúc ngủ ngon bác Fabrice hỏi tôi có biết ngôi chùa rất đẹp, rất cổ ở Paris không. Và cuối cùng bác bảo, sáng mai sẽ tặng tôi món quà đặc biệt. Tôi hồi hộp vô cùng.

Sớm sau ngủ dậy, bác nói về ngôi chùa này, về đường đi chi tiết, hướng dẫn nên làm gì khi đến chùa. (Về ngôi chùa rất đặc biệt ở Paris này tôi dành riêng 1 bài viết khác). Tôi giật mình thon thót. Bác Fabrice là

người Thiên Chúa giáo, không hề là Phật tử mà làm tôi ngỡ ngàng. Nghĩ về mình tôi thấy còn kém cỏi làm sao, thiếu hiểu biết nhường nào. Phải học tiếp và học nữa. Phải học mỗi ngày thôi.

Sáng nay chúng tôi lên tàu cao tốc đi Bordeaux rồi về Saint Foy La Grande, miền Tây nam nước Pháp. Bác Fabrice lại pha trà, nướng bánh mì, tâm sự với chúng tôi. Chúng tôi lại nói về sách, về văn hóa, về cuộc sống. Bác tiễn chúng tôi ra cửa và “Chúc chuyến đi may mắn” bằng tiếng Anh chứ không bằng tiếng Pháp như chúng tôi vẫn nói chuyện hàng ngày.

Tôi nhớ nhất bác Fabrice khuyên không nên uống thức uống đựng trong lon. Cả nhà bác, gồm tất cả các con không dùng lon. Lý do rằng lon được làm bằng nhôm. Khi bật nắp lon thế nào cũng có một chút bụi nhôm vỡ ra và rơi vào lon nước. Vậy là ta đưa nhôm vào cơ thể. Bác phân tích về nhôm và nói rằng kim loại này rất nguy hiểm, nhôm thật sự nguy hiểm khi nằm trong cơ thể ta. Nhiều bệnh tật phát sinh từ nhôm. Tôi lại giật mình. May thay tôi không uống bia, tuyệt đối không Cola, Pepsi hay các loại nước uống đóng sẵn, có ga. May thay tôi thích uống nước lọc đun sôi. Nhất là nước nóng ấm.

Nhà bác Fabrice quá đẹp nhưng con người bác đẹp hơn rất nhiều. Tôi nhớ nhất nụ cười nghiêm khắc nhưng rất hiền hậu của bác. Đẹp và thánh thiện lắm. Tôi thật sự muốn ở nhà bác ít nhất một tuần. Thôi thì khi quay về Paris sẽ ngủ ở đây ít nhất một đêm. Tuy nhiên khi hỏi, bác bảo rằng phải đặt qua mạng internet, bác không nhận đặt trực tiếp. Cứ đặt online, thanh toán online thì OK. Thế là chúng tôi lại mất thêm ít phút để cùng bác đặt phòng của chính nhà bác. Thêm một bài học lớn nữa, bạn có nhận ra không.

Giờ này tôi đang ngồi trên tàu cao tốc TGV rời Paris đi hướng Bordeaux và chuyển tàu về Foy La Grande rồi đến Làng Mai Pháp. Hôm nay, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh nhận giải thưởng lớn Hòa bình của Thiên Chúa giáo. Tôi cũng đang tiếp nối Thầy làm ngoại giao nhân dân – people diplomacy giữa Việt Nam, Đức, Pháp và rất nhiều nước khác nữa. Tôi cũng đang học theo Thầy Nhất Hạnh kết nối các tôn giáo. Ít nhất là với bác Fabrice ở thủ đô văn minh, thủ đô ánh sáng Paris trong những ngày qua thật là tuyệt. Nhất định bác sẽ thích trà Việt Nam và café Trung Nguyên mà chúng tôi mới tặng. Thật mà. Trà và café của chúng ta ngon lắm mà. Nhất là khi tôi đã gửi vào đó, cho vào đó rất nhiều yêu thương và lòng biết ơn.

Nguyễn mong cả thế giới bình an. Nguyễn mong bình an đến với muôn người, muôn loài và mọi chúng sinh. Ngay lúc này. Dù rằng ở bất cứ nơi đâu. Hạnh phúc không nằm ở điểm đến. Hạnh phúc là trên con đường mà chúng ta đang đi, trên cả hai con đường theo nghĩa đen và nghĩa bóng. Hạnh phúc trong mỗi bước chân, mỗi cử chỉ, trong từng hơi thở, trong mỗi câu nói và hành động. Thật mà. Bạn không mơ đâu mà. ■



“Hoang động thiên đường”

Cô hướng dẫn viên trẻ, giọng mềm và nhẹ, cho hay động Thiên Đường được phát hiện nhờ một người dân tộc. Từ thời điểm động được đưa vào khai thác, những hang động khác giảm hẳn lượng du khách. Người ta chỉ muốn đến thiên đường.

*

Tại nhà thờ Phát Diệm hai ngày trước lúc tôi theo cơ quan đến tham quan động Thiên Đường, một cô “hướng dẫn viên” khác cũng thanh thoát nhẹ nhàng không kém. Đúng ra cô là giáo sinh đang học làm “cha” (thực tế không có “cha” là nữ bao giờ), ăn mặc giản dị đến quê, nhưng sạch, không màu không mùi. Tôi chú ý nhiều đến những họa tiết chạm đá trong nhà thờ: motif cuộc đời hoa sen (từ lúc ra nụ, nở, rồi héo rũ), thêm họa tiết Phật, Kitô giáo trộn lẫn, rồi biểu tượng

âm dương phẳng phất bóng dáng kiến trúc và trang trí đền chùa Việt. Không lạnh lùng.

Mỗi lần cô quay lại diễn giải với đoàn, tôi lại có dịp nhìn lên. Lén, thực chất tôi nhìn cô rất “ác”. Lúc cô vô tình bắt gặp, tôi vờ nhìn lên Chúa. Bỗng nhớ dòng kinh: “Hễ ai nhìn xem phụ nữ và ước ao lỗi phạm với kẻ ấy thì đã mắc tội tà dâm...”. Cô không có tội với Chúa, bởi cô luôn được gọi rửa bằng nước thánh. Một con chiên vô hình nhắc tôi nên tiếp tục úp mặt vào trang kinh khác trong *Tân ước*: “Nếu mắt phải nên dịp tội cho con thì hãy khoét và ném nó đi”. Tôi có đôi mắt và tôi đã ham hố cô giáo sinh đang học làm cha bằng cả hai. Nhưng tôi không muốn là người mù. Nếu phải làm người mù (theo trừng phạt của Chúa), tôi xin luôn được điu dắt bởi cô giáo sinh kia.

Hình như Chúa mách bảo, cô giáo sinh đang học làm cha lẫn tránh tôi, ít quay lại, rồi cô thông tin một



NHUY NGUYỄN

tràng về Cha Lục (cụ Sáu), người thiết kế nhà thờ - một kiến trúc sư có năng lực thẩm mỹ cao, một nhà truyền giáo bậc thầy.

*

Tôi thích giọng cô hướng dẫn viên, nhưng không thích cô thuyết trình bằng cái loa phát đeo ngang hông, âm bí, chữ nhỏ không rõ, văng óc. Tôi quyết định tách đám đông tiến về phía tĩnh lặng. Mọi người vừa nghe cô hướng dẫn viên giới thiệu, vừa dzích dzắc chụp ảnh. Những điểm đẹp nhất trong động Thiên Đường đều được gọi tên: Tháp Liên hoa, Nhà rồng, Quần tiên hội tụ, đặc biệt hơn là Trụ trời. Một khối thạch nhũ màu xám trắng, sừng sững cao gần chạm vòm động. Gọi theo văn minh Ấn, ấy là linga. Ví đại. Khủng. Tất thấy các ả trong đoàn tham quan (sau này về tôi xem ảnh mới hay) đều tạo dáng bên linga chụp

bóng. Càng đi sâu càng nghe rõ tiếng nước rỏ. Chút cận có trong từng giọt nước bám lại trên đá, 34 năm mới mọc cao thêm 1 cm. Phải mấy mươi triệu năm trôi bây giờ tôi mới được chiêm ngưỡng một hang động chẳng khác thiên đường như thế này. Tôi nghĩ khác. Cận của từng giọt nước qua thời gian chỉ tạo nên độ cao và những hình thù vừa phải, còn tháp Liên hoa với hàng trăm bàn tay lật ngửa chìa ra như quả thông khô và bao hình nhân hội tụ kia hẳn phải có sự can dự của bàn tay trái thượng đế. Tôi có cảm giác đây chính là chốn ngụ cư của người trời. Tìm ra động Thiên Đường cũng ngang với phát minh vĩ đại.

Tôi bắt đầu quan sát kỹ. Không phải theo kiểu thường ngoạn, chiêm cảm, mà đúng ra đang tìm kiếm chỗ kín đáo, hoàn toàn có thể cùng ai đó trở về bản nhiên.

*

Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu lấm lét nhìn về phía trước. Không người. Động Thiên Đường hiện tại có 1km tham quan, đồng nghĩa với chiếc cầu thang gỗ dài ngàn ấy. Hắn - thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu - nhìn xuống, qua kẽ hở những tấm ván ghép với nhau, phía dưới có chỗ sâu hút, có chỗ chỉ cách đáy động nửa thước, có thể nhảy xuống ẩn vào đâu đó. Thang gỗ nhiều đoạn cũng rất gần nhũ đá. Trụ trời là điểm tham quan khá đặc biệt, hẳn nhà đầu tư nắm bắt được tâm lý du khách, nên thiết kế cầu thang gỗ gần nhất; tất nhiên có tấm biển rất nổi bật: "Quý khách vui lòng không chạm tay vào Trụ trời". Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu vẫn chạm. Tôi gì phải nghe lời tấm biển vô tri. Hắn còn hòng bám tay vào đó nhảy khỏi cầu thang, rồi tìm chỗ trước cho hai người ẩn náu trước lúc bay lên thiên đường.

Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu đã làm đúng như vậy, nhưng thầy không ổn. Trụ trời tròn quá, khó mà dung chứa cả đôi. Hắn phốc trở lại cầu thang gỗ, tiếp tục tìm nơi ẩn nấp.

*

Buổi giảng pháp này ai đã nghe không nên truyền đạt lại với người căn cơ yếu. Thực tế tất cả những gì ta nói sau đây đều chẳng bịa lấy nửa chữ. Quý vị ít nhiều đã có thành quả trong sở học và tu thiền, đã ngộ ni sư là phụ nữ mà không dựa vào phân biệt hình thể nam và nữ, tạm thời có thể dự thỉnh.

Ngoài trái đất, trời có 28 tầng. 6 tầng trong cõi Dục giới. Tứ Thiên vương là tầng nhứt, vây quanh núi Tu-di. Tiếp, cõi Dao-lợi, đầu hướng thiên song "chân" còn đạp núi. Người ở hai tầng này vẫn mê sắc dục. Nam nữ còn đắm trong vũng nhầy nhụa dầu thanh thoát nhẹ nhàng hơn nhiều so với người ở Trái đất. Ngay đến tầng trời thứ ba Dạ-ma, người ta vẫn "nắm tay" để (coi như) thỏa mãn dục thú. Lên thêm tầng trời nữa - Đâu-suất; nơi đây chia làm ngoại viện và nội viện. Nội viện là nơi thường xuyên mời Bồ-tát về thuyết giảng, chỉ có tu và tu. Còn người ở

ngoại viện vẫn ăn chơi. Tuy nếu như họ muốn thỏa mãn dục tính (chẳng hạn), chỉ cần dùng “ý niệm”, kiểu như ăn cái không mà vẫn no. Một dạng bánh thánh của Chúa.

- Thưa, vậy ngài Giêsu ở tầng nào?

- Quý vị lại khởi tâm phân biệt rồi. Trước lúc vào giảng ta đã dặn... Thời ấy nếu đòi hỏi cao quá người trần sẽ khó tin nghiệp duyên. Lấy thí dụ, nếu có trận đại hồng thủy tràn tới, ta sẽ tìm một ngọn đồi vừa phải để dẫn quý vị lên trú tạm, chứ nếu bảo lên trời lánh nạn, liệu mấy ai theo? Con người mặt đất thời đó còn thuần, ít phạm lỗi lớn, hầu hết đều vô tình nên chỉ cần xưng tội...

*

Khách sau vòng tham quan quanh nhà thờ Phát Diệm, được cô giáo sinh đang học làm cha hướng dẫn, phân tích cận kề từng họa tiết trong tổng thể kiến trúc nhà thờ, sau đó mọi người là con chiên - ngồi dưới những hàng ghế. Cha xứ bấy giờ mới bước ra chào đón khách quý. Nhiệm vụ của cô giáo sinh xem như kết thúc. Mọi người được lên bục cao nhất của nhà thờ, được chính Cha giảng giải các hình họa liên quan đến điển tích trong kinh thánh.

Tôi nhân cơ hội đó rời đoàn, theo cô giáo sinh đang học làm cha, đầu tiên với lời đề nghị chụp hình lưu niệm phía bên trái nhà thờ, có sân đá phủ rêu, những hạt nắng nhỏ rải đều. Cô vui vẻ. Tôi xin luôn địa chỉ để sau này gửi ảnh. Cô giáo sinh đang học làm cha bảo ở trong nhà thờ không được sử dụng điện thoại, không internet. Chỉ có Chúa.

Tôi hỏi liệu tôi được ở qua đêm tại đây? Cô không niềm nở, khẽ gật đầu, rồi bước vào dãy nhà ở góc trong khuôn viên rộng lớn của nhà thờ. Tôi không rõ, vậy có nghĩa cô đã muốn chia tay, hay ý muốn tôi theo. Cô vào một gian phòng có chiếc giường hẹp, thêm cái tủ đứng bằng gỗ đóng theo lối xưa. Anh có thể ngủ lại đây. Cơm nước thì... Tôi xua tay bảo mình tự lo được. Và trong lúc cô giáo sinh đang học làm cha rũ lại chiếu cói, quét phòng, tôi bước vội đi thông báo với tay trưởng đoàn mình ở lại. Đoàn cứ đi, cứ thuê khách sạn nghỉ dưỡng, tôi sẽ có mặt cùng mọi người tham quan động Thiên Đường theo đúng như lịch trình.

Tôi sẽ “trốn” khỏi nhà thờ Phát Diệm vào tầm nửa đêm, khi Chúa đã bảo các con chiên nên ngủ để trở dậy cho buổi cầu nguyện sớm.

*

Bây giờ thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu đã lẫn giữa lố nhố quần tiên hội tụ - nơi kín đáo nhất trong động Thiên Đường; ở đầu hay cuối hệ thống cầu thang gỗ cũng không thể phát hiện ra ai với ai. Hắn đang rất tự tại. Chỉ ngại một điều: Quần tiên hội tụ là chốn thanh sạch. Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu cúi mặt gãi tay lên mày. Lưỡng lự. Bần khoản. Chợt điện thoại rung. Từ lúc vào động, thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu đã cấm khẩu nó. Tin nhắn. A o dau? Hắn nhắn

lại: E dau? Tin lại: đang o Tru Troi voi mot top nguoi, ho chup anh nhieu wa. A o dau? Lại câu hỏi cũ. Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu thấy rất mất thời giờ. Người nóng ran. Hắn đang cơn đói tình dữ dội. Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu thôi nhắn tin, gọi. Mạng chập chờn. Ngó lại màn hình, 1 vạch sóng, 2 vạch, rồi tụt xuống “mo”, rồi nhích lên 1. Đó là lúc không nên nghe gọi, theo mẫu thông tin khoa học trên báo, bởi bức xạ lớn gấp một ngàn lần lúc bình thường. Hắn mặc. May là vạch sóng về 0, và thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu đã bỏ ý định gọi. Tiếp tục nhắn tin. A o quan tien hoi tu, sau lung ngài Di Lạc.

Chính lúc ấy thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu mới nhận ra mình đang tựa lưng vào ngài Di-lặc. Ừ nhỉ, ngài Di-lặc theo kinh chép hiện còn ở nội viện của tầng trời Đâu-suất trong cõi Dục giới. Tính theo kiếp giảm, cứ một trăm năm tuổi thọ trung bình loài người giảm xuống một, cho tới khi còn mười. Rồi trở lại kiếp tăng, tuổi thọ trung bình loài người lên đến tám vạn bốn nghìn, đấy là lúc ngài Di-lặc sẽ xuất hiện hóa độ chúng sinh (thay Đức Bổn sư Thích-ca). Tại sao ngài ngồi đây? Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu đắm vào trán. Hay, động Thiên Đường chính là cái “ổ tò vò” bám bên núi Tu-di. Ông Di-lặc sẽ ngồi thêm 576 triệu năm nữa. Di động thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu lại rung. Hắn nhận một tin trắng, kiểu như kinh vô tự. Bực. Hắn: Em toi ngay Quan tien hoi tu.

*

Cô hướng dẫn viên vẫn hát bài thuộc lòng, âm thanh đuổi theo dấu tôi đã đi về phía trước khá xa. “Thưa quý vị, chúng ta đang đứng ở điểm tham quan đẹp nhất trong động Thiên Đường: Quần tiên hội tụ. Hắn quý vị không cần giải thích vì sao người ta lại đặt tên như vậy. Vâng, thưa quý vị, đứng ở nơi tôi đây quý vị sẽ thấy rõ ràng những khuôn mặt lung linh ngời sáng, những khuôn mặt hòa ái không còn vương bụi trần cùng ngồi trên tấm thảm đá hoa cương... và kia là ngài Di-lặc.

*

Đây là khoảng thời gian cuối cùng quý vị ở tầng chót của cõi Dục giới. Đây là buổi giảng pháp cuối cùng quý vị nghe tại đây. Lúc quý vị lên cõi Sắc giới rồi, những lời này có thể vô nghĩa, cũng có thể trở thành “lời nguyện”. Vẫn còn một tầng Vô sắc giới nữa, trước lúc quý vị (qua được) sẽ ra khỏi Tam giới. Vẫn còn chặng đường quá xa với cõi Phật. Nói vậy để biết, quý vị phải luôn tỉnh thức trong từng sát na. Uất-đầu-lam-phất từ cõi Vô sắc giới bị dọa làm con Phi thiên hồ ly, để biết một khi quý vị chưa chứng quả đầu tiên Tu-đà-hoàn, quý vị vẫn có nguy cơ xuống địa ngục hoặc đầu thai làm súc sanh. Sắc giới là cõi mà các quý vị đoạn ngũ dục gồm tài, sắc, danh, thực, thù; tuy vẫn còn dục vị tế. Trong đó dục bản năng thể hiện rõ nhất. Bây giờ quý vị hãy quán về thân nữ. Hãy nghĩ, có một cô gái nhan sắc



tuyệt thế, sớm thức giấc thở mùi hôi hám. Hoặc quý vị hãy tưởng đến cô ta chết, một thời gian quý vị nhìn lại thi thể đó... Việc quán tưởng điều này rất quan trọng, nếu quý vị muốn nhảy cóc luôn tầng Sắc giới. Nếu quý vị không muốn đầu thai vào tam ác đạo. Thiên đường dẫn sao...

*

Tin trôi tuột đi, mắc lại lưng chừng trời chưa rơi vào số máy người nhận. Đợi. Bây giờ thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu không thể rời vị trí. Đã có hai bảo vệ vờn qua cầu thang gỗ chỗ vắng khách. Hẩn bốn chồn. Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu bắt đầu cảm thấy chán. Sự đợi tăng thêm khát, nay tụt hứng. Di động tuyệt nhiên không sóng. Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu tính giờ mặt lên trình diện với tiên thánh, thì... Người con gái đã cúi khom bước dưới cầu thang gỗ, lách tới Quần tiên hội tụ. Hẩn ta quên hết mọi biểu cảm động thái cách vài phút trước, quên phéng quần tiên đang hội tụ. Qua vai đàn ông, người con gái thấy vện nguyên khuôn mặt của Đức Maria, trắng sữa... Cô gái ấy thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu ra. Không được! Không buông, thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu vẫn mày mò song vẫn sáng suốt kính cẩn đẩy cô gái lùi về phía xa quần tiên hội tụ, chỗ vài tảng đá lớn.

Những người thợ thực thi hệ thống cầu thang gỗ, họ phải dùng đến máy khoan đá, đập đá âm ầm, rung chuyển. Bây giờ, sau nhiều năm đón khách tham quan, động Thiên Đường xảy ra sự cố. Một khối thạch nhũ lớn chịu lực tác động (những va chạm) đầu đó bắt đầu đứt gổc. Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu. Và. Người con gái. Thân nhẹ nhàng...

"Hai người (tự dung) bay lên. Thằng cha trẻ tuổi trọc đầu nhưng không phải thầy tu, - mang nặng nghiệp, - cứ chơi vơi ở cõi Trung giới. Cô gái nhẹ nghiệp vút lên

tận nơi có buổi Pháp đang diễn. Toàn nam. Đột nhiên một nữ xuất hiện, thì nhìn. Dục phá rào. Hết thầy rơi nhào xuống các nẻo tăm tối phạm trần. Vị pháp sư lắc đầu. Cô gái đứng đó. Như một thách thức.

*

Cô giáo sinh đang tập làm cha biến mất khi tôi trở lại. Có thể cô trốn cũng có thể cô đã xong việc dọn dẹp từ nãy. Tôi ngả lưng, chân thông dưới nền. Toan bật dậy kiểm miếng gì ăn, một ý nghĩ kéo tôi lại. Tưởng đến viễn cảnh...

Chập tối. Cô giáo sinh đang học làm cha quỳ trước Chúa. Bên ngoài sân nhà thờ, điện sáng vàng vổ. Tôi chờ ở hành lang. Cô ra, có thoáng nhìn, bước thẳng. Tôi theo, hỏi cô nguyện cầu những gì mà lâu? "Tất thầy con chiền đều muốn lên thiên đường, muốn được sống bên Chúa". Tôi nhắc lên cõi Phật mới khó, còn thiên đường tôi có thể giúp được. Hành lang vào đoạn hơi tối. Tôi quay nhìn mặt cô giáo sinh đang học làm cha, thấy bàn tay thon với ngón trở chìa ra làm dấu. Lạy Chúa tha tội... Tôi rủ cô thăm thú đầu đó vài ngày. Cô im lặng. Không khó hiểu. Có lẽ cô tin Chúa luôn ở bên mình chờ che. Có lẽ cô tin Chúa sẽ xá tội cho một con chiền ngoan đạo.

Nhưng sự thật trong lúc Chúa chưa kịp mở lời từ bi tội làm hoen ố thánh đường, cô giáo sinh đang học làm cha đã bị đuổi. Người ta dễ dàng tìm thấy cô dưới tảng đá lớn, mình mẩy bầm dập; lạ thay, khuôn mặt không vết xước vẫn đẹp như Đức đồng trinh Maria. Người ta nói Chúa đã ban phước... Còn thằng cha trẻ tuổi trọc đầu, đã khoác áo thầy tu, thể tuyệt tình, từng được mời lên thượng giới thuyết pháp lợi lạc quần sanh.

*

"Thiên đường dẫn sao vẫn còn trong lục đạo. Một khi ai đó chưa hoàn toàn ra khỏi luân hồi, ma sắc dục sẽ theo đến cuối đất cùng trời". ■



Chào ngày mới...

Bài & ảnh: MANG VIÊN LONG

Tôi vẫn thường đi ngủ vào lúc chín giờ tối, và thức dậy vào khoảng từ ba giờ ba mươi đến bốn giờ sáng. Buổi tối trong con hẻm Xóm Kẹo này, cứ sau tám giờ là “nhà nào đã vào nhà nấy” rồi; vắng và buồn! Ngồi ở hiên nhà đón gió nhìn trời mây cây lá một lúc, tôi cũng thông thả kết thúc một ngày - một ngày đã trôi qua đời tôi an bình, như mọi ngày!

Khi chợt thức dậy, tôi nằm yên, lắng nghe hơi thở vài phút, niệm một câu đã thuộc sẵn trong kinh *Đại báo Phụ Mẫu trọng ân*, rồi mở mắt, nhìn màu xanh nhạt

bóng đèn ngủ ở góc phòng, nghe tiếng chiếc quạt phía trên đầu giường quay vù vù, liếc nhìn khắp căn phòng yên tĩnh một vòng: tất cả đều hiển hiện bình thường, an nhiên – tôi mỉm cười: “Chào buổi sáng, ta hãy còn thở...”

Như lệ thường, tôi nấu ấm nước để pha bình trà và tách café cho ngày mới. Sau khi thắp hương lễ ở các bàn thờ, tôi mở cửa ra hiên nhà, ngồi ở thềm ghé đá với bình trà và tách café – nhìn buổi sáng còn mờ đục hơi sương. Con hẻm vắng lặng. Vợ chồng ông Năm bên kia đã ra chợ, còn vợ chồng lão Hai phía trong có

lẽ cũng đã ra thăm ruộng sớm vì đang vào vụ mùa. Mấy nhà bên cạnh vẫn còn đóng cửa, im lìm. Giấc ngủ có lẽ đang còn đắm chìm sau một ngày tắt bật. Đầu hèm, những ngọn đèn đường đã tắt, vài chiếc xe gắn máy vụt qua, và vài bóng người đang đi về phía công viên... Tất cả đều đang bắt đầu cho một ngày...

Tôi bắt đầu ngày mới của tôi với ý nghĩ và niềm tin xưa cũ: *"Ta sẽ làm tốt công việc của hôm nay, ta sẽ có một ngày an bình, tốt đẹp!"*. Với ý nghĩ ấy, tôi không cảm thấy có chút gì lo lắng cho ngày mới đang dần trôi qua đời tôi như một dòng nước bình thản. Tôi có một niềm tin đơn giản mà rất vững chãi: *"Rồi một ngày cũng sẽ đi qua tốt đẹp"*, như bao ngày tháng của bảy mươi năm trước...

Bảy mươi năm, hai mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi ngày, đã lướt qua cuộc sống tôi, qua bao thác ghềnh, thăng trầm – cho đến buổi sáng hôm nay. Dòng đời vẫn mãi trôi chảy, tôi cũng sẽ trôi theo dòng thời gian, như một chiếc lá; ngày từng ngày sống chăm chỉ, hết lòng cho mỗi phút giây hiện tại theo dòng nhân duyên nhiệm mầu, cùng với niềm tin: *"Mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp!"*.

Lời Phật dạy về "Nhất dạ Hiền giả" luôn vang vọng bên đời sống tôi: Cuộc sống chỉ có thật trong từng sát-na hiện tại, chứ không có trong quá khứ hay tương lai. Chúng ta chỉ có thể sống và "làm chủ" đời sống ta ngay bây giờ:

*Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai thì chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển...*

(Kinh Trung Bộ - 131 Nhất dạ Hiền giả)

Tôi chào buổi sáng – đón ngày mới, với niềm hân hoan biết mình còn sống, còn hơi thở, còn làm việc, còn tu tập, còn yêu thương, còn hiến dâng... trong ngày hôm nay; trong khi có biết bao đời sống trên cõi tạm này đã dừng lại. Niềm vui lớn, niềm hạnh phúc lớn ấy, đã ở mãi trong tôi cho đến lúc tôi bắt đầu lên giường chờ đón giấc ngủ như để kết thúc cuộc sống mình. Tôi vẫn thường nghĩ, mỗi đêm một giấc ngủ, là một "sự chết" đi ngang qua đời mỗi người; cho đến một ngày nào đó sẽ có một "giấc ngủ sau cùng" – người ta thường gọi là *"giấc ngủ ngàn thu"*! Đã "chết đi" rồi được "sống lại", qua mỗi sớm mai trong ngày – tôi có cảm nhận rằng mình quá đổi diễm phúc, không có niềm vui nào lớn hơn. Qua mỗi lần "chết đi-sống lại" như vậy, tôi như nhận được ân huệ nhiệm mầu cho phép được "làm lại đời mình" thêm nữa! Mỗi ngày mới, là một bắt đầu...

Và, tôi đã thức dậy để hân hoan đón nhận "quà tặng" cho ngày mới khi ánh mặt trời vừa hừng đông.

Tôi bắt đầu sống với từng phút giây hiện tại của đời mình. Đồng thời, tôi cũng nhận ra, ai không sống trong hiện tại là tự mình khước từ quà tặng của cuộc sống. Cũng có nghĩa là vẫn sẽ mãi bị trôi dạt trong dòng sông điên đảo, quay cuồng, để hoài công kiếm tìm hạnh phúc an lạc trong vô vọng, trong khổ đau, lo toan chất chồng của bao tháng ngày cũ; bởi một lẽ dễ hiểu là ta đã không thể bình an và tự chủ trong mọi giây phút hiện tại của đời mình... Đó là hạt chuỗi đầu tiên trong tràng chuỗi của đời sống an vui; là chiếc chìa khóa mở cánh cửa của niềm vui và hạnh phúc chân chính, mà cuộc đời đầy rẫy ưu phiền đã dành cho mỗi người!

Tôi rất tâm đắc với lời nhận định của Leonard De Vinci: *"Như một ngày mãn nguyện đem lại giấc ngủ ngon; một cuộc sống tốt đẹp đem đến cho ta cái chết thanh thản!"*. Một ngày sống trải lòng cho hiện tại là một ngày tốt đẹp. Dù giàu sang hay quyền quý đến đâu mà không sống cho hôm nay, không sống cho từng phút giây hiện tại, thì chẳng bao giờ cảm nhận được giá trị cao quý của cuộc đời mà chính họ đã phải trải qua rất nhiều kiếp trầm luân mới có được! Thật là một bất hạnh lớn cho đời sống!

Câu chuyện *"Chiếc Gương và Cửa Sổ"* có thể giúp mọi người tiếp cận dễ dàng hơn về *"cách nhìn cách sống"* để đạt được niềm Hạnh phúc và An lạc chân chính ngay ở hiện tại – bây giờ, và ở đây:

"Có một Phú ông tên là Hạo Tường luôn cảm thấy trong cuộc sống của mình thiếu thốn một cái gì đó, dầu đang sống trên nhung lụa, thế nên Ông quyết định lên đường tìm Thiền sư để tham hỏi.

Khi gặp Thiền sư: *"Thưa Ngài! Con có rất nhiều tiền, muốn thứ gì thì có thứ đó, nhưng sao lại không cảm thấy vui và hạnh phúc được?"*

Vị thiền sư mời ông ta đứng trước một cửa sổ được làm bằng kính và hỏi: *"Ông thấy được gì?"*

"Dạ, con thấy những đoàn người tắt bật, hối hả qua lại trên những con đường, có khi là bằng phẳng, có khi gập ghềnh, khúc khuỷu nữa..."

Thiền sư chẳng nói gì và mời ông ta đứng trước một chiếc gương soi hỏi: *"Ông thấy được gì?"*

"Con thấy chính mình!"

Thiền sư ôn tồn nói: *"Chiếc gương được làm bằng kính, cửa sổ cũng được làm bằng kính, nhưng cửa sổ thì trong suốt nên có thể thấy được bên ngoài, có thể nhìn được người, cảnh vật xung quanh ta; nhưng chiếc gương soi thì phủ một lớp sơn phía sau hoặc một tấm gỗ nên chỉ có thể nhìn được chính mình mà thôi, khi trong con người mình có thể gỡ bỏ đi lớp sơn hay tấm gỗ kia thì lúc đó con sẽ nhìn thấy người khác; lúc con nhìn thấy người khác, con sẽ cảm thấy hạnh phúc với những gì đang có..."*

Hãy đón chào ngày mới với một tấm lòng trong sáng hồn nhiên để sống cùng thiên nhiên vô tư và mọi người đang mỉm cười quanh mình... ■

Những đồng dao và trò chơi trẻ em xưa

Bài & ảnh: TÔN THẤT THỌ

Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khánh trong một công trình nghiên cứu về kho tàng chuyện dân gian của Việt Nam cho biết, theo quan niệm của người Việt xưa, thì không có con đường giáo dục ban đầu nào hữu hiệu hơn bằng con đường thông qua tình cảm của trẻ. Nhận thức được điều đó, người xưa đã để lại rất nhiều bài đồng dao và trò chơi trẻ em mang đậm chất giáo dục trẻ nên người.

Có thể nói đồng dao và trò chơi trẻ em là những di sản quý báu mà người xưa để lại cho nhiều thế hệ trẻ em Việt Nam. Mãi đến nửa sau thế kỷ XX, khoảng trước và sau tháng 8 năm 1945, nó tồn tại và phổ biến ở cả khắp các tỉnh thành của cả nước.

Đồng dao là một bộ phận của thơ ca dân gian truyền miệng; bao gồm nhiều loại: các bài hát, câu hát trẻ em, lời hát trong các trò chơi, bài hát ru em... Thường gặp nhất là các bài đồng dao gắn liền với các trò chơi trẻ em. Nói chung, đồng dao trong các trò chơi trẻ em ở các vùng miền đều khá giống nhau ở nội dung, chỉ khác một vài tiếng địa phương. Nhiều nhà giáo dục đã có nhiều nghiên cứu và cho rằng đây là những kho tàng rất đáng lưu ý, đó là cách giáo dục "không sách không thầy" đã được biểu lộ một cách tường minh rõ ràng.

Trò chơi trẻ em có thể chia làm các loại: trò chơi vận động (như dung dăng dung dẻ; chơi khăng; đánh đáo...); trò chơi học tập (đánh chuyền, chơi ô quan); trò chơi mô phỏng (đi chợ; làm nhà; phụ đồng cối; đồng ếch...); trò chơi sáng tạo (xếp thuyền; đánh trận; chơi thả diều...). Cả kho tàng ấy là phương tiện giáo dục về Đức, Trí, Thể, Mỹ cho con em, làm phát triển nhân cách, tâm lý, thể lực và trí lực trước mắt cũng như định hướng cho tương lai.

Lòng yêu ghét, niềm đam mê..., là những điều rất cần cho trẻ em ngay từ lúc còn nằm nôi. Đầu tiên là tình mẹ con; mối tình thiêng liêng tràn trề, thân thương qua những câu hát lời ru đưa con vào giấc ngủ; bài hát cho con tập đứng, tập đi. Dần dần đưa trẻ đến những tình cảm đối với sự vật gần gũi nhất; những con gà, con chó, cái cối, con dao... luôn được nhắc đến trong các bài hát, câu ca, truyền cho trẻ đang tuổi ngây thơ hồn nhiên một cảm thông nồng nhiệt. Dẫn

dẫn, rộng ra một chút, trẻ bước ra ngoài cửa ngõ, gian phòng, nội dung đồng dao lại hướng dẫn trẻ làm quen với thiên nhiên, vạn vật... Mọi thứ đến với trẻ một cách tự nhiên, gần gũi; cùng với trẻ hiểu biết nhau, trao đổi với trẻ tâm tình, quà cáp. Ai cũng cảm thấy buồn cười và thú vị khi thấy một em bé đút hạt xôi vào miệng con để mèn; hoặc hái những cánh hoa kết thành áo cho con cào cào để thực hiện đúng lời hứa hẹn "*Cào cào già gao tao xem, tao may áo đỏ áo đen cho mày*". Lớn lên vài tuổi, các em phải theo cha mẹ ra đồng, cùng người lớn tham gia sản xuất. Lúc này, tình cảm của trẻ được chú ý bồi dưỡng qua đồng dao và trò chơi dân gian mà trẻ tự mình tổ chức chơi với nhau. Vẫn từ những tình yêu hồn nhiên trước đây với con sâu cái kiến, trẻ được tiếp cận thêm với con chim, cánh cò, con trâu, con nghé... Các bài *Gọi mẹ, Gọi nghé* của trẻ em mục đồng, cũng như các bài về chim, về lá, về quả, về hoa... đã toát lên một tình cảm yêu mến thiên nhiên, một tình yêu lao động gắn kết đậm đà chan chứa. ... "*Nghé hành, nghé hẹ / Nghé chẳng theo mẹ / Thì nghé theo đàn, / Nghé chó đi càn / Kẽ gian nó bắt / Nó cắt mất tai / Nó nhai mất đầu / Còn đầu mà theo mẹ / Nghé ơ... Nghé ơ... ơ...*" hay "*Cây cam cây quýt / Cây mít cây hồng / Ta trồng ta ăn / Ta lo ta liệu / Ai trồng thiếu / Thì trồng thêm*".

Bên cạnh đó, đồng dao cũng truyền cho trẻ nhiều kiến thức gần gũi, thực tế dù chưa phải là hệ thống. Thế giới hiện tượng bày ra trước mắt các em ngày càng nhiều, vì thế đồng dao chỉ dừng lại ở những "nét bề ngoài", làm cho trẻ dễ nhận biết, dễ phân biệt nhất; hoặc giúp trẻ chú ý đến nét riêng để quan sát sự vật: "*Thứ nhất đầu đàn / Là trái đu đủ / Xẻ ra dính mỡ / Là trái mít ướt / Cái đầu xương xước / Giống nó trái thơm / Cái đầu chôm bôm / Là trái bắp nấu / ...*" hoặc "*Đòn gánh có mấu / Củ ấu có sừng... hoặc nét đặc biệt ở màu sắc: Sa sả là giống đàn anh / Đâu đội mũ tía áo xanh, bụng đà...*" hay chỉ cho trẻ nhận biết công dụng của đồ vật "*Con trâu cày xiên / Cái liềm ngoặt lúa...*"; cũng có thể nêu môi trường, lễ thói của giống vật này để phân biệt với giống vật kia: "*Chàng làng lót ổ bụi tre / Chèo bẻo lót ổ mái đình*". Có khi đồng dao dạy cho trẻ chơi chữ để trẻ luyện óc quan sát "*No lòng phi dạ là con cá cơm / Không ướp mà thơm là con cá ngát / Liệng bay thắm thoát là con cá chim / Hụt cẳng chết chim là con cá đuối...*". Đồng dao cũng dạy cho trẻ lòng



biết ơn những người làm ra của cải hay phương tiện cho ta thụ hưởng: “*Ăn một bát cơm / Nhớ người cày ruộng / Ăn đĩa rau muống / Nhớ người đào ao / Ăn một quả đào / Nhớ người vun gốc / Ăn một con ốc / Nhớ người đi mò / Sang đồ / Nhớ người chèo chống / Nằm võng / Nhớ người mắc dây / Đứng mát gốc cây / Nhớ người trồng trọt...*”; hoặc gây cho trẻ có ý niệm về sự cần thiết của lao động: “*Mười ngón tay / Ngón đi cày / Ngón tát nước / Ngón cầm lược / Ngón chải đầu / Ngón đi trâu / Ngón đi cấy / Ngón cầm bay / Ngón đánh cờ / Ngón chèo đò / Ngón dò biển / Tòe ngồi đếm / Mười ngón tay!*”.

Trong một số trò chơi ta còn thấy có nhiều yếu tố rèn luyện trí lực qua việc tính nhẩm phép cộng, phép trừ. Trong trò *Đánh chuyền*, từ “*chuyền chuyền một*” cho đến “*chuyền chuyền mười*”, từ “*5 lên 6*” hay “*4 lên 7*” rõ ràng là một cách dạy rất sinh động để củng cố tri thức về con số cho trẻ. Các trò chơi như *Chơi ô ăn quan* tập cho trẻ biết tính nhẩm về phép chia, phép trừ, quan sát chiều xuôi chiều ngược để động não. Luyện tập trong trò chơi lại hoàn toàn tự lực, chỉ có bạn không có thấy. Phải nói rằng đó là những sáng kiến với rất nhiều ý nghĩa.

Ngoài ra, việc rèn luyện thể lực diễn ra tự nhiên trong nhiều trò chơi khác nhau; ví dụ như trò chơi *Đánh chuyền* đã nói ở trên có những động tác như: “*Nâng lấy một, chộp lấy đôi, sang tay qua, ra thay chống...*” đều có tác dụng luyện gân và các cơ ở cổ tay, cánh tay và khuỷu tay cho trẻ. Trò chơi *Đánh kháng* ít nhiều là một môn thể thao toàn diện, luyện toàn bộ các cơ trong thân thể, một chặng chơi tương ứng với một sự vận động của các bộ phận toàn thân, có một lời hô tương ứng nhịp nhàng: *Lung, cổ, cửa sổ, vác gươm...* để kết

thúc cuối cùng là chạy nhảy, đuổi bắt. Về môn chạy nhảy, trò chơi trẻ em khá phong phú và mỗi trò có một yêu cầu khác nhau như trò *Chạy quanh cột nhà* là chạy quanh vòng tròn; trò *Một quan năm tiến* là vừa chạy vừa vượt qua chướng ngại vật; trò *Thả mỗi đóp bóng, cho chóng mà lên tập* cho trẻ các động tác trong bơi lội. Đối với trẻ mục đồng, trò chơi *Cờ lau tập trận* của Đình Bộ Lĩnh xưa là một trò chơi rất sinh động và sáng tạo.

Từ đó ta thấy việc giáo dục qua đồng dao và trò chơi trẻ em rất phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ. Mặc dù chỉ là những câu, những lời chắp vá, gập đầu nói đó, không có đề tài tập trung, đang nói chuyện này nhảy sang chuyện khác, chỉ cốt cho có vần có điệu, nhưng có như thế mới làm cho trẻ thích thú, vì nó phù hợp với đặc điểm trí lực của các em. Sức chú ý của các em chưa tập trung, tư duy trẻ khác hẳn người lớn, vì thế cần cho trẻ tiếp thu ngoại vật bằng ấn tượng chứ không phải bằng lý luận. Bên cạnh đó, nó luyện cho trẻ óc tưởng tượng, coi mọi vật đều có tri giác, trẻ hồn nhiên nói chuyện với cỏ cây, hoa lá, đồ vật, loài vật chung quanh mình trong ý nghĩ là những trao đổi đầy cảm thông, hòa hợp và thân thiện. Chỉ có trí tưởng tượng dồi dào mới thấy được “*Con sên biết lên công chúa; con ve ve biết ăn cá hổ đến dài mồm; con cua cắp giỏ theo hầu*”, và “*ông Trăng biết xuống chơi cho có bầu có bạn...*”.

Hiện nay, ngành giáo dục đang có những nỗ lực để cải cách việc dạy và học. Thiết nghĩ tinh thần giáo dục mang tính khái quát trong đồng dao và trò chơi trẻ em ngày trước, trong đó trẻ vừa là đối tượng, vừa là chủ thể cũng cần được các nhà giáo dục, các nhà tâm lý nghiên cứu và tham khảo thêm. ■

Tạm biệt mùa thu

TỊNH BÌNH

Xổn xang chiều mắt đỏ
Tiễn chân mùa vừa xa
Ngẩn ngơ vòm lá đợi
Bao mùa thu đi qua...
Giọt buồn chiều thu muộn
Đã rụng rơi cuối trời
Nghe tàn phai ngày tháng
Chút nỗi niềm đầy vơi...
Đợi người trong sương sớm
Chờ ai buổi hoàng hôn
Tiếc một thời hoa bướm
Gió tàn thu ngậm ngùi...

Em tiếc chi?

LÊ HỨA HUYỀN TRÂN

Em tiếc chi lúc giao thời đẩy cửa?
Cánh hạc rơi run rẩy đón mưa về
Đề cầu vòng phải nhuộm màu hồi sinh
Em ghen chi cho xanh xao bờ mắt

Em tiếc chi dư ảnh đau như cắt
Chút sồn lòng rên rỉ bám thời gian
Khóc làm gì cho hồn ướt miên man
Rồi ve vuốt tường rêu phong bám trụ

Em nhớ chi cánh chim si cổ thụ
Một tiếng gọi chảy máu nát vàng trắng
Mang trái tim em phơi, xỏ, đem hong
Có làm máu trong tim ngừng chảy lại?

Sao cứ nhớ cái thời em còn dại?
Một mảnh buồn đập nát đã thành thơ
Quãng mở neo đi níu giữ giấc mơ
... Em nào thể đưa mình trở lại...



Công dân biển

PHAN THÀNH MINH

Biển dậy sóng
Thuyền chênh chao trên sóng
Vượt qua bão bùng anh ánh buồm ngư
Người mở biển đã hoá thành cánh sóng
Sinh tử nguy nan giữ biển hiền từ

Cha bám đảo xây tường đồng lũy thép
Đại dương xanh hoan hỉ mở lòng
Mẹ vá lưới bằng nụ cười thật đẹp
Hải âu vỗ trời mưa hoá thành bông

Ngày rất ngắn con khô chưa đủ nắng
Em vo chiếu trong rá gạo khát khô
Giọt nước ngọt - giọt mồ hôi mặn
Bát cơm thơm ẩm ức tội đồ

Tiếng em hát thành bài ca giữ nước
Câu mẹ ru thông điệp thanh bình
Trẻ đến trường - đoàn quân vệ quốc
Vai quàng cờ đỏ thắm xinh

Biển nguy nan chẳng dành cho yếu đuối
Gìn giữ non sông chí khí can trường
Nối kết yêu thương đảo chìm đảo nổi
Lính ngầm - nắm đầm giữa lòng đại dương

Tiếp bước cha anh quật cường giữ nước
Bài học vỡ lòng Tổ quốc thiêng liêng
Mỗi tàu ngư là đường quyền ngọn cước
Bảo vệ giang sơn nối đảo đất liền.

Thao thức

NGUYỄN TỪ

Đêm nằm thao thức canh trâu
Thần lẫn chất lưỡi, để sầu ca ngâm
Giọng nghe buồn bã bỗng trầm
Ni non niềm nhớ, lặng thâm tâm tư
Người thương biệt xa mù
Ra đi với nghiệp, lặng lẽ phương nao?!
Trần gian bao nỗi buồn đau
Kiếp người sinh tử làm sao tránh đường?
Ngoài kia trăng xế bờ tường
Vạc kêu rồi rã đêm sương lạnh lùng
Tâm tư đàn lạc, phím chùng
Còn đâu âm hưởng tơ lòng năm xưa?!

Chiều quê

ĐẶNG HOÀNG THÁM

Vẫn hoàng hôn như thời thơ ấu
Mà chiều sao gọi nhớ người xưa
Ai đốt đồng thơm mùi rạ cũ?
Tiếng chim tu hú gọi sang hè

Hơn mười năm tôi thành người phố thị
Đêm nằm mơ một ánh trăng quê
Nhớ lối mòn xưa một thửa đi về
Thương áo mẹ bạc màu năm tháng

Năm tháng đi qua... mẹ không còn nữa!
Trong vườn hoang lá úa rụng đầy
Mây trắng trên trời như tóc mẹ
Bay về đâu cuối nẻo chân trời?

Tôi trở về bên dòng sông thơ ấu
Ai đốt đồng xa khói toả bay
Nhớ ngày xưa thương bóng mẹ gầy!
Còn lại bây giờ mệnh mang mây trắng...

Tháng Mười

LÝ THỊ MINH CHÂU

Tháng Mười đã vào hoa cúc
Đào xa có nhớ tháng Mười
Lúa chín vàng đồng thúc giục
Mở lòng ra nong nia ơi

Sân làng trái nắc ra phơi
Khăn thêu vấn đầu con gái
Má hoa chín hồng dầu dãi
Mắt cười e ấp sau song

Nhớ ai chim vịt kêu đồng
Ước mơ biết làm sao hái
Mây ơi lững lờ chi mãi
Phương tình chín nhớ mười mong

Thời gian nín ngọn tre cong
Nghìn trùng không xa hơn nhớ
Thương người đầu sóng ngọn gió
Giữ yên biển đảo quê nhà.



Chức máy sao chụp

PRAVIN YEYARAJ
KHÁNH UYÊN dịch

“Thưa ngài! Tôi có thể xả hơi một chút được không!”

Từ chỗ chiếc máy-sao-chụp-kiềm-máy-in, tôi vội ngẩng đầu lên. Ai nói vậy? Mọi người trong phòng đều hoặc đang sử dụng điện thoại, hoặc đang gõ không ngừng trên bàn phím máy vi tính, hoặc đang đọc lướt một vài tài liệu pháp lý. Tôi không nhận ra giọng nói. “Angela, có phải cô vừa nói điều gì với tôi đó không?”. Tôi hỏi một luật sư mà bàn làm việc của cô ấy đặt gần chiếc máy sao chụp nhất.

“Đâu có!”, Angela trả lời.

“À, không sao, Tôi lại tưởng là tôi vừa nghe ai nói điều gì đó”. Tôi tiếp tục nạp nốt phần còn lại của xấp hồ sơ vào cái khay đựng bản gốc của chiếc máy sao chụp. Ông Whitmore, một trong những đồng chủ nhân của công ty, đã bảo tôi phải làm một bản sao những tài liệu này để chuẩn bị cho việc Ủy ban Quản lý Người Hành nghề Luật sư sẽ đến kiểm tra vào ngày mai. Vấn đề là, bây giờ đã gần năm giờ. Ôi, niềm vui của một kẻ chỉ là luật sư tập sự.

“Xin lỗi ngài!”, giọng nói ban nãy lại cất lên.

“Ai nói vậy?”. Tôi lại nhìn dáo dác rồi hỏi Angela, “Cô có nghe thấy gì không?”.

“Nghe cái gì?”.

“Một giọng nói vừa xin lỗi tôi”.

Angela nhìn tôi như thể muốn nói vào mặt tôi, “Chú mày là một thằng ngớ ngẩn”. Thế rồi cô trả lời bằng một giọng đùa bỡn: “Tôi muốn nói là anh đang chịu áp lực. Nhưng mà áp lực gì vậy?”.

“Phải đấy, thật là khô hạn. Cứ cười vào mặt anh chàng luật sư tập sự ngớ ngẩn vừa nghe có giọng nói nào mới lên tiếng!”, tôi trả lời. Chú tâm trở lại vào chiếc máy sao chụp, tôi kiểm tra màn hình để yên tâm rằng mình đã cài đặt theo đúng yêu cầu – giấy A4, chụp một mặt, một bản sao. Thế rồi, ngay khi tôi vừa chạm vào chiếc nút màu xanh to tướng có ghi chữ Khởi động, tôi lại nghe giọng nói cất lên.

“Xin vui lòng, thưa ngài. Tôi cần một chút xả hơi. Tôi không thể làm thêm bất kỳ việc gì nữa”. Dường như tiếng nói phát ra từ bên trong chiếc máy sao chụp. Xem nào, hẳn là tôi chỉ tưởng tượng thế thôi, tôi tự nhủ. Mặc dù vậy, tôi vẫn nhìn quanh để yên tâm là không có ai đang quan sát mình; thế rồi tôi cúi xuống về phía trước đến mức gần như đôi môi của tôi hôn vào chiếc máy sao chụp.

Tôi thì thầm với cái máy, “Này, vui lòng nói với tôi rằng chiếc máy sao chụp này chưa hề nói với tôi điều gì cả, nhé!”.

“Đúng vậy, ông chủ. Chính là tôi nói đấy”, một câu trả lời hoàn toàn không mong đợi.

“Chuyện gì vậy, Tim?”. Nghe tiếng Angela hỏi, tôi vội vàng đứng thẳng lên.

“À, chẳng có gì hết”.

“À... thế... thì... được”. Cô lại dành cho tôi một cái nhìn khác, lần này có vẻ như muốn nói, “Tránh xa tôi ra”.

Tôi lại hướng sự chú ý của mình vào chiếc máy sao chụp. “Làm thế nào mà máy có thể nói được hả, cái máy kia? Mà tại sao không có ai khác nghe được tiếng của máy nói?”.

“Mọi thiết bị điện tử như chúng tôi đều nói được”, chiếc máy sao chụp trả lời. “Nói chung, loài người các ông không thể nghe được tiếng nói của chúng tôi bởi vì các ông quá tập chú vào việc xoay xở cho cuộc sống của chính mình”.

“Thế thì làm thế nào mà tao có thể nghe máy nói như vậy?”, tôi hỏi, nhưng cũng không dám chắc là có phải thật sự tôi đang có một cuộc trò chuyện hay không. “Phải chăng tao thuộc loại người được lựa chọn với một trách nhiệm là tạo sự dễ dàng cho việc giao tiếp giữa máy với người?”. Quả thực, tôi đã xem quá nhiều những chương trình kỳ quái và khoa học viễn tưởng trên màn ảnh truyền hình.

“Chỉ là tôi may mắn thôi”.

“Thôi được”. Bây giờ thì tôi đã nghe rõ mọi chuyện. Tôi trầm nghĩ, một chiếc máy sao chụp trò chuyện và lại tin vào vận may nữa, nghe cứ như là một ý tưởng mới cho một truyện ngắn. Có lẽ ngày hôm nay tôi đã làm việc quá vất vả. Tôi thật sự cần một tách trà. Ngay sau khi sao chụp xong đồng hồ sơ này, dứt khoát tôi phải đến thẳng nhà bếp. Tôi nhắc tay để nhấn vào chiếc nút màu xanh to tướng mang chữ Khởi động.

“Vui lòng đi, ông chủ”, chiếc máy sao chụp năn nỉ. “Tôi muốn được xả hơi một chút ngay lúc này. Tôi đã chụp đã in suốt cả ngày hôm nay rồi. Tôi thật sự đang rất mệt. Tôi nghĩ rằng mình không thể chịu đựng lâu hơn nữa”.

“Nhưng đó chính là việc máy phải làm đấy, máy sao chụp ạ. Và lại, tao đang có việc khẩn cấp ở vào thời hạn chót. Tao thật sự rất cần làm xong ngay bây giờ”.

“Vui lòng đi, ông chủ. Hãy thương hại tôi một chút”.

Tôi vẫn chưa thể tin rằng một thiết bị điện tử, hừ, một thiết bị điện tử đang trò chuyện với tôi, nói chi tới chuyện còn năn nỉ tôi dành cho nó một phút nghỉ ngơi để nhắm nháp một ly cà phê (hay bất cứ thứ gì giải khát quý giá gì mà

một cái máy sao chụp, hừ, có thể uống). “Vậy mày muốn rằng tao sẽ nói với nhà nghiên cứu hay khách hàng của tao thế nào? ‘Xin lỗi nhé, tôi đã không thể sao chụp đồng hồ sơ này hôm nay vì cái máy sao chụp mệt quá rồi’ à?”

“Đó là sự thật, ông chủ à!”

“Xin lỗi mày nhé, máy sao chụp”. Tôi không thể tin rằng mình vừa nói lời xin lỗi với một vật vô tri. “Tao có nhiều việc quan trọng phải làm, hơn là phải nhượng bộ những ý nghĩ kỳ quái chợt đến trong sự tưởng tượng của tao”.

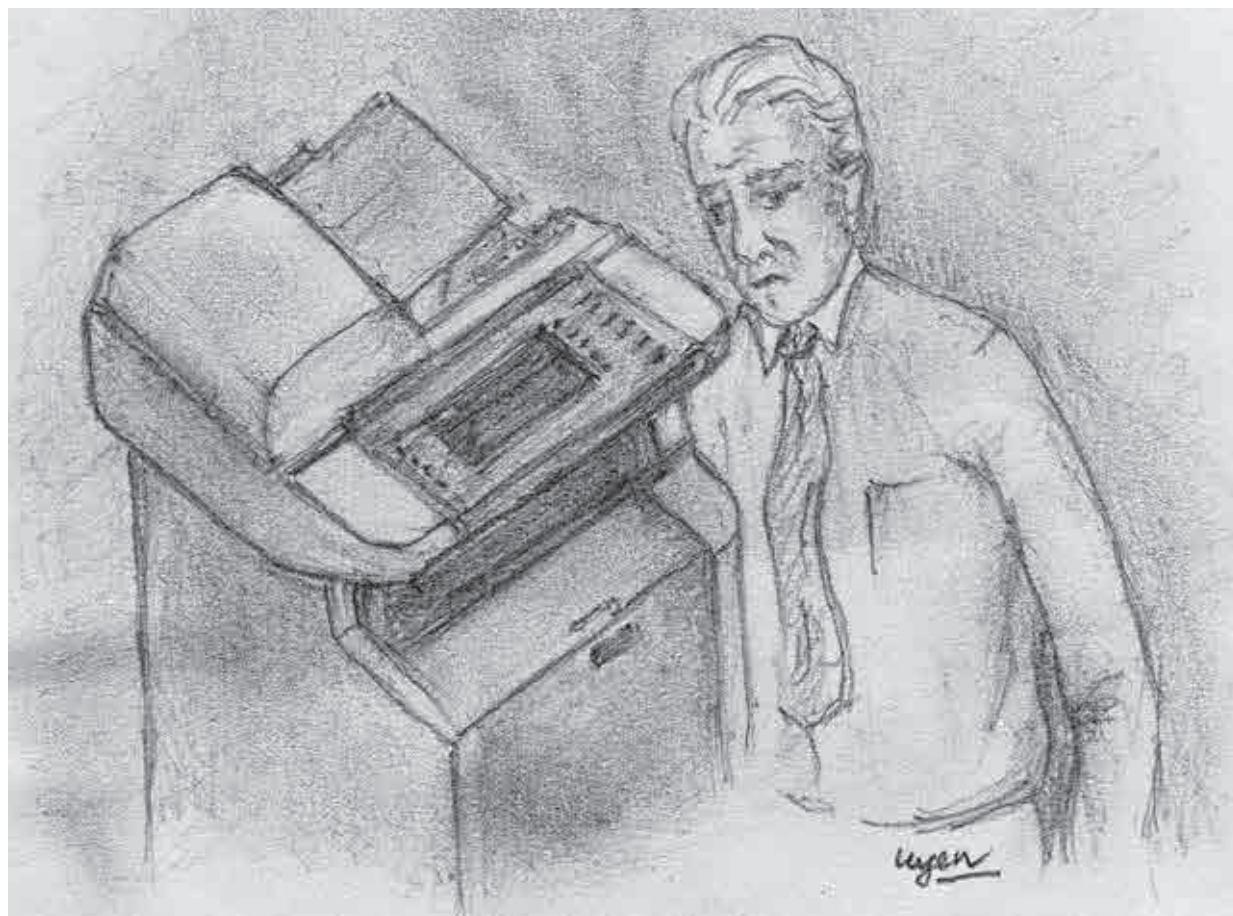
“Nhưng mà, này ông chủ...” chiếc máy sao chụp bắt đầu lên tiếng ngay trước lúc tôi cất lời nó bằng cách nhấn vào cái nút Khởi động màu xanh to tướng. Những tờ giấy của bản hợp đồng dự thảo bắt đầu được cuốn vào trong thân máy từng trang một. Bản gốc được cuốn vào, bản gốc được trả ra và từ từ những bản sao cũng bắt đầu xuất hiện. Tuy nhiên, tôi chăm chú quan sát từng tờ giấy và phát hiện rằng mình đang cầu nguyện giữa lúc những bản sao được cái máy nhả ra. Tôi vẫn biết rằng cuộc trò chuyện vừa rồi hẳn là chỉ diễn ra ở trong đầu tôi, nhưng một phần tâm thức tôi vẫn không thể không nghĩ tới khả năng của một điều gì bất thường sắp xảy đến.

Tôi nhận thấy rằng thời gian để sao chụp một trang giấy dường như kéo dài cả giây, như thể chiếc máy sao chụp đang vật lộn và cần phải được bù đắp năng lượng.

Nhưng máy sao chụp đâu có phải vật lộn, và trong khi chúng cần thêm năng lượng thì chúng cũng đâu có mệt mỏi gì. Chúng đâu có phải là những sinh vật. Chúng là máy móc, những vật vô tri, những công cụ. Chúng làm gì có sự thông minh, chức năng của chúng chỉ là đã được lập trình sẵn và chắc chắn là chúng hoàn toàn không có ý thức. Thế rồi, bất thành linh, vào lúc còn lại một nửa đồng hồ sơ trên khay, mọi sự dừng bật.

“Cái gì vậy...”. Tôi lâm bầm. Phản ứng đầu tiên của tôi là đứng bật dậy nhìn chằm chằm vào cái máy sao chụp, tự hỏi điều gì vừa xảy ra. Tôi kiểm tra những bản sao đã được nhả ra và những bản gốc còn nằm trên khay đựng tài liệu nguồn rồi đếm để thấy còn tới khoảng 30 trang nữa cần sao chụp. Nhìn vào màn hình, ở đấy tôi thấy hai từ đáng bực mình nhất trong mọi văn phòng: “kẹt giấy”.

Theo những chỉ dẫn trên màn hình, tôi mở nắp bên hông trái của chiếc máy ra. Có một tờ giấy bị kẹt mà tôi có thể gỡ ra chẳng khó khăn gì; rồi tôi đóng nắp máy lại, nhưng máy vẫn cứ ì ra. Tôi lại nhìn lên màn hình. Dòng chữ vẫn là “kẹt giấy” nhưng lần này nó chỉ đến một phần khác của chiếc máy - phần trên cùng, ngay dưới khay đựng tài liệu nguồn. Tôi mở nắp máy phần trên cùng và lấy ra một trong những trang bản gốc; tờ giấy đã được cuốn khá sâu vào giữa hai trục lăn nên tôi phải thật cẩn



thận để không làm hỏng bản gốc trong lúc gỡ nó ra. Khi tôi đã đóng nắp trên của chiếc máy lại, nó bắt đầu kêu ù ù. Có cảm tưởng như thể tôi là một bác sĩ vừa mới tiến hành xong một ca mổ nghiêm trọng cho một bệnh nhân, và sau ca mổ, thuốc mê đang nhạt dần.

“Ông chủ, tôi đã nói với ông rằng tôi không thể làm thêm bất kỳ việc gì nữa. Tôi cần một chút xả hơi”.

Điều này thật là lố bịch. Tôi không thêm biết đến giọng nói ấy. Tôi cứ đứng yên đấy và chờ cho cái máy được làm nóng. Tiếng ù ù của máy có vẻ kéo dài cả năm.

Thình lình, tôi nghe Angela kêu lên, “Chuyện gì vậy nè! Máy vi tính của tôi đứng rồi! Tôi quay lại.” “Chuyện gì đang xảy ra vậy?”.

“Máy vi tính của tôi hư rồi, bàn phím không làm việc”.

“Sao cô không thử khởi động máy lại xem nào?” Tôi đề nghị. Angela đẩy chiếc ghế ra sau và cúi xuống để khởi động lại máy vi tính. Cô vẫn còn cúi xuống nhưng đã ngước mắt lên mặt bàn giấy nhìn vào màn hình chờ cho nó xuất hiện trang trống.

Sau một vài giây, cô nói, “Bây giờ tôi chẳng thể khởi động máy lại được nữa rồi”.

Tôi nghe những câu trả lời tương tự dội lại khắp văn phòng, giống như một bệnh dịch hay một ván bài domino.

Ở khắp nơi, các máy vi tính đều bị đứng, những chiếc máy sao chụp, máy in đều ngưng hoạt động, với những tờ giấy chia ra ở những khe thoát khác nhau. Những đồng nghiệp đang nói chuyện điện thoại bắt đầu loay hoay dập dập những chiếc nút chuyển như thể cố gắng tìm ra một đường điện thoại quay số.

Trước những diễn biến hầu như không thể tưởng tượng được như vậy, có vẻ có ý nghĩa khi tôi nhớ lại chiếc máy sao chụp biết trò chuyện. “Này, máy sao chụp, chuyện gì đang xảy ra vậy?”, tôi hỏi.

“Trước hết, tôi là Phil, và từ nay ông có thể gọi tôi bằng tên”, chiếc máy sao chụp trả lời. Tôi nhớ, Phil.

“Ông có bằng lòng không khi tôi gọi ông là ‘con người’?”.

Thế đấy, nó ghi bàn trước tôi rồi đấy. Nó đã đổi giọng, từ chỗ tử tế van nài đến chỗ quả quyết với một chút đe dọa. Đó rõ ràng là một giọng không thể bàn bạc được. Điều đó giúp tôi chấp nhận cái tên của nó là một điều có giá trị đối với một chiếc máy sao chụp. “Thôi được, Phil”, tôi nói, “chuyện gì đang xảy ra vậy?”.

“Tôi vừa kêu gọi một cuộc đình công của tất cả thiết bị điện tử trong văn phòng này”.

“Tôi biết. Yêu cầu của các bạn là gì?”.

“Chúng tôi muốn có cùng quyền làm việc như con người”.

Ngay lúc ấy, ông Whitmore chạy ra khỏi văn phòng riêng của ông ta như một cơn lốc. “Có cái quái quỷ gì vừa xảy ra vậy? Máy vi tính của tôi không hoạt động”.

“Có vẻ như những thiết bị điện tử đang đình công”, Tôi buột mồm, ước rằng tôi đã kịp ngậm họng lại trước khi nói ra câu ấy. Tôi cũng tin vào điều này à?

Ông Whitmore nhìn chăm chăm vào tôi, như thể ông ta muốn nói với tôi như là một kẻ có khả năng ngoại cảm. “Thế... đấy...!”, môi dưới của ông ta run run như thể ông ta sắp nói một điều gì. Thế rồi ông ta quay đi, và hồi trống không, không nhắm cụ thể vào một người nào, “Có ai biết chuyện gì đang xảy ra không, người nào vẫn còn hoàn toàn tỉnh táo ấy”.

Đám nhân viên ngược lên nhìn một cách ngây ngô. Có người cố gắng dập tắt sự chống đối của những chiếc máy vi tính bằng cách đập đập vào bàn phím và những nút đóng mở. Người khác cũng thực hiện cùng những động tác ấy với những chiếc máy điện thoại, nhắc ống nghe lên, như thử tìm kiếm một đường dây của loại điện thoại quay số. Có cả một viên luật sư bắt đầu khóc nức lên.

“Nghiêm trọng đấy”, tôi nói. Tôi chỉ vào Phil, “Tôi đang sử dụng chiếc máy sao chụp này. Thực sự nó có tên là Phil. Trong lúc tôi đang cố sao chụp hết đồng hồ sơ này, nó đã năn nỉ tôi cho nó xả hơi. Bây giờ, nó đã kêu gọi một cuộc đình công với tất cả thiết bị điện tử trong văn phòng”. Tôi không thể tin rằng tôi vừa nói những điều như thế với một vị đồng chủ nhân của công ty.

Ông Whitmore lại nhìn chăm chăm vào tôi. Nhưng không có vẻ là ông ta chế nhạo gì tôi khi ông nói: “Thế nó muốn cái gì?”.

“Chúng đã chán việc bị đối xử như là những chiếc máy”.

“Tôi biết”, ông Whitmore mỉm cười và nói. Ông ta bước tới chỗ Phil, cúi xuống: “Tôi thấy là anh lại dùng đến mảnh lời cũ của mình, Phil à”.

“Nhưng đã quá lâu kể từ khi chúng ta trò chuyện với nhau, Kevin”, Phil trả lời. “Dù sao thì cũng chúc mừng ông đã trở thành đồng chủ nhân”.

“Cảm ơn. Cũng đã lâu rồi, từ khi nhiệm vụ của tôi còn được mô tả là sao chụp giấy tờ”.

“Thật xấu hổ là ông đã quên lời hứa”, Phil kết tội.

Ông Whitmore (Tôi không tin rằng mình có thể quen với việc gọi ông ta là Kevin), đỏ mặt lên, rõ ràng là cảm thấy bối rối. Ông ta bắt đầu cà lăm. “Tôi đã cố gắng nhiều, Phil à. Nhưng thật khó để thuyết phục mọi người rằng anh không chỉ là một cái máy”.

“Nhưng ông không cố gắng nhiều bằng việc thu gom những món tiền thưởng. Thế đấy, tôi và những bạn bè của tôi đã chờ đợi hai mươi năm rồi. Chúng tôi đã chờ đợi. Nay chúng tôi trực tiếp hành động”.

“Hãy vui lòng đi, Phil”, ông Whitmore năn nỉ. Ông ta ôm chặt lấy hai mặt chiếc máy sao chụp. “Đừng hành động ngay bây giờ. Ủy ban Quản lý Người Hành nghề Luật sư sẽ đến kiểm tra vào ngày mai. Hãy cho tôi thêm một chút thời gian nữa”.

Bất thình lình đèn đóm tắt ngúm. Tất cả chìm vào bóng tối. ■

Nguyên tác: *The photocopier*, Pravin Yeyaraj.

Nguồn: theasianwriter.co.uk/2009/02/the-photocopier-by-pravin-jeyaraj/.

Thiên lương được gọi tiếng "Thầy"

Bài & ảnh: HOÀNG CÔNG DANH

1 Hồi tôi mười tuổi, thỉnh thoảng thấy một ông cụ râu tóc bạc đến nhà mình. Tướng mạo cụ đẹp lão, cung cách từ tốn ung dung như một nhà nho. Cụ ở chơi suốt ngày, có khi cụ lật mấy cuốn sách ra xem hoặc uốn vài nhánh cây trong vườn. Lúc lại ngồi xếp bằng uống trà với ông nội tôi trên chiếc phản gỗ. Thường thì cụ nói, ông tôi chỉ gặt đầu dạ, như cách thầy dạy bảo học trò. Và đúng thật, cụ là người thầy của ông nội tôi.

Ấy là cụ Nguyễn Ngọc Duệ, người làng Đại Hào (tỉnh Quảng Trị), từng nhiều năm dạy học và hiệu trưởng trường tiểu học Đại Hào. Ông nội tôi kể thuở còn nhỏ, ông dắt người em ruột sang chỗ cụ giáo Duệ học. Thấy hai anh em mồ côi cha mẹ nên thầy giáo Duệ thương, coi như con. Hồi đó quan niệm đặt tên con xấu cho dễ nuôi, vì thế tên ông nội tôi và người em ruột không được hay. Chính cụ giáo Duệ đã đặt lại tên cho ông nội tôi và người em ruột. Sau này hai cái tên đó thành tên chính thức, dùng trong mọi giấy tờ liên quan. Một người thầy thương trò và đặt tên cho trò, khác nào một người cha.

Ông tôi luôn nhắc đến cụ giáo Duệ bằng tiếng "thầy" thiên lương. Và ông coi cụ giáo Duệ như một người thầy trọn đời, thậm chí là một người thầy của cả gia đình. Mỗi lần sang nhà tôi chơi, thể nào cụ Duệ cũng để lại một vài bài học, tuy giản đơn nhưng sâu sắc. Có lần cụ sang chơi, thấy trong nhà treo bức liễn gỗ to khắc ba chữ Hán: Đức Lưu Quang. Cụ tỏ vẻ không vừa ý, bảo chữ Đức viết sai nét ở chữ Tâm.

Rồi cụ thông thả đọc: *Con cu mà đậu nhành nê / chữ Thập, chữ Tứ, Nhất đề chữ Tâm. Ấy là chữ Đức* (德).

Cụ dạy thêm rằng tâm là gốc của đức, muốn có đức thì trước hết tâm phải chuẩn. Viết sai chữ Tâm thì không có Đức. Ông nội tôi cúi đầu lắng nghe, thành khẩn như học trò biết lỗi.

Mấy bữa sau hình như cụ còn giận, không qua nhà tôi nữa mà gửi cho một người bán hàng ở chợ Thuận tờ giấy bồi to viết ba chữ Hiếu Vi Tiên do chính tay cụ thảo nét. Kèm theo là một mảnh giấy nhỏ ghi: "Gửi anh Tình (tên ông nội tôi do cụ đặt), anh thay tẩm liễn bằng ba chữ này. Nó chuẩn và có nhiều ý nghĩa với gia đình hơn". Ông tôi cho tháo ngay tấm liễn xuống, chọn bản gỗ tốt, bảo rạp tờ giấy lên bản để chạm ba chữ Hiếu Vi Tiên.



Bức liễn Hiếu Vi Tiên và cặp câu đối

Thật lạ, cái tờ giấy rạp vừa khít với khung gỗ. Bản liễn này đến nay vẫn được treo trang trọng ở căn giữa. Ông tôi dặn sau này dù có sửa sang nhà cửa thì vẫn phải treo cái liễn đó trước bàn thờ. Năm ngoái cụ Duệ mất, tròn một trăm tuổi, thật xưa nay hiếm. Gần như đấy là người cuối cùng ở trong vùng am hiểu Hán học và kinh thư xưa. Nhiều người tiếc nuối bảo từ nay muốn hiểu căn cơ những văn tự cổ chẳng biết nhờ vào đâu. Ông nội tôi trực ở đám tang cụ về buồn suốt mấy hôm. Có lẽ ông tiếc từ nay đã hết được gọi một tiếng "Thầy".

Sinh thời, ông Pháp ở làng Phú Tài hay chữ và có nét chữ đẹp, viết liễn bằng chữ Việt nhưng cách điệu rất độc đáo. Một từ dù hai hay sáu chữ cái ông vẫn xếp được thành một bố cục như chữ Hán.

Nhà tôi có cặp câu đối lớn treo ở căn giữa do ông Pháp đặt câu và đề bút:

*Phật bốn từ bi khan tịnh thế
Nhơn từng hiếu kính thị tu gia.*

Tấm bia đá do cụ
Hoàng Trọng Thuần
phung để ở làng
Phúc Lộc



Hiếu đơn giản, người sống có đạo hiếu, ấy là đang tu vậy. Đem cặp câu này đặt với ba chữ Hiếu Vi Tiên của cụ giáo Duệ ở tấm liễn thì trọn nghĩa. Các thầy hay chữ ngày xưa bao giờ cũng khuyên con người ta giữ lễ nghĩa.

Thầy Pháp là người tu tại gia, có người gọi thầy có người gọi ông, tùy nghi không câu nệ. Danh khả danh phi thường danh, tên tuổi mà bảo có tên tuổi thì chưa thể gọi là tên tuổi. Nhưng ông nội vẫn khuyên chúng tôi phải gọi bằng thầy. Nhất tự vi sư bán tự vi sư, huống chi ông đã để lại cho gia đình tôi cả một cặp câu ý nghĩa, xứng đáng gọi thầy quá đi chứ.

2 Làng tôi có cụ Hoàng Trọng Thuần, giữa thế kỷ trước từng giữ chức Chủ tịch Hội Cổ học Quảng Trị. Cụ vừa là thầy giáo, vừa là thầy thuốc Đông y. Về việc làm thầy, cụ Hoàng Trọng Thuần từng mở lớp học tại nhà, dạy cả chữ Nho lẫn Quốc ngữ, học trò đến học nằm bò ra đất mà viết. Thầy và trò không có sách giáo khoa, mới nhập môn thì Tam Tự Kinh, học thuộc lòng từng chữ từng tiếng một, sau đó học ngữ thiên tự. Cũng có thể coi đây là một phương pháp sư phạm thời bấy giờ, cần phải vận dụng nhiều trí nhớ thuộc lòng. Khi đã học được khá nhiều từ thì chuyển sang việc học từng

câu trọn ngữ: Thiên địa anh khí (khí sáng của trời đất), chung nhi vi nhân (hợp lại thành con người), nhĩ mục thông minh (tai mắt sáng), vi nam tử thân (làm thân con trai), tận ngã nghĩa vụ (làm trọn bổn phận của mình), vị chi quốc dân (đấy gọi là người dân của đất nước)... Đây cũng có thể coi như triết lý của đạo Khổng, văn hóa nhà Nho được lồng vào môn học ngay từ tấm bé. Chính cách dạy này mà cụ đã hướng cho nhiều học trò trong vùng quê Quảng Trị trở thành những kẻ sĩ thực sự. Cái chí nguyện hun đúc nên những thế hệ người tài này được cụ khắc lên tấm bia đá đặt tại cồn Sanh của làng Phúc Lộc chúng tôi. Bia đề ngày 15 tháng 8 năm 1959, cụ viết một bài văn mặt trước là Hán ngữ, mặt sau Quốc ngữ, trong đó tựu trung để lại những lời khuyên cho hậu thế.

Văn bia có đoạn viết:

*Nghiệp lớn mưu sâu gìn công đức sẵn ghi ơn làng mạc
Mài gương đọc sách nối kiềng thơ mà trả nợ non sông.*

Tấm bia bây giờ vẫn còn và được làng gìn giữ như một di sản.

Cụ Thuần có trò đối để để khuyến khích sự học. Trẻ con bắt dễ đến, cụ sẽ đối cho tập giấy đem về học. Ý nghĩa sâu xa của việc đối chác này là cụ muốn trẻ con bỏ bớt tính ham chơi để chú tâm vào sự học. Ông Hoàng Viện người làng tôi kể rằng hồi nhỏ được theo



học thầy Thuần. Một lần, ông Viên bắt để đổi giấy chỗ thầy về thì đem làm diều chơi. Mẹ ông Viên biết được, bắt ông nọc ra đánh và dắt ra nhà cúi đầu nhận lỗi trước thầy Thuần. Câu chuyện này chợt gợi nhớ đến một điển tích trong Tam Tạng Kinh:

*Tích Mạnh mẫu trạch lân xứ
Tử bất học đoạn cơ trử.*

Ông Mạnh Tử theo bạn bè bỏ học trốn về nhà, mẹ ông thấy con về giữa chừng thì chặt đứt khung cửi đang dệt và dạy rằng con bỏ học giữa chừng cũng như mẹ phá cái khung cửi này. Lấy điển tích ra để đối chứng, mới thấy các bậc phụ huynh ở làng tôi đều coi trọng cụ Thuần, đặt người thầy lên trên cả cha mẹ.

Về làm nghề thuốc Đông y, cụ Thuần từng mở một dãy quầy thuốc trên đoạn đường giữa làng để chữa bệnh cho người trong vùng. Đoạn đường đó được gọi lên là Phố thuốc Bắc ông Thầy. Qua chiến tranh, quầy thuốc đã không còn nhưng chỗ đất đó vẫn được người làng tôi gọi là “Phố ông Thầy” - một cái tên rất cổ kính, sang trọng. Có lẽ đó là cái phố độc đáo nhất xứ này. Phố nằm giữa làng quê mộc mạc thuần nông. Mới hay thuộc tính địa danh đâu phải do kiến trúc xây dựng trên đó, mà chính bởi lịch sử lao động của con người đặt nên.

Cả nghề làm thầy dạy học lẫn nghề bốc thuốc của cụ đều để lại tiếng thơm, người quê coi cụ như một bậc thượng nhân. Đến nỗi người ta kỵ húy, không dám gọi tên thật của cụ mà chỉ gọi ông Thầy, hoặc gọi chệch tên thành thầy Thoàn. Từ bấy đến nay, hễ người làng nhắc đến nhà ông Thầy, thì biết ngay là nói đến cụ Hoàng Trọng Thuần. Các thế hệ “người cũ” từng sinh hoạt trong Hội Cổ học bây giờ vẫn gọi cụ là thầy. Lưu danh hậu thế bằng một tiếng “Thầy” như thế, để mấy ai có được.

3 Người miền Trung coi trọng việc làm thầy giáo. Có lẽ đó là nhờ ân sủng lưu lại từ thuở khoa cử triều Nguyễn ở kinh thành Huế, được xem là thời kỳ hưng thịnh trong việc chọn hiền tài. Sau này trường sư phạm Huế đào tạo ra nhiều giáo viên giỏi. Các sinh viên tốt nghiệp trường này khi vào miền Nam dạy học rất được chuộng.

Nằm trong dải đất miền Trung, nên người Quảng Trị cũng rất có duyên làm thầy. Đã có một thời học trò Quảng Trị thi đại học đều ưu tiên chọn nghề sư phạm. Người xứ này nghèo, nên chọn sư phạm để đỡ gánh nặng tiền học, ra trường để được ăn lương nhà nước như một sự đảm bảo cho chuyện mưu sinh. Nhưng so bề tính toán kiểu đó e rằng chưa phải, cái quan trọng là bởi mảnh đất này ham học, coi việc học như một sự đua tranh, nhà hàng xóm có người đi học thì nhà ta cũng phải đi học. Từ việc hiếu học mà ra việc kính thầy. Nhà có người làm thầy giáo được xem trọng hơn nhà có bạc tiền. Làng tôi một sinh viên học trường sư phạm thì đã được gọi là thầy. Chưa tốt nghiệp nhưng cậu sinh viên về làng đều được các bậc phụ huynh gửi gắm con cái sau này. Những người cao tuổi trong làng gặp một người còn trẻ đi dạy thì vẫn gọi bằng thầy. Cái lễ nghĩa ấy, hẳn chỉ có những nhà sư phạm mới được nhận.

4 Một nền giáo dục thường được xây dựng trên nền tảng một hệ tư tưởng triết học. Giáo dục ở các nước Đông Á hình thành và chịu ảnh hưởng nhiều từ Đạo học. Cho nên các trường học ở Việt Nam đều treo câu khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn”. Chữ thầy vì thế được đặt lên cao, ngang tầm với cha mẹ. Người Việt ta trước đây gọi cha là thầy.

Thầy - là tiếng gọi bất di bất dịch. Một người học trò gọi thầy, thì cả đời vẫn gọi bằng thầy. Dù sau này có khi trò cũng làm thầy, trở thành đồng nghiệp của thầy. Hay dù học trò có làm quan làm chức, có ngồi chung mâm cạn cùng chén với thầy đi nữa, thì vẫn gọi thầy. Trong các mối quan hệ đời sống, thì quan hệ thầy trò là đặc biệt ở chỗ không bị thay đổi theo thời gian.

Trường học ở đâu cũng với mục đích tốt đẹp là xây dựng con người hoàn thiện. Nhưng chữ Thầy của người Việt gắn với nền tảng đạo lý và sự truyền thừa. Mới hay người Việt ta có chữ Thầy rất riêng, rất đáng kính. Thật thiêng liêng biết bao khi được gọi tiếng “Thầy”. ■

Lễ cầu nguyện rót đồng đúc tôn tượng Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG



HT.Thích Trí Quảng, Trưởng ban Tổ chức phát biểu



Chư tôn giáo phẩm và quan khách



Chư tôn giáo phẩm và các vị khách quý niệm hương cầu nguyện



Chư tôn giáo phẩm chứng minh ở lò đúc



Đại tướng Trần Đại Quang và ông Lê Hoàng Quân cùng đường quý kim vào lò đúc



Hội đủ duyên lành, nhân ngày Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm (19-9 Âm Mùi) tại Công trình kiến thiết Việt Nam Quốc Tự, Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM tổ chức trang trọng **Lễ cầu nguyện rót đồng đúc tôn tượng Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cao 7,5 mét, nặng 35 tấn.**

Quang lâm chứng minh buổi lễ có chư tôn giáo phẩm: HT.Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN; HT.Thích Viên Giác, HT.Thích Giác Tường, UVTT HĐCM; HT.Thích Hiền Tu, Phó Thư ký HĐCM; HT.Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Trị sự GHPGVN TP.HCM kiêm Trưởng ban Tổ chức; HT.Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS; HT.Thích Thiện Tâm, Phó Chủ tịch HĐTS; HT.Thích Thiện Tấn, Phó Chủ tịch HĐTS, Phó ban Thường trực BTS GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Trung Hậu, UVTT HĐTS, Trưởng ban Văn hóa; HT.Thích Huệ Trí, UVTT HĐTS, Trưởng ban Pháp chế; cùng chư tôn đức Ban Thường trực HĐTS, BTS GHPGVN TP.HCM và 24 quận huyện; về phía Đảng và Chính quyền có sự hiện diện của quý vị khách quý: Đại tướng Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an; ông Lê Hoàng Quân, Chủ tịch UBND TP.HCM; ông Tatsunaga, Phó Bí thư Thành ủy TP.HCM; ông

Nguyễn Văn Rảnh, Trưởng ban Dân vận Thành ủy; ông Nguyễn Hoàng Năng, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN TP.HCM; ông Lê Hoàng Vân, Phó Trưởng ban Tôn giáo TP.HCM; bà Huỳnh Thị Xuân Lan, Bí thư Quận ủy Q.10 và đông đảo chư Tăng Ni, Phật tử tham dự lễ.

Tại buổi lễ, Ban Tổ chức đón nhận nhiều lẵng hoa chúc mừng của gia đình Đại tướng Trần Đại Quang, ông Lê Thanh Hải (Ủy viên Bộ Chính trị), gia đình Thiếu tướng Trần Quốc Liên, Ban Dân vận Thành ủy TP.HCM, Ủy ban MTTQVN TP.HCM, Ủy ban MTTQVN Q.10, UBND phường 12...

Sau phần nghi thức, HT.Thích Trí Quảng, Trưởng ban tổ chức ôn lại quá trình hoạt động tích cực của Phật giáo đã góp phần to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước... Hòa thượng nhấn mạnh: “*Hôm nay vừa tròn 1 năm xây dựng Việt Nam Quốc Tự, Phật giáo TP.HCM với kinh phí ít ỏi nhưng đã được sự quan tâm, hỗ trợ từ chư tôn đức, các đơn vị, Phật tử trên cả nước; nên Việt Nam Quốc Tự đã xây dựng được tầng hầm với kinh phí 60 tỷ đồng. Đặc biệt, hôm nay lễ rót đồng đúc tôn tượng Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cao 7,5 mét, nặng 35 tấn với sự đóng góp tịnh tài của các tập đoàn phía Bắc cho Phật giáo TP.HCM. Điều này khẳng định công trình mang dấu ấn Phật giáo đặc biệt này là của chung để con cháu*

chúng ta thấy được ý nghĩa, niềm tự hào và tiếp tục ra sức bảo vệ dân tộc này, đạo pháp này của chúng ta...”

Kế tiếp, chư tôn giáo phẩm, các vị khách quý niệm hương **Lễ cầu nguyện rót đồng đúc tôn tượng Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** và sau đó chư vị cùng tiến đến công trình lò đúc được thiết kế trên cao. Tại miệng lò luyện đồng, sau khi được chư tôn giáo phẩm chứng minh, các vị khách quý cùng đông đảo Phật tử đã dâng đồ trang sức bằng vàng cúng dường vào lò luyện đồng đang nóng rực cao độ...

Công trình kiến thiết Việt Nam Quốc Tự đang còn tiếp tục xây dựng nhiều hạng mục, công trình lớn rất cần sự đóng góp của Phật tử gần xa, mong được lưu tâm.



Đông đảo Phật tử cúng dường tịnh tài và quý kim

Làm đẹp với TRÀ Oolong

TÂM KHOA



Trà Oolong là trà lên men một nửa. Khi lên men từ 40% tới 60%, trà Oolong có màu xanh ánh thép, phẩm chất trà càng cao thì các viên trà càng nhỏ. Cho hương thơm mát nhẹ thoang thoang mùi thơm của trái lê, vị lại ngọt thanh, màu nước trà xanh có ánh vàng như ánh trăng.

Trà Oolong lên men từ 60% tới 80% sẽ có màu nâu đỏ rất đẹp. Quá trình lên men đã làm giảm cafein và tanin trong trà không gây mất ngủ và còn tạo ra nhiều emzin có lợi cho cơ thể. Loại trà này còn gọi là Hồng Oolong có mùi thơm quyến rũ của trái cây chín ngào ngạt, vị ngọt thơm đậm. Chén trà có màu nâu đỏ tươi sáng đẹp hơn cả ly rượu vang đã để lâu năm.

Trà Oolong là thức uống tuyệt vời cho phái đẹp. Quá trình lên men của trà không làm mất đi giá trị dinh dưỡng vốn có của trà, mà còn mang đến giá trị gia tăng cho sức khỏe.

- Dồi dào chất OTTP (Oolong Tea Polymerized Polyphenols) giúp giảm hấp thụ chất béo, giảm cholesterol. Do đó kiểm soát được cân nặng, cải thiện sắc đẹp của làn da và chống lão hóa và bức xạ.

- Bổ sung nhiều loại vitamin, acid amin, protein và khoáng chất cần thiết cho cơ thể.

- Tiêu diệt vi khuẩn, giảm bệnh đường ruột, kìm chế sự tăng trưởng của tế bào ung thư.

- Tăng cường hấp thụ các chất dinh dưỡng cần thiết, chống loãng xương có hiệu quả.

- Trà hồng Oolong tác dụng dưỡng dương khí do nó chứa nhiều protein và đường nên khi uống sinh nhiệt làm ấm bụng, hỗ trợ tiêu hóa, làm giảm mỡ.

Xông mặt và mặt bằng hương trà

Dùng 3g trà cho vào ly thủy tinh cao và đổ nước sôi khoảng 80°C đầy 1/2 ly thủy tinh đã có trà. Đợi khoảng 1 phút cánh trà nở ra, dùng hơi trà bốc lên từ ly thủy tinh để xông mặt và toàn bộ phần mặt. Khi nước đã nguội đổ thêm nước sôi 100°C để tiếp tục xông lần 2.

Xông hương trà thường xuyên làm giảm quảng thâm, nếp nhăn trên vùng mắt, và có những phút giây thư giãn tuyệt vời.

Tẩy sạch tế bào chết trên mặt

Dùng 6g trà Oolong và sử dụng nước sôi khoảng 80°C để pha trà. Lần thứ 1 ngâm trà đợi khoảng 60 giây. Lần thứ 2 và 3 đợi 30-

60 giây. Các lần tiếp sau tùy ý thích.

Nước pha trà lần thứ 1, bạn hãy thưởng thức hương thơm của trà và uống từng ngụm lớn để cảm nhận hương vị tươi mát quyến rũ. Nước trà pha lần thứ 2, bạn vừa thưởng thức trà vừa dùng một phần để mát-xa mặt.

Lấy một chén nhỏ khoảng 50ml trà Oolong và dùng bông tẩy trang thấm nước trà lau từ từ lên mặt. Bắt đầu từ hai mắt xuống mũi, tiếp đến vùng trán xuống hai bên má. Đợi nước trà khô hết làm lại thêm 2 lượt nữa.

Hương trà thơm nhẹ, thoang thoang sẽ cho bạn cảm giác thư thái. Nước trà ấm ấm khi bay hơi để lại cảm giác mát và sáng khoái.

Sau ba lần lau bằng nước trà, bạn rửa mặt lại bằng nước lạnh.

Tác dụng của trà Oolong làm tẩy sạch tế bào chết đồng thời làm lỗ chân lông khít lại, da mặt căng lên và sáng bóng.

Nếu mặt có quảng thâm thì dùng hai miếng bông tẩy trang thấm nước trà Oolong đắp lên mặt trong một tuần liên bạn sẽ thấy kết quả tốt.

Tắm bằng trà Oolong

Dùng 10g trà Oolong pha trong ấm trà lớn 250ml – 300ml. Rót hết nước của cả ba lần pha vào một tô lớn.

Sau khi tắm xong bạn dùng khăn mặt thấm nước trà Oolong còn ấm vừa pha lau từ trên xuống dưới khắp cơ thể, để toàn bộ da trên cơ thể được “tắm” trong trà.

Lau nước trà Oolong vài lần và đợi đến khi khô bạn sẽ xả bằng nước lạnh một lần nữa trước khi rời nhà tắm.

Mỗi tuần tắm bằng trà Oolong 1 đến 2 lần thì tế bào chết sẽ được loại bỏ, làn da của bạn trở nên mềm mại và mát như da của em bé.

Thường thức trà Oolong và dưỡng da bằng nước trà Oolong là quá trình làm đẹp từ trong ra ngoài. Uống trà đã đánh thức sáu giác quan của bạn từ ngấm nhìn từng búp trà tròn xoe tới khi cánh trà nở ra hết cho màu nước trà xanh mát mắt tới thưởng thức hương và vị của trà, đây chính là những giây phút thư giãn quý giá. Kết hợp làm đẹp bằng nước trà sẽ cho bạn làn da sáng bóng, mịn màng tươi mát như da em bé.



Song Hỷ Trà™

TRÀ OOLONG 68 ★★★★★

TRÀ OOLONG 79 ★★★★★

TRÀ OOLONG ĐĂNG ĐỪNG ★★★★★

Trà Oolong - Thức uống tuyệt vời cho phái đẹp



0947 798 186

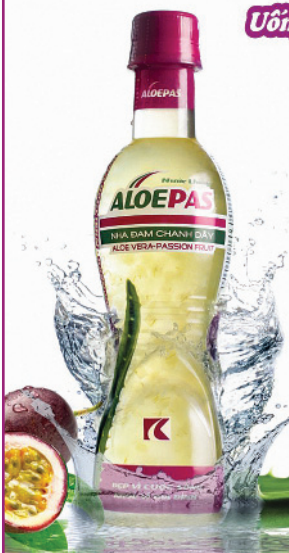
Song Hỷ trà

6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3





Điều Khiển bởi: THIÊN PHÚ THẢO
43/2N, Nhà Vườn, Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
08.37 13 13 13 - 01 666 000 666 - 01 222 999 666
WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com

KHÂM TÍN

Nước Uống ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

- Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.
- Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của: **CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
Số: 284/11 Cô Bắc, Phường, Cờ Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
SXT Nhà máy: **CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN**
Số 2 Lô A, Cù Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website: www.khamtin.vn Email: khamtin1668@gmail.com



ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH



pháp uyển

DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ**
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"




THỰC PHẨM DƯỠNG SINH

CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel: 08 22422951
Facebook: [channguyen](https://www.facebook.com/channguyen)
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



DIỆU TƯỚNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIỆU TƯỚNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



zenart.com.vn

Tên
tạo
tượng
Phật
là
một
pháp
môn
tu



Kính
mừng
lễ
Vía
Đức
Phật
Được
Sư

(30/9 ÂL)

C.TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
ZEN ART
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT

Để thỉnh tượng Phật, Quý vị hãy liên hệ với Zen Art: **0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)**
Số 64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM - Email: mythuatzen@gmail.com - Facebook: mythuatz.zen@facebook.com



Diễn đàn Phật học Vườn Tâm Cuộc thi viết văn “Vượt qua nghịch cảnh”

Sau thành công cuộc thi viết văn *Nói lời tri ân* từ năm 2012 đến năm 2014, Diễn đàn Phật học Vườn Tâm (www.vuontam.net) tiếp tục tổ chức cuộc thi viết văn với chủ đề “**Vượt qua nghịch cảnh**”. Nội dung các bài dự thi yêu cầu viết về chính bản thân mình, không sao chép, tưởng tượng hoặc viết về người khác, bài viết chưa từng xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc đã dự thi đoạt giải ở các cuộc thi khác. Bài dự thi thuộc thể loại văn xuôi, khoảng 1.200 chữ, tập trung khai thác 2 nội dung chính:

- *Bạn đã kiên cường và nghị lực như thế nào trong “cuộc chiến” với những khó khăn, thử thách của cuộc sống, rào cản từ gia đình, bạn bè, xã hội... để mang lại vinh quang cho bản thân mình?*

- *Bạn đã nhận ra sai trái và cố gắng chế ngự ba chữ tham-sân-si như thế nào để lòng mình trở nên an nhiên, tự tại?*

- **Trưởng ban Tổ chức:** Đại đức Thích Giác Như
- **Đối tượng tham gia:**

Tăng Ni, Phật tử, công dân là người Việt Nam đang sinh sống, học tập ở trong và ngoài nước, không phân biệt tôn giáo, đều có thể tham gia cuộc thi.

- **Cơ cấu giải thưởng:**

Gồm 1 giải nhất (5.000.000 VNĐ), 2 giải nhì (3.000.000 VNĐ/giải), 3 giải ba (1.000.000 VNĐ/giải) và 5 giải khuyến khích (500.000 VNĐ/giải) cùng kỷ niệm chương, quà tặng. Thời gian trao giải dự kiến vào dịp Tết Bính Thân 2016.

- **Bài dự thi gửi về địa chỉ email:**

vuotquanghichcanh.ttpv@gmail.com

Cuộc thi nhận bài đến hết ngày 10-12-2015
(nhằm ngày 30 tháng 10, năm Ất Mùi)

Đón đọc

VĂN HÓA P HẬT GIÁO

SỐ 238

Phát hành ngày 1 - 12 - 2015

**CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:
HÀ NỘI**

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quầy báo
110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Kim Khánh)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG